

I THÁNG 4 NĂM 1971

# BACH KHOA

*năm mười lăm*

TỪ TRÌ bầu cử tại Ấn-Độ \* GEORGES E. GAUTHIER

diễn trình của một sự nghiệp \* VÕ-HỒNG giữ hay bỏ

hai kỳ hạch tấn-ích ? \* NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM

trường hợp quy-nạp-pháp \* NGUYỄN-MỘNG-GIÁC

nổi bật khoản của Kim Dung \* ĐỖ-TRỌNG-HUỀ văn

hóa và văn chương \* TRẦN-HOÀI-THƯ chiếc nón Gò

Găng \* LÊ-VĂN-THIỆN này đêm \* NGUYỄN-ĐỨC

NHÂN buồn loãng trên đời \* LÊ-VĂN-TRUNG lời cảm

ơn bạn bè \* KINH-DƯƠNG-VƯƠNG tại ương

SINH HOẠT : thời sự

thế giới \* thời sự văn

nghệ \* thời sự khoa học

342



# TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG      Thư ký: TÔN THẮT HÀM  
HOÀNG MINH TUYNH      Tòa soạn:  
Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU      Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN  
Chủ bút:      NGUYỄN HUY NHÂN

## GIÁ BÁO

MỖI SỐ      50đ.  
SÁU THÁNG      550đ.  
MỘT NĂM      1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54,262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

## GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

# BÁCH KHOA

Số 342 ngày 1-4-1971

TỪ TRÌ bầu cử tại Ấn-Độ	05
GEORGES E. GAUTHIER một người Gia-nã-đại và nghệ-thuật của Phạm-Duy: diễn trình của một sự nghiệp THU-THỦY dịch	16
ĐỖ TRỌNG HUỀ văn hóa và văn chương	23
NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM trường hợp qui-nạp-pháp	29
NGUYỄN-MỘNG-GIÁC nỗi băn khoăn của Kim-Dung	39
VÕ-HỒNG giữ hay bỏ Hạch tấn-ích?	47
TRẦN-HOÀI-THU chiếc nón Gò Găng (truyện)	51
LÊ-VĂN-THIỆN này đêm (truyện)	59
NGUYỄN ĐỨC NHÂN buồn loãng trên đời (thơ)	64
LÊ-VĂN-TRUNG lời cám ơn bạn bè (thơ)	65
KINH-DƯƠNG-VƯƠNG tai ương (truyện)	66
<b>SINH HOẠT</b>	
TỪ TRÌ thời sự thế giới	78
THU THỦY thời sự văn nghệ	82

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU  
Chủ bút :  
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon  
Điện-thoại : 25.539  
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG  
21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon  
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ  
Cao Nguyên và Miền Trung  
thêm cước phí máy bay

## Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Lịch sử triết học Tây phương** của Lê Tôn Nghiêm do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 320 trang trình bày lịch sử triết học Tây phương thời kỳ khai nguyên triết lý Hi-lạp qua các trường phái Milet, Pythagorisme, Elée, Ngụy luận gia... Bản đặc biệt. Giá bán thường 320đ.

— **Cười** (Đông, Tây, Kim, Cồ) của Vũ Bằng do Phong Phú xuất bản và gửi tặng. Sách dày 192 trang khảo luận về cái cười và các truyện cười Đông, Tây, Kim, Cồ... Giá 200đ.

— **Chủ nghĩa Xã hội Dân chủ** của Nguyễn văn Ngãi, và Lê Trường Sơn do Lực lượng Dân chủ V.N. ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 150 trang gồm 4 phần trình bày quan niệm các vấn đề chính trị, kinh tế và văn hóa của Chủ nghĩa Xã hội Dân chủ. Giá 150đ.

— **Nghệ thuật nuôi chim cút** của Vũ Hạnh, do Trí Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 130 trang trình bày cặn kẽ đầy đủ về : nguồn gốc, giống loại, đặc tính, chuồng trại, thức ăn, trứng v.v... của chim cút cùng cách ấp trứng, úm cút, nuôi chim béo, và trị bệnh cho cút. Giá 300đ.

— **Nhánh rong phiêu bạt** truyện dài của Võ Hồng do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 13 được xuất bản của tác giả dày 250 trang một nội dung thật cảm động và lôi cuốn. Bản đặc biệt.

— **Ngày hồng xưa** tuyển truyện viết về tuổi thơ của Dương Nghiễm Mậu, Duyên Anh, Huỳnh Phan Anh, Mương Mán, Nguyễn Mạnh Côn, Phan

Du, Trùng Dương, Võ Hồng, do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 142 trang gồm 8 truyện. Giá 50đ.

— **Quê hương tan rã** nguyên tác «Things fall apart» của Chinna Achebe do Nguyễn Hiến Lê và Hoài Khanh dịch Ca Dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Truyện rất hấp dẫn kể lại cuộc đời một anh hùng trong bộ lạc Ibo tại Nigeria do nhà văn Tây Phi viết. Bản đặc biệt. Giá 300đ.

— **Tên phiêu bạt** tân truyện của Nguyễn Sa Mạc do Nhân Sinh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 100 trang, Tống Việt Chiêm viết bạt. Giá 100đ.

— **Cho tuổi hồng hoang** tập thơ của Thủy Triều do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 32 trang gồm 24 bài thơ, trình bày trang nhã. Giá 150đ.

— **Giải tích học** của Lê Văn Tú, do An Định xuất bản và gửi tặng. Sách giáo khoa dành cho học sinh lớp 12B, mỗi bài đều có một số bài tập có giải và bài tập, kèm theo một số đề thi tú tài và bảng Danh từ đối chiếu Việt, Anh, Pháp. Sách dày 260 trang. Giá 260đ.

— **Tập san sử địa số 21** chủ đề: 200 năm phong trào Tây Sơn với các bài biên khảo của Hoàng Xuân Hãn, Nhất Thanh, Trương Bá Phát, Nguyễn Toại, Nguyễn Đăng Thục, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Ngọc Cư và Hoàng Ngọc Thành. Giá 150đ.

— **Thoát nguyệt san**, số ra mắt tháng 3-71, do Hoàng Lam chủ biên, Tòa soạn 32 Nguyễn Bình Khiêm Sài-Gòn. Mỗi số khổ 30x43. Giá 20đ.

— **Zen và dưỡng sinh** do Thái Khắc Lễ biên soạn, ấn hành và nhà phát hành gửi tặng. Sách dày 300 trang gồm 20 chương trình bày từ nguyên tác Âm Dương và phép ăn uống Ohsawa đến các phương pháp trị oệnh theo cách ăn uống này. Giá 295đ.

# Bầu cử tại Ấn-Độ

Cuộc bầu cử Hạ-Viện tại Ấn-độ vừa qua đã đánh dấu một giai-đoạn mới của đời sống chính-trị Ấn-độ. Từ khi Ấn-độ thu-hồi độc-lập vào năm 1948 tới nay chưa có một cuộc bầu-cử nào có một tầm quan-trọng đặc-biệt như vậy. Ngay từ khi Ấn-độ độc-lập, Đảng Quốc đại dưới quyền lãnh-đạo của Nehru đã luôn luôn nắm chính-quyền. Nehru, cho tới khi chết, đã ở lại chức-vụ Thủ-tướng luôn trong 16 năm trời. Vì là một anh-hùng dân-tộc đã có công đưa Ấn-độ tới giải-phóng, uy-tín của Nehru không ai phủ nhận được kể cả phe đối-lập. Nhưng năm 1964 Nehru đã qua đời, những người kế-nghiệp ông, dù trước kia là bạn đồng-hành tranh-đấu của ông, đều không có đủ uy-tín để có thể được các phe-phái trong nước chịu ủng-hoàng. Vì vậy mà một cuộc khủng-hoảng kể từ đã được mở màn từ 7 năm qua và tới nay mới có hy-vọng chấm-dứt.

Sau khi Nehru qua đời, trước sự tranh-chấp quá quyết-liệt của những người bạn đồng-hành của ông trong Đảng Quốc-đại người ta đã tưởng tìm ra được một giải-pháp làm vừa lòng tất-cả mọi người bằng cách cử ông Shastri lên làm Thủ-tướng. Ông Shastri là một người ôn-hòa mẫu-mực, có một đức thanh-liêm hiếm có, nhưng ông đã chỉ ở được chính-quyền có gần một năm rồi đột-ngột qua đời tại Hội-nghị Tachkent bên Nga khi ông sang thương-

thuyết với Hồi-quốc về vấn-đề Cache-mire.

Cuộc khủng-hoảng kể-vị lại một lần nữa bùng-nổ giữa hai đối-thủ cùng có uy-tín là ông Desai, một trong những cộng-sự viên thân-tín và trung-thành nhất của Nehru, và bà Indira Gandhi, con gái của chính ông Nehru. Người ta đã phải đi tới một giải-pháp dung-hòa là cử bà Gandhi làm Thủ-tướng và ông Desai làm Phó Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Tài-chánh.

Nhưng tới năm 1969, vì ông Desai luôn luôn phản-đối chính-sách cấp-tiến của bà Gandhi nên bà đã quyết-định chấm-dứt nhiệm-vụ của ông Desai. Quyết-định này đã khiến Đảng Quốc-đại bị nứt vỡ thành hai khuynh-hướng và khiến đời sống chính-trị của Ấn-độ bước vào một tình-trạng bất ổn. Cuộc bầu-cử Hạ-viện trong tháng 3-1971 vừa qua đã chính-thức chấm-dứt tình-trạng bất ổn này và Indira Gandhi đã chiếm được một đa số 3/4 nên trong 4 năm sắp tới bà sẽ được rảnh tay hành-động.

## Từ cuộc bầu cử 1967 tới cuộc bầu cử 1971

Hai năm sau khi bà Indira Gandhi giữ chính-quyền ở Ấn-độ, một cuộc bầu-cử Hạ-viện đã được tổ-chức và cuộc bầu-cử này là nguồn-gốc của những nỗi khó-khăn mà bà Indira Gandhi phải đối-phó trong 4 năm liên-tiếp. Các khó-khăn

này đến tận ngày nay vẫn còn chưa được giải-quyết thỏa-đáng. Tuy tỏ ra là một người đàn bà có khả-năng và đầy nghị-lực, bà Indira Gandhi vẫn bị nhiều lần thất-bại trong những năm qua.

Năm 1967, trước kết-quả của cuộc bầu-cử Hạ-viện, nhiều người bi-quan đã tiên-đoán sự sụp-đổ của đảng Quốc-đại. Thật vậy, sau 19 năm cầm-quyền, đảng này chỉ được dân-chúng ủng-hộ vì hai yếu-tố: quá-khứ tranh-đấu chống Anh và uy-tín cá-nhân của cố Thủ-tướng Nehru. Khi Nehru không còn nữa người ta đã dần-dần thấy rõ rằng đảng Quốc-đại càng ngày càng sa-lầy trong các vấn-đề quốc-gia, khi các vấn đề này được đưa ra giải-quyết.

Trước hết là vấn-đề khan-hiếm thực-phẩm. Mặc dầu Ấn-độ đã là một quốc-gia có một đời sống chính-trị ổn-cố nhất trong các quốc-gia chậm tiến, mặc dầu Ấn-độ đã tích-cực soạn-thảo và thực thi các kế-hoạch phát-triển một cách khoa học và tinh-vi, Ấn-độ vẫn chưa kiếm đủ thực-phẩm để nuôi dân. Với một tăng-suất dân-số là 3,7% một năm những nỗ-lực phát-triển trong nước đều phải dùng để đối-phó với nhu-cầu tiêu-thụ không ngừng gia-tăng. Cứ mỗi tuần-lễ Ấn-độ lại phải tìm cách cung-cấp thực phẩm cho thêm 200.000 miệng ăn. Để thoát khỏi tình-trạng này, chính-phủ Ấn đã cố-gắng áp-dụng một chính-sách kiểm soát sinh-đẻ. Chính-sách này được ồ-ào phát-động trong dân-chúng. Các công chức cao-cấp đều có chừng khoảng một hay hai con là tối-đa. Người ta kể tên những vị Tổng-trưởng trong Nội-các đi bác-sĩ giải-phẫu để hạn-chế số con của mình. Tại ngoài đường phố, người

ta còn thấy những con voi đi quảng-cáo vòng xoắn cho đàn bà ngừa sinh đẻ. Trong khi người ngồi trên lưng voi thổi kèn đánh trống, lớn tiếng ca-ngợi công-dụng của chiếc vòng xoắn thần-diệu, thì con voi được huấn-luyện sẵn, dùng vòi dúi cho các nữ khán-giả một chiếc vòng xoắn. Nhưng nếu chính-sách gia-đình được các giới trí-thức cực-lực hưởng-ứng thì phần lớn dân-chúng lại tỏ vẻ hoài-nghi. Hơn nữa một chính-sách gia đình muốn thành công thì cần phải giáo dục đại-chúng trước đã. Tại Ấn-độ 70% dân còn mù chữ nên người ta không hiểu được sự ích-lợi của chính-sách này. Chính-phủ có gửi cán-bộ tới nông thôn để dạy dân các phương-pháp ngừa thai, nhưng vì trình-độ văn-hóa quá kém nên người đàn bà Ấn-độ không thể nào áp-dụng các phương-pháp này một cách hữu hiệu được. Người ta thường kể thí-dụ một cán-bộ cho người đàn bà Ấn 30 quả bóng đen và trắng và dặn rằng kể từ ngày thấy kinh cứ mỗi ngày chuyền một quả bóng từ trái qua mặt. Và ngày nào thấy bóng trắng thì được gần chõng còn ngày nào thấy đến lượt bóng đen thì nên kiêng cử. Người đàn bà Ấn độ này đã cẩn thận tuân theo lời chỉ-dẫn của người cán-bộ. Nhưng đến khi tới ngày có bóng đen thì người đàn bà này cùng một lúc đẩy hết các quả bóng đen sang qua bên mặt để được sớm gần chõng.

Chính-sách gia-đình do đó bị thất-bại và các nhà máy sản-xuất các dụng-cụ ngừa thai như vòng xoắn, bao nhựa đều phải ngưng hoạt-động vì thiếu khách hàng. Sự thất-bại của chính sách gia-đình đưa tới sự thất-bại của chính-sách phát-

triển kinh-tế. Hơn nữa Ấn-độ còn gặp thêm khó-khăn vì chính phủ Ấn muốn tôn-trọng dân-chủ. Thay vì bắt dân chúng phải hy-sinh tiêu-thụ để chỉ sản-xuất máy-móc trang-bị như ở Trung-Cộng thì Ấn-độ lại quá chú-trọng tới nhu-cầu tiêu-thụ của dân-chúng hơn là nhu cầu phát-triển của quốc gia. Thay vì dùng độc-tài cách-mạng để đốt cháy giai-đoạn thì Ấn-độ lại cố-gắng duy-trì dân-chủ và chỉ muốn dùng những biện-pháp cải-cách để mở-mang kinh-tế mà thôi. Vì vậy Ấn-độ lấy được thiện cảm của các quốc-gia tư-bản Tây-phương vì các quốc-gia này coi Ấn-độ như là một kiểu-mẫu phát-triển trong dân-chủ để đối lại với kiểu dùng bạo lực độc tài như tại Trung-Cộng.

Dung-hòa giữa nhu-cầu dân chủ và nhu-cầu phát-triển quốc gia, đó là một mục-tiêu cổ-hữu của đảng Quốc-đại. Muốn thành-công người ta cần phải có những lãnh-tụ sáng-suốt và mạnh bạo trong khi các lãnh-tụ đảng chỉ là những ông già, bạn đồng-hành của Nehru. Các ông già này đã có công giải-phóng Ấn-độ như Nehru. Nhưng tới khi nắm trách-nhiệm điều-khiển một nhà-nước tân-tiến, đối-phó với những vấn-đề phức-tạp của một quốc-gia tân-tiến thì các lãnh-tụ già đã không theo nổi đà tiến-triển của thế-giới. Lãnh-tụ đảng Quốc-đại Kamaraj đã tranh-đấu bên cạnh Nehru, ông đã có một cuộc sống khác-khổ của một vị hiền-triết, xa lánh đàn bà trên cả hàng chục năm. Nhưng như vậy chưa đủ để điều-khiển một nước Ấn-độ tân-tiến có tới 600 triệu dân, bên trong thì phải đưa dân khỏi nạn đói, nạn thiếu dinh-dưỡng và bên ngoài thì phải

tiếp-tục đóng vai-trò lãnh-tụ khởi Đệ-tam thế-giới khiếm khai, không liên-kết. Vì vậy mà ông Kamaraj, năm 1967, đã thất-cử tại tiểu bang Madras, trừ ớc mt đối-phương mới 29 tuổi.

Cùng với sự thất-cử của ông Kamaraj đảng Quốc-đại cũng mất một lúc 91 ghế tại Quốc-hội liên-bang Ấn. Các đảng cực hữu và cực-tả đã thắng-lợi nhiều. Tại tiểu bang Karala đảng Cộng sản thân Trung-Cộng đã chiếm được 100 ghế trên 133 ghế tại Nghị-viện của tiểu-bang.

Sau cuộc bầu-cử tháng 3-1967, đảng Quốc-đại chỉ còn giữ được có 270 ghế trên 523 ghế tại Quốc-hội liên-bang Ấn. Tuy vẫn còn nắm được đa số quá bán nhưng người ta thấy Quốc-hội đã bắt-đầu lu-mờ và các đảng cực-hữu và cực-tả lớn mạnh hơn trước.

Tuy được tái-cử một cách vẻ-vang với 91.000 phiếu hơn đối-thủ, địa-vị của Nữ Thủ-tướng Indira Gandhi vẫn không vững. 7 ông Tổng-trưởng của bà đã bị thất-cử. Và hơn lúc nào hết, người ta tính chuyện đưa ông Desai lên thay-thế bà trong chức-vụ Thủ-tướng. Nhưng sau cùng bà đã thắng và duy-trì được địa-vị của mình khiến đảng của bà vẫn tiếp-tục cử bà làm Thủ-tướng.

Sau cuộc bầu cử 1967, bà Indira Gandhi hiểu rằng chỉ có một chính sách hiệu động và mạnh bạo mới có thể cứu vãn được tình thế. Vì vậy bà đã áp dụng một chính sách cấp-tiến mà bước đầu tiên là quốc-hữu-hóa các ngân-hàng trong nước. Nhưng chính sách này đã vấp phải sức chống đối ngay trong hàng ngũ đảng Quốc-đại... Ông Desai,

Phó Thủ-tướng và Tổng-trưởng Tài-chánh cực lực phản đối việc quốc-hữu-hóa các ngân-hàng vì đó là một hành-động vi-phạm quyền tư-hữu. Bà Gandhi đã phản-công lại trong năm 1969 bằng cách đưa ông Giri, người của bà lên làm Tổng-thống và đồng thời chấm dứt nhiệm-vụ của ông Desai.

Cuối năm 1969 phe các lãnh-tụ thủ cựu, mà người ta gọi là « Nghiệp đoàn » các lãnh-tụ đã khai trừ bà Indira Gandhi khỏi đảng Quốc-đại. Phe của bà Gandhi cũng trả đũa lại bằng cách khai trừ họ. Sau đó bà thành lập một đảng Tân Quốc-đại để tách rời khỏi đảng của mấy vị lãnh-tụ lão thành. Nhưng cũng vì vậy mà địa-vị của bà ở Quốc-đại bị suy yếu. Các dân biểu của đảng Quốc-đại và các đảng khác gia nhập đảng Tân Quốc-đại chỉ có được 229 người, trong khi đảng Quốc-đại của ông Desai qui tụ 65 dân biểu để duy trì địa-vị của mình. Bà Indira Gandhi chỉ còn có một cách liên-kết với các đảng tả phái và ngay cả với đảng Cộng-sản, khuynh hướng thân Mạc-tư-khoa. Tuy đường lối của bà không rõ rệt nhưng người ta có nhiều dịp để tố cáo bà thân Cộng. Tại quốc-nội, bà cố gắng dùng các biện-pháp ngăn chặn mọi sự lạm-dụng của quyền tư-hữu. Tại ngoại quốc bà đã luôn luôn có đường lối thân hữu với phe Cộng-sản. Vì không những bà cần phiếu của các đảng cực hữu để ở lại chính quyền mà bà còn cần được lòng Trung Cộng. Từ năm 1962, khi Trung Cộng tấn công vùng Hy-mã-lạp-sơn tới nay nước này luôn luôn là một mối đe dọa chính của Ấn-độ. Do đó Ấn dồn mọi nỗ lực ngoại-giao vào việc củng cố giây thân-hữu với nước láng giềng phía Bắc.

Đối với Nga thì Ấn-độ có thể hoạt động được tự do hơn vì từ khi cuộc tranh chấp Nga - Hoa bùng nổ tới nay, người ta thấy Nga, vì muốn duy trì một chính-thể Ấn-độ « trung lập » nên luôn luôn ủng hộ Ấn. Ủng hộ Ấn đối với Nga còn là chống Trung-Cộng. Nhưng khi Trung-Cộng xúi bẩy Hồi-quốc gây khó khăn với Ấn, Nga đều cố tìm cách giải hòa hai phe Ấn - Hồi. Ở Hội-nghị Tachkent tháng 1-1965, chính Thủ-tướng Kossyguine đã đích thân làm người liên lạc giữa hai ông Shastri và Ayub Khan. Bà Indira Gandhi đã đẩy mạnh chính sách thân Cộng đến độ đón tiếp Nguyễn-thị-Bình tại Tân Đê-li trong khi Ấn-độ, một trong 3 quốc gia hội-viên của Ủy-hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến ở Đông-dương, có nghĩa vụ phải có một đường lối trung-lập. Từ cuối năm 1969, Hải-quân Nga đã đặt nhiều chiến hạm ở ngoài khơi bán đảo Malacca. Người ta còn đồn rằng bà Gandhi đã nhường cho Nga một đảo nhỏ trên biển Đại-tây-dương để Nga đặt căn cứ hải-quân. Cũng cuối năm 1969 người ta thấy Nga đề nghị thành lập một minh-ước phòng thủ Á châu trong đó có Ấn-độ.

Tuy có chính-sách ra mặt thân Cộng, bà Indira Gandhi vẫn gặp nhiều khó khăn với tả phái trong nước. Chính sách thân Cộng của bà Gandhi dù sao cũng chỉ là một chiến-lược để tranh thủ thời gian mà thôi nên các quyết định của bà không được rõ rệt. Vì vậy không một vấn đề nào được giải quyết thỏa đáng. Tại tiểu-bang kỹ nghệ quan trọng Tây Bengal, người ta thấy như là có một tình trạng vô chính-phủ.



Kinh tế gặp khủng hoảng. Vật giá leo thang mau lẹ và nạn thất nghiệp càng ngày càng trầm trọng.

Ngay những thành quả tốt đẹp lượm được cũng vẫn làm chính phủ Tân Đê-li khó khăn thêm. Song song với sự phát-triển giáo-dục và kỹ-nghệ, dân chúng ý-thức được thêm qui-chế yếu kém của mình nên càng ngày càng sốt ruột mong ra khỏi tình trạng túng đói. Những cuộc nổi loạn đang âm ỉ cháy trong dân chúng. Trước tình trạng khẩn trương này, bà Gandhi đã bắt động chỉ vì thiếu một đa số mạnh mẽ tại Quốc-hội.

Tháng 3-1971 vừa qua, bà Indira đã quyết định tìm một lối thoát cho tình-hình chính-trị bất ổn hiện tại. Một cuộc tổng tuyển-cử được tổ-chức để bầu lại Quốc-hội liên-bang và các nghị viện của các tiểu-bang. Và bà đã mở một cuộc tranh cử chưa từng thấy trong lịch-sử Ấn-độ.

### **Cuộc bầu cử tháng 3-1971 và tương-lai chính-trị của bà Indira Gandhi**

Với một số cộng-sự-viên nhỏ, bà Gandhi đã dùng trực thăng đi khắp lãnh-thổ Ấn-độ. Tất cả mọi đô-thị có dân chúng đông đều được bà viếng thăm. Có những ngày bà đọc tới 14 bài diễn-văn. Dân chúng kéo nhau lũ lượt tới xem bà hơn là nghe bà nói. Tuy nhiên dù có nghe bà nói chẳng nữa người ta cũng vẫn không hiểu bà sẽ làm gì và hành động ra sao. Thật vậy, để lôi cuốn cử-tri thuộc mọi phe phái, mọi giai-tầng xã-hội, bà Gandhi cố tình đưa ra một chương-trình hết sức mờ ảo. Trong khi bà hứa sẽ bãi

bỏ chế-độ ưu đãi của các lãnh-chúa, và hứa sẽ tu-chính hiến-pháp để giới-hạn quyền tư-hữu thì các cộng-sự-viên của bà đã vội vàng trấn an giới trung-lưu và các doanh-nhân là những biện-pháp bà Gandhi đề nghị chỉ là để làm yên lòng giai-cấp lao động chứ không có nghĩa là sẽ hủy bỏ quyền tư-hữu.

Với một chương-trình mờ ảo có mục đích thu hút mọi người, bà Indira Gandhi còn luôn luôn nhấn mạnh rằng bà là con gái Nehru và bà đã và sẽ phục vụ dân chúng suốt cuộc đời. Hình ảnh một cô bé Indira ngồi chơi bầy traten và trả lời khi có khách rằng: « Bà má ở tù » đã được phổ biến như một huyền-thoại của cuộc đấu tranh giành độc lập khiến dân chúng thêm thiện-cảm đối với Nữ Thủ-tướng Gandhi.

Kết-quả là bà Gandhi đã thắng. Tuy cuộc kiểm phiếu chưa hoàn tất, nhưng người ta được biết rằng bà đã nắm được 350 ghế trên 515 ghế, một đa số 2/3 dân biểu ở Quốc-hội liên-bang. Ngay tại các tiểu-bang mà phe đối-lập nắm giữ quyền kiểm-soát, người ta cũng thấy đảng Tân Quốc-đại của Indira Gandhi chiếm đa-số tại tiểu-bang Uttar Pradesh, nơi dân chúng theo Cộng-sản nhiều nhất mà đảng Tân Quốc-đại cũng chiếm tới 72 ghế trên 85 ghế tại Nghị-viện tiểu-bang. Tại tiểu-bang Misore đảng Tân Quốc-đại còn chiếm luôn tất cả 27 ghế.

Cùng một lúc với thắng lợi vẻ vang này Liên-minh 4 đảng đối lập cực-hữu của đảng Cựu Quốc-đại và đảng Jan Sangh chỉ chiếm được có 21 ghế tại Quốc-hội.

Tại cả lục-địa Ấn-độ người ta coi

cuộc bầu cử này như một luồng gió mới đang quét dọn những cơ-cấu cổ-hủ của đời sống chính-trị Ấn-độ. Người ta còn gọi cuộc bầu cử này là trận « bảo Indira ».

Với một đa số như vậy bà Indira đã có đủ uy quyền để làm việc. Đây là lần đầu tiên trong lịch-sử chính-trị Ấn-độ, kể cả dưới thời Nehru, mà dân chúng tin nhiệm một vị Thủ-tướng đến như vậy. Và trong 6 năm cầm quyền, người thấy bà Indira Gandhi đã thay đổi hẳn. Từ một người đàn bà khiêm-tốn núp trong bóng người cha vĩ-nhân, bà đã trở thành một lãnh-tụ hiệu-động có quyền-uy. Thật vậy, khi Nehru còn sống, dù Indira Gandhi ở trong chức vụ Đại-sứ Ấn-độ tại Mạc-tur-khoa, dù bà ở chức vụ Tổng-trưởng Lao-động hay Ngoại-giao người ta vẫn thấy bà luôn luôn hết sức kín đáo. Từ khi bà chấp chính tới nay, bà đã trở thành một vị Nữ Thủ-tướng gan dạ, có đủ quyền biến mưu mô. Trong nội-các chỉ có bà có quyền quyết-định. Các phần tử chống đối của đảng Cựu Quốc-đại đã nói rằng: « Các Tổng-trưởng trong nội-các chỉ là những quân bài trong tay bà để sắp xếp tùy theo ý muốn ».

Tuy nói rằng bà thân Cộng nhưng người ta nhận thấy bà có một đường lối nhất định mà bà luôn luôn giữ kín. Thí dụ như khi bà cử một đảng viên Cộng sản làm Tổng Giám-đốc hãng Hàng-không Ấn-độ, chính phủ Nga đã khoan khoái cho rằng bà sẽ mua máy bay Tupolev của Nga. Nhưng họ đã sớm thất vọng vì ngay sau đó bà đã quyết định mua máy bay Boeing của

Mỹ, chính phủ Nga còn bực mình hơn nữa khi hãng Hàng-không Ấn-độ in quảng-cáo vẽ hình một du-khách Ấn-độ đi trên công-trường đồ ở Mạc-tur-khoa. Mỗi bước chân của người du-khách này đều để lại một dấu vết đỏ như máu.

Tuy lúc này có đủ quyền hành để cai-trị, nhưng bà Indira Gandhi vẫn sẽ vấp phải nhiều khó khăn trong nhiệm kỳ Quốc-hội tới. Thật vậy, 4 nhóm người đã thề nhất định hạ bà. Nhóm thứ nhất của ông Moraji Desai, một người đã có một quá-trình tranh đấu trên 40 năm, lãnh đạo đảng Cựu Quốc-đại và ba đảng cực hữu khác, Desai không chịu chấp nhận sự can thiệp quá mức của Nhà nước vào đời sống kinh-tế trong nước. Nhóm đối-lập thứ hai là đảng Jan Sangh do ông Atal Behari Vajpayee, người mà bà Indira gọi là Hitler. Ông Vajpayee có một lập-trường quốc-gia cực đoan đến độ cách đây hơn một năm ông đã lãnh đạo những cuộc bạo động chống người Hồi-giáo. Ông còn lên tiếng đòi một chính sách cứng rắn đối với Hồi-quốc và các nước Cộng-sản, đòi chế bom nguyên-tử và tăng-cường hải-quân. Nhóm thứ ba là nhóm 279 lãnh chúa (Maharajahs) do tiến-sĩ Karni Singh, lãnh chúa vùng Bikaner lãnh-đạo. Các lãnh chúa nhất định duy-trì đặc quyền của mình chống chính-sách xã-hội của bà Gandhi. Và nhóm thứ tư là đảng Cộng-sản do ông Jyoti Basu lãnh đạo. Nhóm này chủ-trương thực-hiện cách-mạng vô sản bằng những phương-tiện hợp-pháp. Giới thợ thuyền, kỹ-nghệ cơ cực của tiểu-

bang Tây Bengal là hậu thuẫn chính của Basu.

\* \* \*

Tuy những khó khăn còn đợi bà Indira Gandhi trong những năm tới, nhưng với một uy tín mới, một quyền lực mà chưa một vị Thủ-tướng Ấn-độ nào từng có, người ta tin rằng bà Gandhi sẽ thu được những thắng lợi. Trong các năm qua bà đã luôn luôn tỏ ra là một người đàn bà có cá-tính mạnh có một nghị-lực phi thường. Những đức tính này bà đã khéo léo che đậy đến nỗi khi bà lên làm Thủ-tướng người ta mới biết được. Khi đưa bà lên thay thế ông Shastri, ông Kamaraj và các lãnh-tụ đảng Quốc-đại

không ngờ rằng bà sẽ là người loại bỏ họ khỏi guồng máy nhà nước. Nhưng cũng nhờ có bà mà đảng Quốc-đại bị sa lầy sau 17 năm cầm quyền đã lấy lại được sự tin tưởng của dân chúng. Trước những kết-quả không mấy t<sup>m</sup>t đẹp của đảng Quốc-đại năm 1967, bà đã thốt ra câu bình-luận đầy triết-lý: « Đời là như vậy, có lúc thăng có lúc trầm ». Sau 4 năm thử thách bà đã vượt qua lúc trầm để đến lúc thăng, người ta hy vọng rằng bà sẽ đem lại cho Ấn-độ một tương-lai tốt đẹp hơn. Sự thành công của bà từ nay sẽ làm cho người ta coi bà như một vị Thủ-tướng có tài hơn là ái nữ của một vị anh hùng dân-tộc.

TỪ TRÌ

## PHÂN ƯU

*Được tin: Anh NGUYỄN XUÂN QUANG thuộc Tiểu Đoàn 5 Nhảy dù, em ruột nhà văn HOÀNG NGỌC TUẤN, vừa đền nợ nước tại mặt trận Hạ Lào ngày 5-3-1971.*

*Xin chân thành chia buồn cùng anh Hoàng Ngọc Tuấn và tang quyến.*

LÊ NGỘ CHÂU và Tòa soạn TẠP CHÍ BÁCH KHOA

## CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, truyện « Tuổi trẻ hư không » của Hoàng Ngọc Tuấn không đăng kịp trong số này.

Xin quý bạn đón coi tiếp trên số Bách Khoa 343 (15-4-71) tới đây và xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc.

Tòa soạn Bách-Khoa

## Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

# Diễn trình của một sự nghiệp

*Tôi biết rằng niềm đau khổ  
là sự cao thượng duy nhất*  
BAUDELAIRE

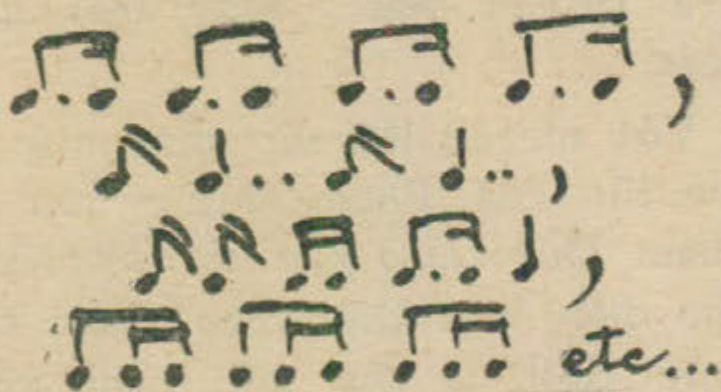
(tiếp theo BK. số 340)

Nhưng vào khoảng cuối những năm 60 ấy, biến cố trong đời nghệ sĩ một lần nữa lại là biến cố tình cảm. Nàng tiên tuyệt vời đã bước vào cuộc đời Phạm Duy mười năm trước bây giờ nhẹ nhàng rút ra khỏi. Mỗi tình đã từng đưa Phạm Duy đến những đỉnh cao bao nhiêu, thì sự vắng thiếu tình đó cũng lại dẫn chàng vào cảnh đau đớn khủng khiếp bấy nhiêu, đối với cả con người lẫn nghệ sĩ. Nhạc sĩ đi trên quảng vắng đêm trường, nơi mà người con gái đã làm cho hoa ngát hương không còn nữa. Và chính sự hiện diện của vắng thiếu ấy đã làm bối cảnh cho các bản tình ca mà nhạc sĩ đang sáng tác. *Nghìn Trùng Xa Cách, Tóc Mai Sợi Vắn Sợi Dài, Nha Trang Ngày Về, Đừng Bỏ Em Một Mình, Con Quì Lạy Chúa Trên Trời, Phụng Yêu, Nước Mắt Mùa Thu, Yêu Là Chết ở Trong Lòng, Giết Người Trong Mộng*: đó là những bài thơ buồn bã thấm thiết hay băng khuâng, những bài thơ của chia ly, rời của nhớ nhung và cô độc, lại có khi còn là những bài thơ của nước mắt hay của

những mộng mơ đang tàn phai. "Yêu là chết ở trong lòng" Bài thơ của những mảnh tình đã chết... hay phải giết chết! Làm sao giết được, vâng, làm sao giết được người trong mộng ấy, Làm sao, như Hàn Mặc Tử, giết được người đã ra đi nhưng đêm đêm vẫn hiện về, người mà ta muốn giết đi nhưng ta còn mãi mãi cứ yêu. "Làm sao giữ được người trong mộng, để được tình yêu dấu bề bàng? Giết người trong mộng hay giữ người trong mộng? ? ?" Dường như nghệ sĩ không tìm được lời giải đáp cho câu hỏi khắc khoải của mình... Tuy nhiên, hãy để ý đến phần hài âm cuối trong câu nhạc kết của nhạc phẩm cảm động *Giết người trong mộng* này, hài âm bất ngờ và an hòa của âm *Sol trưởng*, như thể sau giấc mơ dữ dội nhạc sĩ đã tìm lại được giấc ngủ yên lành và thoải mái..

Nhưng trong khi các bài thơ cho ta biết rõ về mức độ của vết thương lòng thi sĩ, thì các khúc điệu lại còn cho ta biết một cách đau đớn hơn, đầy ý nghĩa hơn về tất cả nỗi thăng thốt, tất cả sự thống khổ của con người

vắng thiếu niềm hạnh phúc có lẽ là lớn nhất trong đời mình. «Yêu đương là tiếng than van, yêu thương là nát cung đàn...» nghệ sĩ đã bảo ta như thế trong *Yêu Là Chết ở Trong Lòng*. Thật vậy, đây là những khúc điệu u buồn sâu xa, băng khuâng hay trang trọng, cũng là những khúc điệu ngang ngạnh kỳ cục hay rã rời, những khúc điệu phần nào phiêu dạt lan man, trong ấy ngọn lửa trữ tình lớn lao thưở nào chỉ còn loáng thoáng bùng lên đây đó những đốm rỏ. Đây là những khúc điệu của một con tim đang ngừng đập, những khúc điệu thường khi nặng nề và đứt quãng của một con người hình như đang chống chọi với chính mình, những khúc điệu tiến lên lụp chụp từng hồi với một loạt những âm trường ngắn ngủi,



những khúc điệu hồn hèn, của một con người nẹt thở đang bị ngăn chặn mất thứ dưỡng khí *Sinh tử* của mình là : ái tình.

Và lý do là.. «Chỉ có ái tình mới có thể làm tôi suy sút»..., Phạm Duy đã thú thực với tôi như thế. Tuy nhiên nếu tôi phải nói rằng một vài bài trong số các ca khúc có phần kém sút, tôi cũng phải nhấn mạnh rằng nó chỉ sút kém *đối với chính Phạm Duy* mà thôi.— Tôi biết có nhiều nhạc sĩ Việt Nam khác sẽ lấy làm sung sướng

được là tác giả những bài hát gọi là sút kém ấy!— Dù sao, những nhạc phẩm nọ cũng không *hoàn toàn* sút kém, phần lớn trong số ấy thực ra được *vớt vát* nhờ vô số những chỗ táo bạo về hòa điệu như chưa từng thấy trong tác phẩm Phạm Duy.

Nghệ sĩ thỉnh thoảng có thể sa ngã nhưng đã tức thì vùng dậy. Vì nhiều lý do, những năm 1968-69 đã là những năm khó khăn đối với Phạm Duy, nhưng năm 1970 đánh dấu bước đầu của cuộc phục hưng rõ rệt trong nghệ thuật của ông, đặc biệt qua các bài *Phượng Yêu, Nước Mắt Mùa Thu, Kể Chuyện Đi Xa* và nhất là *Mùa Thu Chết, Mùa Thu Chết!* Bài thơ của Guillaume Apollinaire ấy đã ám ảnh suốt tuổi thanh niên của Phạm Duy. Nhưng có lẽ cần phải trải qua tất cả những nụ cười và nước mắt, tất cả niềm vui và nỗi khổ của một kiếp người, bấy giờ các câu thơ của nhà thi sĩ nước Pháp mới gọi hứng cho Phạm Duy viết được một nhạc tứ phong phú và đầy ý nghĩa như thế. Quần chúng Việt nam đã dành cho *Mùa Thu Chết* một sự đón tiếp xứng đáng, nhưng tưởng rằng ca khúc ấy là một *thành công dễ dãi* đối với tác giả là sai lầm. Nghiên cứu kỹ lưỡng bản hợp phò, ta nhận thấy đó là một trong những công trình khúc điệu tinh tế và cẩn thận nhất của Phạm Duy. Đó là một khúc điệu rất công phu, nhưng nhờ nghệ thuật tuyệt diệu của nhạc sĩ cho nên người nghe tưởng chừng như tác giả đã nói phăng ra một hơi. Các hòa âm bao trùm khúc điệu ấy cũng tài tình không kém, khiến cho trang nhạc tuyệt vời ấy thành ra toàn hảo.

Cuối năm 1970, lại xuất hiện bài *Dạ Hành*, lời lẽ ác liệt, gần như ghé rợn, khúc điệu hùng dũng và quả quyết. bao trùm bởi một hòa điệu mạnh mẽ và kỳ lạ trong tiến trình của nó: nhà phù thủy của những năm 40 càng ngày càng thiên về những buổi tà lễ; ông ta không còn điều khiển âm binh quỷ sứ nữa, bây giờ ông ta nhảy múa với chúng!— rồi lại còn bài *Thu Ca Điêu Ru Đơn* dựa theo một bài thơ nổi tiếng của Paul Verlaine.

Sự chọn lựa bài thi ấy rất có ý nghĩa và chứng tỏ rằng Phạm Duy vẫn còn bị các kỷ niệm cũ d y vò Đây là một khúc điệu *Nghẹn Ngào Và Tê Tê* thoảng *Hương Vị* của tử thần, một khúc điệu chậm rãi và khốn khổ, một thứ đưa ma quanh co qua những nẻo đường u tối của âm Ré thứ, một đám ma mà kẻ chết phải chăng là Phạm Duy ? ... Vâng, « Đường về nghĩa trang mộng mênh và lênh đênh ». Và kẻ đi trên con đường ấy, là một người cô đơn...

Tháng 2-1971. Tôi nhìn hai bài hát vừa nhận được : ... *Trả Lại Em Yêu* và *Đạo Ca Một*, Bài thứ nhất dành cho lớp thanh niên phải giã từ mái trường đề ra mặt trận... Lời thơ đơn sơ mà đầy cảm xúc, đầy thứ tình nhân ái vốn làm cho thơ của Phạm Duy cũng có một cái gì duy nhất, một cái gì duy nhất và an ủi. « Trả lại em yêu khung trời đại học. Con đường Duy Tân cây dài bóng mát. Buổi chiều khuôn viên mây trời xanh ngát. Vết chân trên đường vẫn chưa phai nhạt... Trả lại em yêu khung trời mùa hạ. Ngọn đèn hiu hiu, nổi

lòng cư xá. Vài giọt mưa sa hôn mềm trên má. Tóc em thơm nồng dáng em hiền hòa... Anh sẽ ra đi về miền cát nóng. Nơi có quê hương mịt mù thuốc súng. Anh sẽ ra đi về miền mênh mông. Cơn gió Cao nguyên từng đêm lạnh lùng. Anh sẽ ra đi nặng hành trang trong đó. Đem dấu chân soi tuổi đời ngây thơ. Đem mối thương yêu vào niềm thương nhớ. Anh sẽ ra đi chẳng mong ngày về... Trả lại em yêu con đường học trò. Những ngày thủ đô từng bừng phố xá. Chủ nhật uyên ương hẹn hò đây đó, uống ly chanh đường, uống môi em ngọt... Trả lại em yêu mối tình vời vợi. Ngôi trường thân yêu bạn bè cũ mới Đường buồn anh đi bao giờ cho tới Nỗi đau cao vời. Nỗi đau còn dài. Trả lại em yêu... Trả lại em yêu... Mây trời xanh ngát. »

Với những lời thơ man mác ấy, con tim của Phạm Duy — con tim Phạm Duy chưa gợn nét nhăn ấy — phô diễn một khúc điệu dưới hình thức tình ca của tuổi thanh xuân, tình ca vừa buồn man mác vừa vui dịu dàng, tình ca của một hạnh phúc mong manh và tưởng chừng đang bị đe dọa, tình ca mà cũng là một thứ valse chậm, điệu valse không phải theo kiểu Strauss hay Schubert, nhưng là điệu valse theo kiểu Phạm Duy, thứ valse của hoài niệm, thứ valse của u sầu, lướt nhẹ trên cầu vồng óng ánh của ký ức... Đây là một khúc điệu bề ngoài có vẻ giản dị và dễ dàng, cái giản dị và dễ dàng mà chỉ có các bậc thầy mới đạt được, cái giản dị và dễ dàng vốn là

kết quả của nhiều năm dài cố gắng kiên tâm không ngừng. Bài hát ấy, nếu phần hòa điệu rắc rối quá thì sẽ không hợp, cho nên do khiếu mỹ quan riêng, Phạm Duy đã chọn cho khúc điệu tinh vi của ông một lối hòa âm tương đối giản dị, giản dị nhưng rất đặc biệt. Tuy vậy, tác giả vẫn dành cho ta một ngạc nhiên nhỏ: vào đoạn cuối của bản nhạc, nhạc thể chính bất ngờ chuyển từ Mi bémol trưởng sang Sol trưởng ở phần tái trình cuối cùng. Sự chuyển biến đột ngột từ Mi bémol trưởng — âm thể tươi sáng một cách dịu dàng thanh thoát — sang Sol trưởng — âm thể sáng lóa chói chan hơn — phải chăng tiêu biểu cho tâm trạng của chàng sinh viên trẻ tuổi đang vấp vơ giữa muôn nghìn kỷ niệm êm đềm bỗng thành linh, vào các câu thơ chót, rơi về thực tại phũ phàng và đau đớn hơn?... Dù sao, nét bút hòa điệu sau cùng đã hoàn tất vẻ đẹp của bức thủy họa *Trở Lại Em Yêu* cảm động và tinh vi.

Mặt khác, bài *Đạo Ca Một* cho ta thấy một kinh nghiệm về tâm linh và nghệ thuật mới hẳn và khác hẳn. Đây là một bài thơ rất hay của Tuệ không Phạm thiên Thư, là bài đầu tiên của một loạt *ca khúc mới*. Hãy xem Phạm Duy phổ nhạc những lời thơ lạ lùng và gợi hứng ấy ra sao ..

Bài ca mở đầu bằng một đoạn khí nhạc có tính cách huyền bí và xa xôi báo hiệu cho ta biết trước một nghi thức khác thường sắp đến. Quả nhiên với bài thơ của phân vân ấy, nghệ sĩ xây dựng một khúc điệu bất định và nhợt nhạt, một khúc điệu đi xuống

và kiệt lực như không đủ sức vượt nổi từng nhịp ca, một khúc điệu tựa hồ một câu thần chú táng khí. Nhưng đó lại là một khúc điệu thích hợp tuyệt vời với ý nghĩa siêu hình của bài thơ. Nhưng, ở đây cũng thế, tay phù thủy đích thực, hay nói cho đúng hơn, nhà sư đích thực, cũng lại là Phạm Duy. Và xung quanh ngôi bàn thờ khúc điệu ấy, nhà sư của chúng ta cho thấp lên một lư hương hòa điệu kỳ lạ không kém, một lư hương có mùi thơm phong phú và mới mẻ, một lư hương *trần tục*.

Vào khoảng giữa bài *Đạo Ca* ấy, Phạm Duy đưa vào rất đúng chỗ, mấy câu thơ của thi sĩ Tấn Đà ngày nay đã trở thành ca dao Việt Nam: “Minh với ta tuy hai mà một... Ta với mình tuy một mà hai...” Thế là nhà sư của chúng ta bỗng nhiên biến thành một kẻ theo tà giáo, một kẻ hoàn tục và tâu mã, thế là nhà sư của chúng ta trốn thoát ngôi chùa nhịp 4/4 và âm giai sứ bộ Sol trưởng nọ, ngôi chùa của sự *bất định* về nhịp điệu và hòa điệu, thế là — cuộc hóa thân mới thật là kỳ lạ! — trong khoảnh khắc, con người thánh thiện của chúng ta đã biến thành một gã mục đồng hào nháng của một miền viễn Tây Việt Nam không tưởng, một gã mục đồng hoang đường an tọa trên lưng một con trâu cũng hoang đường không kém, con trâu ba chân — ba chân ấy là ba hòa âm của La bémol, Si bémol và Mi bémol. Nhưng ai bảo rằng cưỡi một con trâu như thế là khó? Người cưỡi

và con vật đã phi hai lượt quanh vòng rào trong nhịp 2/4 với vẻ vui thích rõ rệt. Rồi cuộc trâu phi khinh khoái ấy chấm dứt bằng ba tiếng thở dài luyến tiếc trên âm thề La bémol Si bémol và Mi bémol... Đấy! Cuộc *truy tầm chân lý* có thể diễn ra trong một ngôi chùa tôn nghiêm cũng như có thể diễn ra giữa trời và ngoài đồng như thế đấy! Trong khi sáng tạo tuyệt phẩm độc đáo và xuất sắc ấy, Phạm Duy không nhất thiết phải nghĩ như thế, nhưng tác giả bài viết này, vốn là một người Tây Phương, nên có phần nào thích tưởng tượng ra như vậy.

Những lời bình chú về bài *Đạo Ca Một* trên đây — những lời bình chú mà tác giả xin được tha cho chút lỗi bất kính — và những giòng viết về bài *Trở Lại Em Yêu*, thực ra đã chứng tỏ tính cách *phức tạp* trong cá tính nghệ sĩ của Phạm Duy. Giản dị lẫn với phức tạp, phức tạp lẫn với giản dị: tính cách lưỡng diện ấy là một trong những nét *căn bản* của thiên tài Phạm Duy. Có khi là sự giản dị và thơ ngây của trẻ con có khi lại là sự phức tạp và trang trọng của người lớn, lại cũng có khi là cả trẻ con lẫn người lớn chan

hòa làm một, lẫn lộn, giao thoa không ngớt, tác động lẫn nhau, pha chế biến cải không ngừng đổi mới. Cánh hoa *hay* bóng chim, cánh hoa và bóng chim. Con người ấy là hai mà cũng là một, con người ấy là một mà cũng lại là hai... Đó là lẽ huyền bí của kẻ nghệ sĩ, lẽ huyền bí của con người, lẽ huyền bí của cuộc đời chúng ta.

...Và trong khi tôi viết những giòng này này, tôi nghĩ đến Phạm Duy, đến con người đối với tôi rất xa xôi mà cũng lại rất gần gũi. Tôi nghĩ đến con người vẫn tiếp tục tấn cò đời, vẫn tiếp tục diễn màn bị hài kịch vừa đẹp đẽ vừa dữ dội ấy, trong đó ông vừa là tác giả, vừa là đạo diễn lại vừa là diễn viên duy nhất. Tôi nghĩ đến, dĩ nhiên, đến một Phạm Duy *vẫn* còn đó với nỗi buồn, nhưng tôi cũng nghĩ đến một Phạm Duy khác đã lên đường tiến tới một niềm vui, một ánh sáng, một sự giải thoát cao hơn, lên đường đến một Việt tiến lớn lao của cả bản chất nghệ sĩ của ông. Phạm Duy trong giây phút cuối cùng của đời mình sẽ cứ đẹp. Tấm màn nhung sẽ không buông xuống một con người như thế.

\* \* \*

Chỉ có hiện tại là không dứt.  
ERWIN SCHRODINGER

Kẻ sáng tạo chỉ mong được thờ ờ mà sáng tạo! Và họ còn sống ngày nào, họ còn muốn đổi mới, muốn tự sửa chữa, muốn tự "tái tạo" nếu có thể, để hòa mình vào thời gian

vốn là địch thủ đáng sợ nhất, trừ phi họ đáp ứng nổi cuộc thách đố bằng cách lưu lại một cái gì bất tử, để mỗi lần người ta nhắc đến là mỗi lần tái sinh. Phạm Duy, như



tôi đã nói, vốn luôn luôn hợp lý một cách dễ sợ. Nhưng trong khi đối với kẻ khác cần phải nhiều thể hệ để có nhiều phong trào phản ứng nhau thì ở Phạm Duy, cũng như ở Picasso và Stravinsky, các phản ứng diễn ra liên tiếp và đột ngột chỉ trong vòng một đời người. Điều này là điều cốt yếu giúp ta hiểu về diễn trình sáng tạo nơi tác giả các bài Trường ca, diễn trình căn bản luôn luôn là sự đổi mới.

Diễn biến của tác phẩm theo liền với diễn biến của con người. Diễn biến ấy không đi ngược: liên tục trong diễn biến của con người, liên tục trong diễn biến của tác phẩm. Vì vậy, những bài Dân ca, Hành khúc, Tình ca chẳng hạn vẫn theo chân nhạc sĩ trọn suốt cuộc đời, còn những bài Trường ca thì chỉ đến khi con người của nhạc sĩ đã cảm thấy đủ chín chắn đối với loại tác phẩm khó khăn ấy; những bài Tâm ca thì đến sau bốn mươi năm của cuộc đời một con người đồng thời lại cũng là một người Việt Nam; còn các bài Tục ca và Đạo ca thì xuất hiện khi con người gần năm mươi tuổi ấy muốn ném trên cuộc đời này một cái nhìn hoặc hài hước, giễu cợt, hoặc trang trọng trầm ngâm.

Mặt khác, một số người không mấy thích mấy chuyên hướng mạnh mẽ trong tác phẩm và « phong thái » của Phạm Duy vào những 60; một số người khác lại tiếc rằng Phạm Duy ngày nay không « muốn » làm những bài hát cùng loại hay cùng một « phong thái » với những bài đã làm hồi còn trẻ, «Ồ, Phạm Duy, ông ta đâu còn như ngày trước nữa!...» Lời

nhận xét buồn bã ấy, tôi đã nhiều lần nghe từ năm năm nay! Tất nhiên, về phần tôi, tôi cũng thích chàng Phạm Duy của tuổi thanh xuân ấy, chàng nhạc sĩ võ song, chàng nghệ sĩ sung sướng, chưa bị đời dấn vặt, chàng nghệ sĩ có cảm hứng phong phú đặc biệt, vâng, tôi thích chàng Phạm Duy *huy hoàng*, rạng rỡ muôn màu ấy, *nhưng* làm sao tôi có thể kém thích chàng Phạm Duy vừa đau khổ hơn, vừa thâm trầm hơn, vừa phong phú hơn và lại vừa đầy đủ tài năng hơn của những năm 60? Có thể nói Phạm Duy của những năm 40 và 50 là một nghệ sĩ khá hóa hợp với thời đại mình; còn Phạm Duy của những năm 60, trái lại là một nghệ sĩ thường khi *vượt trước* thời đại mình. Do đó mà xảy ra sự ngộ nhận. Cũng do đó, theo tôi, Phạm Duy thành vĩ đại. Nếu người ta chú ý đến khía cạnh âm nhạc của tác phẩm nhiều hơn, thì việc theo dõi các diễn trình về khúc điệu, hòa điệu và phong cách của Phạm Duy trong những năm 40 và 50 *tương đối* dễ dàng. Trái lại thường khi ít kẻ trong chúng ta có thể thực sự theo nổi Phạm Duy của những năm 60, và càng khó theo hơn nữa Phạm Duy của những năm 70, cái ông Phạm Duy càng ngày càng tiến về *nhạc vô thê* ấy, hình như vừa hướng về một *trơ trụi* hoàn toàn hơn vừa tiến tới một phong phú lớn lao hơn trong sáng tạo. Đối với nhiều người trong chúng ta sự kiện không thể theo kịp và giải thích đúng đắn diễn trình sáng tạo của Phạm Duy ấy, là một vấn đề kiến thức về nghệ thuật và âm nhạc, sự kiện ấy cũng còn do ở

chỗ thiếu sự thâm thấu tinh thần giữa kẻ sáng tác và quần chúng thưởng ngoạn. Nói rằng Phạm Duy hiện thời càng ngày càng sáng tác cho riêng mình và càng ngày càng sáng tác cho tất cả, nói thế nếu có vẻ đối nghịch thì cũng chỉ ở bề ngoài mà thôi. Đó cũng là lý do khiến cho ông mỗi ngày càng mỗi thêm cô độc hơn.

Đề tóm tắt ý kiến cho được đơn giản hơn, tôi xin nói: bảo Phạm Duy hiện nay sáng tác y hệt như ông đã sáng tác vào những năm 49 và 50 là điều vô ích, gần như là khiếm nhã nữa. Thực là không thích đáng và khó tưởng tượng nổi, chẳng khác gì vào những năm 40 mà đòi Phạm Duy phải đạt đến những đỉnh tuyệt hảo của những năm 60!

Mặt khác diễn trình của một sự nghiệp không thể đem ra «chia lô» liên tục trong toàn thể, đồng thời cách biệt từ tác phẩm này sang tác phẩm khác: diễn trình sự nghiệp của Phạm Duy là như thế. Mỗi một bài mỗi một câu sáng tạo của nhạc sĩ đều chứng tỏ cách tân kỳ của nó ở những trình độ khác nhau, dưới những khía cạnh khác nhau. Nhưng phải chú ý đến những liên quan và những nhắc nhở, những dấu hiệu và những dính dấp giữa tác phẩm này với tác phẩm khác, chúng kết cấu nên một cá tính nghệ sĩ bất khả phân. Việc vạch ra những ranh giới ngăn cách «từng tác phẩm» trong sự nghiệp sáng tác của Phạm Duy, càng có tính cách nguy hại hơn khi nó thường ngụ một quan niệm sơ lược về tiến

bộ, quan niệm vốn rất dễ làm lẫn trên lãnh vực nghệ thuật. Thực ra, nêu lên được những nét tương đồng bao quát cả sự nghiệp trước tác của Phạm Duy không phải là điều giản dị và cũng không phải dễ dàng, bởi vì không thể bảo rằng ông đã thực sự tận dụng một phương thức sở trường nào: trái hẳn lại, thường thường — gần như cứ mỗi tác phẩm mới — có thể nói Phạm Duy lại đặt lại từ đầu tất cả vấn đề, còn liều lĩnh thử thí nghiệm về một chiều hướng hoàn toàn mới mẻ đôi khi không có liên quan gì với những thí nghiệm đã qua. Cái điều bề ngoài có vẻ như một sự bạc tình ấy lại chứng tỏ một sự trung thành thượng đẳng, sự trung thành của nghệ sĩ đối với chính mình.

Ở đây lại còn có một ý chí đòi mới, một sinh lực của tinh thần, một năng khiếu mạo hiểm, một đà sáng tạo mãi mãi trẻ trung: khiến tôi cho rằng mặc dù con người ấy có thể già, nhưng kẻ nghệ sĩ ấy thì vẫn còn là một thiếu niên, vĩnh viễn ngõ ngàng... Tiến về mùa đông bằng tất cả sức lực mùa xuân.

Rồi diễn trình nghệ thuật đó, sẽ đưa nghệ sĩ đến đâu? Rồi cuộc tiến về tinh cầu này sẽ đưa ông về đâu? Về bước vượt tiến nào, về cuộc siêu thăng nào? Chỉ có một mình Phạm Duy là có thể — hay sẽ có thể — trả lời được những thắc mắc ấy.

Diễn trình của sự nghiệp Phạm Duy là chân lý của một diễn trình, mà cũng là một diễn trình tiến về Chân lý.

(Còn tiếp)

GEORGES ETIENNE GAUTHIER

Montréal, 2 1971

THU THỦY dịch

## Văn-hóa và văn-chương

(tiếp theo BK. số 341)

Phản ảnh thời đại chưa đủ, văn-chương còn vượt lên trên thời-đại đề phổ-biến văn-hóa, hướng dẫn văn hóa và, nếu cần, cải tạo cả những nền văn-hóa đã trở thành phản-động hay lạc-hậu. Nếu không có cuốn Trà-kinh của Lục-Vũ và bài Trà-ca của Lu-Đông, thì hành-vi uống trà của dân Thục, xuất-phát từ một miền đất hẻo lánh hiểm trở nhất nước Tàu, làm sao trong một thời gian kỷ-lục có thể trở thành một nghệ-thuật ở khắp Trung-Hoa và Việt-Nam, một tôn-giáo ở Nhật-Bản, một phong-tục quốc gia ở Anh và Hòa-Lan? Nhìn lại những biến-chuyển lớn trong lịch-sử nhân-loại, ngày nay không ai phủ-nhận được ảnh-hưởng quyết-định của Montesquieu và J. J. Rousseau trong cuộc Cách-mạng Pháp. Không ai chối-cãi được vai trò quan-trọng của Maxime Gorki trong cuộc Cách-mạng tháng 10 ở Nga. Cũng không ai chối-cãi được ảnh-hưởng chủ-yếu của những Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu trong cuộc Cách-mạng Tân-Hội ở Trung-quốc. Cái sức mạnh cảm-hóa lòng người, di-phong dịch-tục, cái sức mạnh cải-tạo văn-hóa đó, văn-chương sở-dĩ có được là nhờ hội-tụ đủ 3 yếu-tố:

— khả-năng sáng-tạo những cái sống-động có thể làm rung-động tâm hồn người đọc,

— quyền tự-do hướng sang lãnh vực Thiện của đạo-đức và Chân của khoa-học.

— những phương-tiện truyền-thống dễ-dãi, mau lẹ, rẻ tiền là tiếng nói và chữ viết.

Văn-chương là tấm gương vĩ-đại đề nhân-loại soi bóng mình trong những lúc mãn nguyện thành-công, cũng như trong những cảnh-ngộ đảo điên của số-kiếp. Nhờ soi gương luôn như vậy, con người càng ngày càng tự ý-thức được mình, ý-thức được những khả-năng kỳ-diệu của tinh thần, những đòi-hỏi cấp-bách và dai-dẳng của thể-xác, những tinh hoa của vũ-trụ, những đầy-đọa của thân-phận, ý-thức được sự hèn-nhát và lòng can-đảm của chính mình, sức mạnh vô-biên của tình yêu, sức tàn-phá khủng-khiếp của nghèo-đói, ngu-dốt, bất-công và thù-hận. Văn-chương là trái tim chung của nhân-loại. Nó thồn-thức vì những đau-khổ đã và đang vùi dập chúng ta, nó rung-động vì những niềm vui mong manh thoáng lướt qua hồn chúng ta. Nó quặn-quại vì những nỗi tuyệt-vọng, nó rớm máu vì những lỗi lầm của loài người. Nó đập miên-man bất tận theo nhịp-điệu êm-đềm của niềm hy-vọng vĩnh-cửu mà chúng ta đặt nơi một cuộc sống tự-do, no ấm, tốt đẹp — một cuộc sống thực sự hạnh phúc trong đó con người đã tự giải thoát khỏi

những xiềng-xích cuối cùng của thú tính.

Từ khi nghề in xuất-hiện, quyền sách trở thành tượng trưng cho văn-chương. Quyền sách đối với chúng ta quen thuộc và giản dị biết bao! Nhưng ngẫm cho kỹ chúng ta sẽ thấy có lẽ đó mới là tác-phẩm phức-tạp nhất, trác-tuyệt nhất của tinh-thần con người. Chỉ là những trang giấy trắng, những giòng mực đen. Ấy thế mà liếc mắt vào đó, ghé tai vào đó, chúng ta sẽ bùi ngùi nghe Cronin kể lẽ nỗi đau cam sâu nín của kiếp người sẽ phẫn uất trước tiếng cười đầy nước mắt của Tú-Xương, sẽ ấm lòng vì ánh mắt bao dung hiền hậu của Dickens, sẽ kinh hoàng cùng Dostoi-evski chứng kiến những vẻ nhăm nhăm nghiêng rãng gớm ghiếc của lớp người trăm luân. Bao nhiêu ý nghĩa sâu kín của cuộc sống muôn hình vạn trạng, bao nhiêu bí mật của vũ trụ trăm tia ngàn hồng đều thu gọn trong đó. Tưởng tượng nếu một ngày nào tất cả sách vở trên trần gian này bỗng nhiên biến mất, ngày đó con cháu chúng ta, mặc dầu vẫn đi xe hơi, ở nhà lầu, nằm máy lạnh, vẫn cỡi phi thuyền qua lại các hành tinh, nhưng tâm hồn có lẽ không bao lâu lại trở về thời-đại hồng-hoang.

\* \*

Đáng lẽ câu chuyện của chúng tôi chấm dứt ở đây, nhưng một người Việt-Nam nói về vấn-đề văn-hóa và văn-chương trước một cử-tọa Việt-Nam mà chỉ đề-cập tổng-quát tới văn-hóa và văn-chương chung của nhân-loại, không dành một vài phút

cho văn-hóa và văn-chương riêng của dân-tộc thì thật là một khuyết-diểm trầm-trọng.

Chúng ta thường nói: «Nước Việt-Nam có 4.000 năm văn-hiến». Cái con số lớn lao 4 000 năm của câu nói ngắn ngủi ấy đã đưa người Việt tới hai thái-độ đối-lập: một bên tự-tôn, một bên tự-ti. Xưa kia các cụ lấy đó làm hãnh-diện để nhìn cái văn-hóa kỹ-thuật của Tây-phương bằng con mắt khinh-thường. Ngày nay chúng ta cho đó chỉ là một huyền-thoại, một cách lấy mộng làm thực để b'ô chữa cho sự hèn kém của chính mình. Thậm chí có những bạn tôi — cũng là nhà văn, nhà giáo — từng hỏi tôi với giọng điệu thành thật, nghiêm trang: «Thật ra cái gia-tài văn-hiến 4 000 năm của dân tộc ta gồm có những gì?» Và gần đây một vài tạp-chí đã đem câu nói cửa miệng ấy ra mà điều cợt.

Tự tôn hay tự ti theo thiển ý đều chủ quan và thiên lệch. Chúng ta phải xét vấn-đề một cách khách-quan hơn. Trước hết, văn-hiến là gì? Văn-hiến là một từ ngữ do người Tàu đặt ra rồi chúng ta đem phiên-âm mà dùng. Trong tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh không có chữ nào tương đương với chữ văn-hiến. Theo sách Từ-hải: *Văn* là kinh-điền, sách vở; *Hiến* là người hiền tài nhưng phải có bằng chứng để bày tỏ ra được.» Một nước văn-hiến là nước có nhiều kinh-điền, sách vở và nhiều bậc hiền tài. Luận ngữ, thiên Bát-dật, chép:

«Tử viết, Hạ lễ ngô năng ngôn chi, Kỳ bất túc trung dã. Ân lễ ngô năng ngôn chi, Tống bất túc trung

đã. Văn-hiến cổ đã. Túc tắc ngô năng trung chi hi». Nghĩa là : Đức Khổng Tử nói : «Lễ của nhà Hạ ta có thể nói ra được, nhưng nước Kỳ (con cháu nhà Hạ) không đủ để bày tỏ. Lễ của nhà Ân ta có thể nói ra được, nhưng nước Tống (con cháu nhà Ân) không đủ để bày tỏ. Đó là tại văn hiến của hai nước ấy không đủ. Nếu đủ, ta có thể lấy để bày-tỏ ra được». Vậy văn-hiến là trình-độ văn-hóa của một xã-hội đã tiến tới giai-đoạn sản-xuất được những bậc hiền tài và những tác-phẩm văn-chương thành văn; chứ không phải chỉ có văn chương truyền-khẩu.

Dân-tộc ta bước vào trình-độ văn hóa đó từ thời nào? Có thật tính tới nay văn-hiến của ta đã được 4 000 tuổi? Trả lời câu hỏi đó không phải dễ-dàng. Điều khó-khăn không nằm ở lãnh-vực hiền-tài, vì các bậc hiền-tài nước ta đời nào cũng có mà nằm ở lãnh-vực văn-chương thành-văn tức là thư-tịch, sách vở. Tại sao? Hãy nghe Phan-huy-Chú than-thở trong bộ Lịch-triều Hiến-chương loại-chí: «Nước Việt ta tiếng khen lễ-nghĩa đã hơn ngàn năm, vốn có thư-tịch đã từ lâu lắm. Kể từ Đinh Lê dựng nước đối địch với Trung-Hoa, mệnh lệnh từ chương dần dần rõ-rệt. Đến Lý Trần nội-trị, văn-vật mở-mang, về tham định thì có những sách điển chương điều-luật, về ngự-chế thì có các thẻ-chiếu, sắc, thi, ca. Huống chi nho-sĩ đời nào cũng có, văn-chương này-nở như rừng; sách-vở càng ngày càng nhiều, nếu không trải qua binh-lửa mà thành tro tàn thì

hẳn là trâu kéo phải mệt, nhà chứa phải đầy... Nhưng trải qua bao cuộc bề-dâu, nhiều phen binh-lửa, như cuối đời Trần bị nạn giặc Minh, thư-tịch đã mất một lần trước; đầu nhà Lê bị loạn Trần-Cảo, thư-tịch lại tan một lần sau... Than ôi! Sách-vở các đời đã từng tản-mác, sách mất đã khó sưu-tầm, sách còn lại nhiều sai-lẫn, đặng-đặng ngàn năm, biết theo vào đâu mà khảo-sát!» (1).

Tai họa lớn nhất cho thư-tịch nước ta là quân Minh. Khi nhà Hồ bại trận, tướng Minh là Trương-Phụ lấy cả sách vở cò kim của ta đưa về Kim-Lăng. Vua Minh lại hạ lệnh cho các tướng thu hết sách-vở của ta mà đốt. Cho nên không có gì cho phép chúng ta khẳng định rằng bài văn hay cuốn sách cò nhất mà ngày nay chúng ta sưu-tầm được đích-thực là cò nhất.

Tuy nhiên có hai điều chắc-chắn :

1— Cách đây 4.000 năm, vào đời Hồng-Bàng, dân-tộc ta chưa tiến tới trình-độ văn-hiến vì một lẽ giản-dị là chưa có chữ viết.

2— Văn-hiến của chúng ta ít nhất có trên dưới 1000 tuổi vì bài văn cò nhất còn truyền được tới ngày nay có lẽ là bài từ viết bằng chữ Hán của thiền-sur Khuông-Việt phụng-mệnh vua Lê-Đại-Hành làm năm 986 để tiễn sứ-thần nhà Tống là Lý-Giác :

*Tường quang phong hảo cầm phàm  
trương,*

*Thần tiên phục đế hương.*

*Thiên trùng vạn lý thiệp thương  
lương,*

(1) Phan-huy-Chú, Lịch-triều hiến-chương loại chí, Văn-tịch chí, quyển 42.

*Cửa thiên qui lộ trường,  
 Nhân tình thâm thiết đối ly thương,  
 Phàn luyến sứ tình lang,  
 Nguyễn tương thâm ý vị Nam cương,  
 Phàn minh tấu ngã hoàng.*

Bản dịch của Thích-Mật-Thê:

*Gió hòa phất phới chiếc bướm hoa,  
 Thần tiên trở lại nhà.  
 Đường muôn ngàn dặm trái phong  
 ba,  
 Cửa trời nhắm đường xa.  
 Một chén quan hà dạ thiết tha,  
 Thương nhớ biết bao là.  
 Nỗi niềm xin nhớ cõi Nam-hà,  
 Bày tỏ với vua ta.*

Nhưng thật ra vấn-đề niên-kỷ ở đây không quan-trọng. Văn-hóa là sinh-hoạt, là nếp sống, mà đối với con người thời-gian dài hay ngắn của cuộc sống không quan-trọng bằng phẩm-chất của nó. Sống cả vạn năm mà vô-dụng, vô-vị, vô-nghĩa thì chẳng qua cũng chỉ như cỏ cây, cầm thú mà thôi.

Lịch-sử của dân-tộc ta là những chuỗi thán năm gian-khò dài dằng-dặc. Vừa ra khỏi bóng tối của thời-tiền-sử, chúng ta đã bị người Tàu đô hộ hơn 1.000 năm. Tiếp theo là nội chiến với ngoại-xâm chia nhau hủy-hoại thời-kỳ tự-chủ. Tàn hại hơn hết, là cuộc xâm-lăng của quân Mông-cổ, cuộc đô-hộ của nhà Minh và cuộc chiến phân-tranh liên-tục trong gần hai thế-kỷ giữa Lê với Mạc, Trịnh với Nguyễn, Nguyễn với Tây-Sơn. Rồi 80 năm âm-u Pháp thuộc. Sống trong những điều-kiện chông gai, chập

trùng như vậy mà tổ-tiên chúng ta vẫn một mặt mở mang được bờ cõi, mặt khác sáng tạo được nền văn-chương rực-rỡ xứng-đáng để cho con cháu tự hào. Dù mắt gốc đến đâu chẳng nữa, chúng ta cũng không thể không cảm động khi thấy những Chu văn-An, Nguyễn-Trãi, Nguyễn-bình-Khiêm, Lê-quí-Đôn, Đoàn-thị-Điễm, Nguyễn-Du, Nguyễn công-Trứ, Cao bá-Quát đứng bên cạnh các đại văn-hào của nhân-loại. Chúng ta cảm động, chúng ta tự hào. Nhưng chúng ta không quên đó là dĩ vãng.

Với một dĩ vãng huy-hoàng nhất chúng ta vẫn chưa đủ hành trang để mở cửa tương lai. Muốn mở cửa tương lai chúng ta còn phải chứng tỏ một khả năng sáng tạo phong phú trong hiện tại cùng với cái ý chí sắt đá muốn sánh vai các dân-tộc khác trên con đường dẫn tới hạnh-phúc chân chính. Tôi nói sánh vai các dân tộc khác chứ không phải ngoan ngoãn theo sau để thỉnh thoảng được ban phát đôi chút hạnh phúc dư thừa. Chúng ta không quên rằng khoa học đang đẩy lui đói rét và tật bệnh, đẩy lui biên giới của không gian và thời-gian, đang làm thay đổi khuôn mặt vũ-trụ, thế mà đại đa số nhân-dân ta vẫn phải ngày đêm dồn mọi khả năng, mọi nỗ lực để mưu cầu một mức sống thấp kém như ở thời Trung-cổ. Dù chúng ta muốn hay không muốn, thế giới ngày nay cũng chia làm hai: một bên là những quốc-gia biết phát minh và chế-tạo các dụng-cụ, máy móc cần-thiết cho cuộc sống, một bên là những quốc-gia chỉ biết sử-dụng, tiêu-hụ các dụng cụ,

máy móc đó. Chúng ta không quên rằng mình ở trong số các quốc-gia thứ hai và để có được những dụng-cụ, những máy móc đó chúng ta đã phải đòi bao nhiêu nước mắt, máu xương và tài nhọc. Tuy giá trị của một nền văn hóa được thăm-định qua những tác-phẩm của tinh - thần nhưng dù duy-tâm đến đâu chúng ta cũng không quên rằng tinh thần không thể thăng hoa, nếu những đòi hỏi căn bản của thể-xác và ti-tiện của cuộc sống hằng ngày vẫn còn là mối ưu-tư duy-nhất của con người. Chúng ta không quên

rằng sở dĩ ngày nay chúng ta có thể ngàng đầu nhìn cao khi bước chân vào tòa nhà văn-hóa của nhân-loại chính vì cha ông chúng ta đã cố-gắng để lại cho chúng ta nhiều hơn là nhận được của tổ-tiên. Vì vậy đến lượt chúng ta, chúng ta cũng quyết tâm để lại cho con cháu nhiều hơn là mình đã thừa hưởng. Đó là cái ý - nghĩa sơ - đẳng nhất mà cũng thâm-trầm nhất nó âm-vang, rung-động trong hồn chúng ta mỗi khi ngồi kiểm điểm di-sản văn-chương và văn-hóa của tiền-nhân.

ĐỒ TRỌNG HUỀ



Nhức đầu

*Đông,*

**Budon**

**TRI:**

Nhức răng, nhức môi đau  
lưng, đau nhức lúc cõ  
Kinh Kỹ

KINH KỸ 129/877/GCOP

**BANQUE**

*A votre service*

*tous les services de la*

**BANQUE**

**NATIONALE**

**DE PARIS**



# Trường-hợp Qui-nạp-pháp

Tôi còn nhớ, sau đêm xe tăng thiết giáp cán chết người ở đài phát thanh Huế, ngày hôm sau tình hình trở nên nghiêm trọng. Cụ Thừa đi chợ Đông Ba về hót hài bảo con cháu: «Bây à, rãng mà khắp thành phố chỗ mô tao thấy cũng có chãng kềm gai. Ngó bộ không êm rồi. Chiều ni biểu mụ Thông đi chợ mua thêm gạo mà trữ». Trong nhà ai cũng lộ vẻ lo lắng.

Chiều hôm đó tan học xong cô Diễm lượn xe đạp một vòng quanh thành phố. Cô đi từ trường Đồng Khánh qua Gia Hội, vòng lại cầu Trường Tiền, xuống chợ Cống, An Cựu rồi về Bến Ngự. Vào đến nhà gặp cụ Thừa, cô có vẻ bức tức liền nói: «Mạ thì chỉ được có quy-nạp càn. Người ta chãng kềm gai ở đài phát thanh, tiểu khu với ở tòa tỉnh mà biểu khắp thành phố chỗ mô cũng có». Bà cụ nghe cái gì «qui nạp», ngẩn người không hiểu rồi chả nói gì.

Phần qui vị có lẽ cũng sẽ không còn lẩy làm lạ khi biết cô Diễm năm ấy là một cô Tú tương lai. Cô Tú ấy học đến cả môn Luận-lý-học có từ thời cổ lỗ, trước ngày Chúa sinh đến những mấy trăm năm. Và cái đặc sắc của những người như cô Tú là ít thích dùng ngôn-ngữ bình-dân lắm.

## Qui-nạp-pháp là gì?

Thường tình, thiên hạ biết sống trước rồi mới học cách sống sau. Bởi vậy các triết gia thực-dụng như

L. Weber, A. Rey mới bảo rằng trước khi biết học số-học thì người ta đã biết đếm, trước khi có môn hình-học thì người ta đã biết đo ruộng vườn, trước khi có môn sinh-lý-học thì người ta đã biết chữa bệnh và trước khi có môn cơ-học thì con người đã biết chế ra các máy móc để dùng hàng ngày.

Ở đây cũng thế. Trước khi biết đến môn Luận-lý-học thì người nào cũng đã biết lý-luận rồi. Chẳng cần phải đợi lúc lên học đến đệ Nhất mới biết lý luận theo cách mà người ta gọi là qui-nạp-pháp. Có điều cách lý-luận của sà cụ mà ta vừa thấy, thường vấp phải nhiều hồ-đồ. Còn cô cháu thì nhờ vào những qui-luật chặt chẽ của Luận-lý-học mà lý-luận ít sai lầm hơn.

Người đầu tiên có công rút từ trong đám hỗn-mang của tư-tưởng con người ra những lẽ-luật để có thể ăn nói cho chân-xác chính là Aristotle.

Ở đây chúng ta không có thì giờ để cập đến tất cả những đề tài mà Andronikos, học trò của Aristotle đã có công thu tập trong bộ Organon (Về từ, cú tam-đoạn-luận, ngụy biện v.v...). Vậy chúng tôi chỉ xin bàn đến qui-nạp-pháp, một phần nhỏ trong tam-đoạn-luận mà thôi.

Qui-nạp-pháp là một trong những phương pháp tư tưởng thông thường nhất của con người. Khi nào từ những trường-hợp cụ-thể, riêng rẽ mà chúng

ta đi đến một kết-luận chung cho cả loại tức là đã dùng qui-nạp.

Đây là một trường-hợp suy-luận, nảy sinh từ cuộc sống. Hằng ngày, trong khi hành-động liên miên và cấp bách, không phải lúc nào ta cũng có những hiểu biết xác thực về sự vật. Chúng ta cũng không thể dùng kiến-thức đã có để biết chắc chắn về những điều sẽ xảy ra. Vậy thì để khỏi phải ngần ngại vì không thể hành động hoặc hành động bừa bãi, tốt hơn hết là nên hành động theo tiêu chuẩn *có lẽ đúng*. Từ đó người ta có hai cách :

Hoặc là suy từ những trường hợp riêng sang một trường hợp riêng gần giống như thế (lý-luận tương tự). Chẳng hạn có đến chín cô bạn người Huế đến nhà tôi dùng cơm đều thích ăn cay thì khi mời thêm một cô bạn người Huế nữa đến dùng cơm, sáng hôm đó đi chợ thế nào tôi cũng nhớ mua ớt vì nghĩ rằng chắc chị ta cũng thích ăn cay. Lý luận như thế tức là tôi đã từ một hạng (espèce) này tiến sang một hạng khác chứ chưa đạt đến mức tổng quát cho cả loại. (Ví dụ *tất cả dân Huế đều ăn cay*).

Cách thứ hai là chúng ta suy từ một số trường hợp riêng ra một kết luận chung cho cả loại. Ví dụ nghe nói cậu sinh viên ở gần nhà tôi bị bắt. Người em trai của cô bạn tôi, học ở y-khoa cũng bị bắt. Rồi cậu sinh viên ở trọ nhà bác tôi cũng bị bắt. Tôi bảo : « Sinh viên tranh đấu đều bị bắt cả ».

Trong ví dụ này, tôi đã đi quá kinh nghiệm khá nhiều. Từ vài sinh viên bị bắt, không phải suy ra một sinh viên khác cũng bị bắt (lý-luận tương-tự) mà

lại kết-luận rằng *tất cả* sinh viên tranh đấu đều bị bắt. Thế là tôi đã suy luận đi từ hạng (espèce) đến loại (genre).

Trong phạm-vi khoa-học thực-nghiệm câu kết luận sẽ không làm cho chúng ta đáng bận tâm vì đang còn ở tình trạng « giả-thuyết ». Khi giả thuyết được kiểm-chứng là đúng thì sẽ thành định-luật còn không thì cứ việc quăng nó vào sọt rác. Nhưng trong cuộc sống hằng ngày thì rắc rối hơn nhiều. Một suy-luận qui-nạp lắm lúc giúp đạt đến những hiểu biết phong-phú nhưng lắm lúc cũng có thể sai lầm nặng nề.

Thiết tưởng cũng nên lưu ý ở đây lỗi qui-nạp mà người ta gọi là *qui-nạp hình thức* (induction formelle) của Aristotie. Đó là lỗi suy-luận chắc chắn nhưng nghèo nàn đến thậm tệ.

Chẳng hạn ông bảo rằng người, ngựa và la sống lâu. Thế mà các con vật không có mật là người, ngựa, la. Vậy hết mọi con vật không có mật đều sống lâu. Nghe xong, thật chúng ta chẳng biết thêm được gì ngoài những điều đã xác-định trong tiền-đề. Điều mà Aristotie bảo « hết mọi con vật » vẫn chỉ có nghĩa là hết ba con vật mà ông vừa kể thôi.

Cũng vậy, chúng ta sẽ chẳng thấy hứng thú gì khi bỏ công điều tra tất cả 35 triệu người Việt Nam có ăn nước mắm để rút ra kết luận rằng : « Dân Việt Nam đều ăn nước mắm ». Quả thực không thú vị bởi lẽ rằng, một là kinh nghiệm đã cho biết rồi điều mà suy-luận đem lại cho chúng ta, hai là công đâu mà chúng ta có thể làm một cuộc phỏng-vấn tràn giang đại hải như thế ?

Cho nên rút cục *qui-nạp phỏng-đại*

(induction amplifiante) mới chính là thứ mà chúng ta muốn đề cập đến. Người ta còn gọi qui-nạp phóng-dại là qui-nạp Bacon vì lần đầu tiên do Francis Bacon đã xướng ra trong tác-phẩm *Novum Organon*.

Với Aristotle qui-nạp chỉ có nghĩa là một lối nói tổng-quát, tóm tắt tất cả những điều đã biết. Nhưng với Bacon thì qui-nạp-pháp còn có nghĩa là, ngoài những điều đã biết chắc chắn, cần phải biết thêm nữa. Cái liêu là ở chỗ đó. Nhưng có liêu mới « hồi hộp » và thú vị. Bây giờ, từ những điều đã biết, con người nhún chân nhảy ra xa để đạt đến một cái biết rộng rãi và phong-phú hơn. Sau cái nhún chân ấy, có thể y sẽ đáp xuống mặt đất của chân-lý, nhưng cũng có thể rơi tòm xuống hố. Vậy chúng ta thử theo dõi bước nhảy của tư-tưởng con người theo chiều hướng này xem sao.

### Bắt đầu cho một bước nhảy

Ở binh-chủng dù, trước khi dẫn một người lính ra khỏi phi cơ, người ta phải trang-bị cho anh ta một cái dù. Ở đây cũng vậy, « để có thể nhảy ra xa », tâm trí con người phải được trang-bị, ít nhất là hai điều sau đây : óc tổng-quát-hóa và lòng tin ở luật-nhân-quả.

Trước hết hãy xin nói đến óc tổng-quát-hóa.

Đó là cái khả-năng mà trong *Middle March*, George Eliot bảo là « đã nâng cao sức làm lẫn của con người lên trên hẳn các con vật ngu muội ». Song buồn cười thay, cái khả-năng bị Eliot mỉa mai đó lại có mặt trong hầu hết mọi suy-

luận của con người. Và đặc-biệt trong qui-nạp-pháp, không có óc tổng-quát-hóa thì con người đành đứng yên một chỗ, không xoay trở vào đâu được. Bởi vì qui-nạp chính là tổng-quát-hóa các trường hợp đặc-thù mà chúng ta đã chứng-kiến.

Một nhà khoa-học sau khi quan-sát những trường-hợp rơi đặc-thù trong không-gian như quả táo, viên bi, miếng ngói bể..., thấy chúng rơi theo đường thẳng, kết-luận : « Mọi vật rơi trong không-gian đều rơi theo đường thẳng ». Kết-luận như thế là đã vượt quá kinh-nghiệm. Vì làm sao có thể biết hết được tất cả vật rơi trong trời đất, dù cho có sống suốt một đời cứ chống mắt mà nhìn. Vậy mà nhà khoa-học có thể nói được mọi vật trong khi không cần quan-sát hết mọi vật. Và đặc biệt hơn nữa là ông lại có thể nói đúng.

Tuy nhiên không phải với óc tổng-quát-hóa lúc nào người ta cũng có thể đạt đến những kiến-thức phong-phú và chắc thực như trong khoa học. Trái lại mấy ông nhà báo, các chính-trị-gia và giới bình dân là những người hay lạm dụng óc tổng-quát-hóa để lý luận hồ đồ nhiều nhất. Cứ mở một tờ báo ra đọc mấy cái « tí » là thấy ngay :

« Các đại sứ Nhật thảo-luận về tình hình Đông-Dương ».

Đọc xong chúng ta cứ tưởng là tất cả các đại-sứ Nhật đều họp để thảo-luận về tình-hình Đông Dương trong khi thực sự chỉ có 17 vị đại-sứ Nhật ở các quốc gia Á châu và Thái Bình Dương họp thôi.

Bên cạnh các ký-giả, những nhà vẽ hí-họa cũng thường mắc phải cái tật tổng-

quát hóa lệch lạc. Chúng ta hãy xem một bức hí-họa đăng trên một nhật báo, vẽ một bà lớn và một ông lớn với lời đối thoại :

— Phen này anh đặc cử, em có cần gì không ?

— Một xe mới để tài xế đưa em đi chợ... có vệ sĩ... Hộet xoàn và biệt thự lớn hơn.

Lại một bức hí-họa khác vẽ một anh phóng viên đi phỏng vấn một dân biểu :

— Xin Ngài cho biết ý kiến về các vụ rối loạn hiện nay ?

— Cứ coi đây nè (ông ta chỉ tay lên tấm khẩu hiệu dán trên tường : « Im lặng là vàng » và « Phải tôn thờ Đức Thánh Trần »).

Như vậy là qua hai bức hí họa, ta thấy ông Thượng nào cũng tham-nhũng và ông Hạ nào cũng hèn cả ! (Thật là một sự tổng quát-hóa phũ phàng).

Trên mặt tuyên truyền thì óc tổng-quát-hóa lại càng đặc-dụng hơn nữa. Vài lính Mỹ hiệp dân sẽ được nói là « bọn lính Mỹ hiệp dân ». Một số đàn bà con nít bị hỏa-tiên rơi trúng sẽ được nói là « hỏa-tiên giết hại toàn đàn bà và trẻ con vô tội ».

Đôi khi những trường-hợp tổng-quát-hóa hồ đồ có thể đưa đến tình trạng kỳ-thị chủng-tộc, địa-phương hay tôn-giáo. Người Mỹ đã từng gọi người Nhật là « bọn khỉ lùn da vàng », người Đức gọi người Do Thái là « bọn xảo quyệt », người da đen ở Mỹ thì bị gọi là « bọn mọi đen ». Ở ta thì có « Bắc kỳ xạo », « Cộng sản đội lốt thầy tu », « cố đạo Việt gian » v.v... Thật là tai

hại khi một vài kinh-nghiệm không đẹp nào đó đã biến thành một lời kết tội chung đầy nguy hiểm.

Trong cuộc sống hằng ngày lắm lúc chúng ta không có hậu ý khi tổng-quát-hóa vậy mà cũng không tránh khỏi hồ đồ. Ví dụ thứ bảy tuần trước mưa. Thứ bảy tuần này lại mưa. Thế là ta cần nhằn bảo : « Hễ cứ thứ bảy là mưa ». Ba tôi đọc báo rồi gật gù bảo :

— Kỳ này mấy ông thụ-ủy các liên-danh thương-viện toàn là hạng khoa-băng nhi ?

— Thừa có những ai ạ, tôi hỏi.

— Ông Mão này, ông Hách này, ông Huy này... thì đã bảo toàn là khoa băng mà.

Tôi biết cụ bảo « toàn » có nghĩa là tất cả trong khi đó tôi lại đếm được nhiều ông chả khoa-băng tí nào.

Lại một hôm má tôi đi chợ về bảo :

— Đồ ăn đồ uống cái gì cũng lên giá vùn vụt. Trứng má mới mua 18đ lên 25đ, mắm xay mới 30đ một chai lên 35đ, đèn cầy mình thắp mấy hôm ở nhà có 15đ một cây bữa nay 20đ. Tôi hỏi :

— Thừa má gạo có lên không ?

— Gạo hả, gạo chưa thấy lên.

— Còn dầu hôi thì sao ạ ?

— Thứ này cũng chưa lên.

Thế là trong năm món hàng có đến hai thứ chưa lên giá. Vậy mà cụ tôi lại than phiền là cái gì cũng đắt cả. Dĩ nhiên là chẳng bao giờ cụ có ý nói dối nhưng chung qui cũng tại cái tật tổng-quát-hóa vội vàng mà ra.

Vậy là từ các nhà khoa-học đến các

ký-giả (tóm tắt thời sự thành những títt tổng quát), các nhà vẽ hí-họa, các cán-bộ tuyên-truyền hoặc trong cuộc sống hàng ngày chúng ta thấy ở đâu cũng có mặt tổng-quát-hóa. Nhưng gần như chỉ trong khoa học, óc tổng-quát-hóa mới được sử dụng một cách thận trọng. Còn trong các trường hợp khác, mặc dù chúng ta đã bắt đầu tổng quát hóa bằng những sự-kiện cụ-thể nhưng lại ít quá và nghèo nàn quá. Nhất là khi vắng bóng hẳn những thí-nghiệm kiểm-chứng thì câu kết luận bao quát của ta tha hồ mà tung cánh đến bất cứ phương trời nào. « *Một con én không làm được mùa xuân thì hai ba ví dụ cũng chưa đủ để quả quyết một vấn đề* », Stuart Chase đã có một nhận xét thật chí lí ở trong tác-phẩm « *Guide to straight thinking* » của ông. Nay thiển nghĩ chúng ta cũng nên dùng lại câu ấy để đề cao cảnh giác mình mỗi khi bắt đầu một suy-luận có tính cách tổng quát-hóa.

Bây giờ chúng tôi xin đề cập đến yếu tố thứ hai: lòng tin ở luật nhân quả.

Muốn đi đến một kết-luận chung hay một định-luật khoa-học chúng ta phải có óc tổng-quát hóa. Điều đó đã hiển nhiên. Nhưng có óc tổng quát hóa, đồng thời cũng phải có lòng tin ở nguyên-lý nhân-quả nữa. Quan sát trong đám lửa cháy, thấy có khói bốc lên. Quan sát thêm lần thứ hai, thứ ba và có thể nhiều lần nữa cũng thấy như vậy, ta kết-luận: « Hễ có lửa là có khói ».

Vậy cái gì khiến cho chúng ta có thể tin được như thế? Hume bảo rằng kinh nghiệm không thể tạo ra ý-niệm nhân-quả (dù ông là một triết gia duy nghiệm) (1). Nếu bám sát vào thực nghiệm ta chỉ có thể nói lửa có trước khói. Nói rằng lửa là nguyên-nhân của khói tức là đã đi xa hơn thực-nghiệm.

Cho nên liên lạc nhân-quả chính là

điều mà *trí khôn* chúng ta đã dùng để liên kết các hiện-tượng lại với nhau. Và khi tin vào nguyên-lý nhân-quả, bao hàm tin tưởng rằng quá-khứ là luật của tương-lai và trật-tự của vũ trụ không thay đổi. Muôn đời hễ có lửa là có khói, có nhiệt là kim loại sẽ nở ra, có H<sub>2</sub> tổng hợp với O là có nước v.v..

Ở đây con người đã dùng liên lạc nhân-quả để có thể hiểu được những hiện-tượng kế-tiếp trong thời gian và có thể tiến đến chỗ tổng-quát-hóa các sự-kiện đặc-thù thành những định luật tổng quát. Tuy nhiên cũng cần nhớ rằng bao lâu mà các cặp sự-kiện kế tục chưa thể kiểm-chứng thì vẫn phải xem như là thiếu khoa-học.

Trong một vở kịch của Rostand, có anh chàng gà trống nói rằng sau khi anh vừa gáy là mặt trời mọc lên. Rồi anh vội khoác lác kết-luận rằng: « *Vì tôi gáy nên mặt trời mới mọc* ».

Ở phía Nam Thái-bình-dương, thổ dân New Hebrides tin rằng chí rận giúp cho họ mạnh khỏe. Bằng có là những người khỏe mạnh đều có rận và ai không có rận thì hay đau ốm. Cho nên chí rận chính là nguyên nhân đã đem lại sức khỏe cho con người. Sự thực lại khác hẳn. Chí rận chỉ có thể sống ở những người khỏe mạnh vì những bệnh nhân ở vùng này thường lên cơn sốt nặng, nóng quá chí rận không chịu nổi phải bỏ đi!

Lại có một cô nọ cấp rỏ đi chợ, Vừa ra khỏi nhà gặp một bà đi ngang

(1) Ông bảo là do thói quen (*custom*) mà con người thiết-lập được nguyên-lý nhân-quả.

qua. Trong buổi chợ không hiểu sao cô bị rút mắt tiền. Thế là cô cay cú bảo : « Gặp đàn bà thật là xui ».

Ông Stuart Chase cũng có kể một chuyện khá lý-thú rằng trong một phiên tòa ở Connecticut, một nhân viên địa ốc đâm đơn kiện người chủ. Lý-do : Trong khi đưa khách hàng đi xem căn nhà do ông dẫn mối, một món đồ đã rơi trúng làm ông ta bị thương. Từ ngày đó ông cảm thấy thường mệt trong người vào buổi chiều. Luật-sư bị cáo mới hỏi ông ta bao nhiêu tuổi rồi và sau khi nghe xong câu trả lời, ông mỉa mai bảo : « Tôi cũng thế, cứ đến chiều là tôi mệt, nhưng có cái gì rớt trên người tôi đâu nhỉ, ngoại trừ gáah nặng tuổi tác của tôi... »

Chừng ấy ví-dụ có lẽ cũng đủ để cho chúng ta bộ mặc méo mó của luật nhân-quả rồi. Không có lòng tin ở nguyên lý này thì không đi đến định-luật được mà tin ở nó lắm lúc lại hớ quá. Đó là chưa nói nhiều người đã lợi dụng sự hồ đồ của lòng tin vào luật nhân-quả mà không ngớt lừa bịp, xáo trá, tuyên truyền, ngụy biện đối với những người chung quanh.

Bởi vậy, thiết-tưởng chúng ta phải tạo cho nó những cái thặng để kịp dừng lại khi cần.

### Những cái thặng

Trong bộ Bách Khoa Britannica, 8 trường hợp ngụy biện về thể chất (tức liên quan đến sự-kiện) được vạch cho thấy thì đã có đến 2 trường hợp mà chúng ta vừa kể trên đây. Loại thứ nhất mang tên là Secundum quid nghĩa là *tổng-quát-hóa quá dễ dàng*, mới gặp một hai trường hợp đã vội kết luận ngay.

Còn loại thứ hai có tên là Post hoc ergo propter hoc, có nghĩa là « sau việc này, cho nên vì việc này ». B xảy ra sau A, vậy B phải do A mà ra. Mặt trời mọc sau tiếng gà vừa gáy nên vì gà gáy mà mặt trời mới mọc.

Đối với loại thứ nhất, nếu phải gán cho nó một cái thặng thì cái thặng sẽ có hình thù như thế này : *Mọi tổng-quát hóa đều phải được xem là giả-thuyết*. Mà giả-thuyết thì phải được xây trên các sự-kiện và phải được kiểm-chứng. Hãy khoan tin một điều gì khi chúng ta chưa có điều kiện để kiểm soát xem nó đúng hay sai. Riêng trong khoa-học thì kiểm-chứng bao gồm toàn thể những động-tác nhờ đó ta có thể soát-xét mức chính xác của một giả thuyết. Kiểm-chứng tức là loại trừ giả-thuyết hoặc đưa giả-thuyết đến định-luật. Henri Poincaré lại còn thúc giục chúng ta « phải kiểm-soát giả-thuyết càng sớm càng tốt, càng nhiều càng hay ». Chúng tôi xin đan cử mấy trường-hợp sau đây làm ví-dụ :

Năm 1846, ở đài thiên-văn Paris, ông Le Verrier thấy có sự nhiễu-loạn (perturbations) trong quỹ đạo của Thiên-vương-tinh. Ông đoán rằng sự nhiễu-loạn ấy có lẽ là do các hành-tinh khác ở gần Thiên vương - Tinh gây ra lúc đi ngang gần hành tinh này. Sau nhiều lần đã tính kỹ ảnh hưởng gây ra bởi Mộc-tinh và Thổ-tinh ông vẫn thấy còn có sự nhiễu loạn thặng-dư không cắt nghĩa được.

Lại một lần nữa Le Verrier nêu ra giả thuyết rằng Thiên-vương-tinh còn có một hành tinh khác gọi là Hải-vương-tinh. Ông tính trọng-khối, khoảng cách và độ lớn của hành tinh ấy đồng-thời chỉ rõ vị-trí của nó trong

một khoảng không gian thuận lợi nhất có thể quan sát được.

Ngày 18-9-1946 Le Verrier viết thư báo cho Gall ở đài thiên-văn Berlin biết về kết quả sự tính toán của ông. Và không đầy một tuần lễ sau thì Gall dùng kính viễn vọng khám phá được Hải-vương-tinh ở đúng khoảng trời mà Le Verrier đã chỉ định.

Trong ví-dụ trên đây ta thấy Le Verrier đã phải tính toán nhiều lần và hai lần lập giả-thuyết mới đạt được sự chân xác. Đôi khi óc tổng-quát-hóa còn đòi hỏi người ta phải dựa trên sự-kiện nhiều hơn nữa và kiểm-chứng nhiều hơn nữa mới có thể kết luận được. Bác sĩ người Nhật tên Kaneo Sakurai đã phải thí-nghiệm đến 687 lần mới khám phá ra một thứ thuốc chữa bệnh ung-thư và ông đặt luôn cho món thuốc đó cái tên là 687. Còn nhà thiên-văn-Lục Đan-mạch, Tycho-Brahé đã bỏ suốt 20 năm trời và sau khi chết người kế-nghiệp là Képler phải mất một thời gian nữa mới tìm ra quỹ đạo của Hỏa-tinh.

Bây giờ đến lượt chúng ta gán cái thặng cho sự tương quan nhân quả. Việc này John Stuart Mill đã có vạch trong cuốn « Bàn về luận-lý-học » từ năm 1843. Muốn biết nguyên nhân nào sinh ra hậu quả nào hay ngược lại thì cứ việc xem có ở một trong những trường hợp sau đây không :

*Phù hợp (concordance) :* Nếu KMN có a, KPQ có a, KST có a, thì K là nguyên nhân của a.

Sương (K) đọng trên ngọn cỏ, trên tảng đá buổi sáng hay trên mặt kính mùa đông đều có chung một sự kiện :

sự sai biệt nhiệt độ giữa vật lạnh và không khí bao quanh (a). Vậy sự sai biệt nhiệt độ là nguyên nhân của hiện-tượng sương đọng.

2) *Bất đồng (différence) :* Nếu KNMP có a, MNP không có a thì K là nguyên nhân của a. Pasteur thí nghiệm hai bình cháo : một bình đầy nắp, một bình không đầy nắp. Kết quả bình không đầy nắp (K) lên men (a). Vậy nguyên-nhân của sự lên men là do bình cháo không đầy nắp, để cho vi trùng trong không khí lọt vào.

3) *Thặng-dư (résidus) :* Nếu ABC có k mà biết A có s, B có r thì C là nguyên nhân của k.

Arago lấy một sợi dây có treo kim nam châm rồi quay cho chạy. Nếu ở dưới có đặt miếng đồng thì kim ngừng lại mau hơn. Vậy đồng (C) là nguyên nhân làm chậm (k) kim nam châm.

4) *Biến-thiên tương-trùng (Variations concomitantes) :* Nếu XMN có a, X'MN có a', X''MN có a'' thì X có liên hệ nhân quả với a.

Thủy triều lên cao hay thấp là tùy theo mặt trăng ở gần hay xa trái đất. Nhưng mặt trăng vẫn là nguyên nhân (X) của hiện tượng thủy triều lên (a).

Ở đây chúng ta tránh không phê bình các phương-pháp để khỏi mất thì giờ. Song có điều dù mang khuyết điểm nào thì 4 phương-pháp này cũng vẫn là những cái thặng tốt để chúng ta có thể dùng khi có một kết-luận về tương-quan nhân quả giữa các sự-kiện được kinh-nghiệm. Còn trong đời sống hàng ngày nếu không dùng được những cái thặng tốt như trong khoa-học thực nghiệm, thiếu-nghi ít nhất

chúng ta cũng nên thận-trọng trong ba trường-hợp sau đây :

1) Một việc xảy ra tiếp theo một việc khác và cứ đều đều như vậy thì việc này chưa hẳn là nguyên-nhân của việc kia. Dù mặt trời ngày nào cũng mọc sau tiếng gà gáy nhưng không phải gà gáy làm cho mặt trời mọc.

2) Hệ thấy có hiện-tượng này thì cũng thấy có hiện-tượng kia nhưng không chắc đã đúng khi nói ngược lại. Không có dương khí thì không cháy nhà được. Cho nên nếu thấy cháy nhà tức là có dương-khí. Nhưng không phải hệ có dương khí là nhất định phải cháy nhà.

3) Một hậu-quả có thể do nhiều nguyên-nhân nhưng chỉ có một nguyên-nhân cần thiết nhất đã gây nên hậu quả đó. Một bà bị bạt tai thì chỉ cần biết người ta bạt tai bà ta là ông chồng, đủ rồi. Không nên móc nối hậu quả đó với một nguyên-nhân quá xa. Chẳng hạn như : ông chồng đánh vợ vì bà ta hay làm bầm, bà làm bầm vì ông hay lãng nhãng, lãng nhãng vì buồn, buồn vì không có tiền, không có tiền vì hoa lợi kém, hoa lợi kém vì bị thuốc khai quang. Cho nên bà ta bị ăn bạt tai là vì thuốc khai-quang !

### Cây sậy u-buồn !

Pascal bảo « người là một cây sậy biết suy tưởng » (l'homme est un roseau pensant). Chúng tôi muốn bắt chước nhại lại rằng « Người là một cây sậy biết qui-nạp ».

Thật vậy chính nhờ có óc qui-nạp mà khoa học mới có bộ mặt như ngày nay. Từ việc thiết lập các khái-niệm toán-học đến việc tạo dựng giá-thuyết và định-luật trong khoa-học nhân văn và đặc-biệt là trong khoa-học thực-nghiệm, con người đều phải dùng đến óc qui-nạp.

Óc qui-nạp hiện-diện như là một nhu cầu suy-tưởng và xa hơn nữa, như là

một nhu-cầu sống hằng ngày. Ai cũng đã từng dùng đến và ai cũng đã thật nhiều lần qui-nạp một cách hồ-đồ.

Song song với sự-kiện ấy, chúng ta thấy lắm kẻ đã lợi dụng cái tật qui-nạp vội vàng của con người mà không ngót phỉnh phờ, lừa gạt, tuyên-truyền, xảo trá... đối với đồng loại.

Bao năm qua con người đã nỗ lực liên-tục tìm cho qui-nạp-pháp một nền tảng vững chắc để củng cố lòng tin của mình. Nhưng rút cục từ Claude Bernard đến Ravaisson, Goblot, Lachelier, Dorolle... công việc vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Và chúng ta thì vẫn tiếp tục đứng giữa một bên là nhu-cầu và một bên là hoài-nghi đối với qui-nạp pháp.

Lão tử đã nói một câu thật là chí lý « Thiên hạ giai tri mỹ, tư ác dĩ ; giai chi thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ » (Thiên hạ đều biết cái đẹp là đẹp ấy là xấu đó, biết điều thiện là thiện ấy là bất thiện đó). Cho nên thiên hạ biết thế nào là nguy-biến thì cũng sẽ rấp tâm nguy-biến vậy.

Chỉ khổ nỗi trời đã cho loài người một dụng-cụ để suy-luận, nhưng lại cho một thứ dụng cụ không lấy gì làm tốt. Vất đi thì khó sống mà đem dùng cũng không chắc đã đến gần được chân-lý. Con người như bị trì kéo giữa một bên là lý-tưởng và một bên là thực-tại, một bên là chân-lý, một bên là sai lầm.

Xưa kia Platon bảo con người giống như những tù nhân ngồi trong hang, cứ lấy bóng làm thật. Những kiến thức mà họ thu tập được, chẳng qua cũng chỉ là một mớ ảo ảnh. Phật thì bảo chẳng có gì ở đời này là thực cả. Vạn vật đều được kết hợp do ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) mà ngũ



uẩn kể cả uẩn thức (1), đều giống như hàng cây in trên mặt hồ. « Phải coi ngũ uẩn như những tưởng tượng trả giá hoặc như những giấc mơ... Còn sự vật thì như bóng dáng hiện-hữu mà thôi, *chả khác nào như một ảo ảnh* ».

Xem đó tính chất bất thực của vạn vật đã được đẩy đến độ cùng kiệt thì còn gì để chúng ta đi tìm sự chân xác tuyệt đối cho tư tưởng con người ?

Phần chúng ta, có lẽ không muốn đắm mình trong những quan-niệm siêu-hình diệu vợi như thế. Trái lại chúng ta cảm thấy rằng, giá cứ được sống như cây cỏ có lẽ đã yên thân. Đàng này chúng ta lại biết nhìn, biết nghĩ và

biết tru-tu về thân phận của mình. Chúng ta biết mình luôn luôn khao khát hướng đến chân lý nhưng đồng thời cũng biết mình đang sống xa chân lý. Có một hố sâu thăm thăm giữa điều mình muốn và điều mình làm, trách sao con người không cảm thấy chán nản..»

Cho nên, nếu thực lòng cắt đi cái bộ mặt lạc quan hời hợt và giả tạo thì *muôn đời, người vẫn là một con vật u buồn* ».

Phan Rang tháng 9-70

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM

(1) Thức là sự hiểu biết. Cho nên biết theo lối qui-nạp chỉ là một phần rất nhỏ của thức mà thôi. (Xem « Vấn đề nhận-thức trong duy-thức-học » của Nhật Hạnh, Lá Bối xuất bản, Saigon 1969).

**Rượu bổ**  
QUINQUINA

# Quina 'Q'

CỔ ACIDE GLUTAMIQUE





*khai vị,  
ăn thêm ngon.*

**BỔ ÓC**  
bồi dưỡng  
cơ thể



**BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY**

KN 2071.6YT

## SÁCH MỚI « CẢO-THƠM » XUẤT BẢN

### \* TÔ ĐÔNG PHA của Nguyễn Hiến-Lê

Thi hào, văn hào bậc nhất của Trung-quốc, sống trong một thời đại đặc biệt cùng với những nhân vật kì dị như Vương An Thạch, Trình Di, Tư-Mã Quang... Một tác phẩm thuộc loại nhân tiều sử mà cũng là văn học sử, chính trị sử, hấp dẫn như tiểu thuyết.

### \* H. D. THOREAU, MỘT LƯƠNG TÂM NỔI LOẠN của Nguyễn Hiến-Lê

Tác giả tập Civil Disobedience (Bất tuân chính quyền), một tác phẩm đã gây biết bao phong trào bạo động ở khắp nơi, đã ảnh hưởng tới Gandhi, Danilo Dolci, mục-sư Luther King, và được coi là một trong vài chục tác phẩm đã làm thay đổi cục diện thế giới.

### \* THƠ NGŨ NGÔN LA FONTAINE,

Nguyễn Văn Vĩnh dịch — Mạnh Quỳnh vẽ

In nhiều màu, khổ lớn.

### \* ĐÊM NGỦ Ở TỈNH của Hoàng Ngọc Biên

Những mảnh vụn của đời sống và những mảnh vụn của thời gian đã mất mà tác giả giành giật lại từ trong tay cái chết. (N Đ. Thường — Trình Bầy số 14).

Tạp chí :

## Nghiên cứu VĂN HỌC

— Nghiên cứu — Phê bình — Sáng tác — Sinh hoạt Văn-học

— Diễn đàn ngôn ngữ và tư tưởng Văn-học

— Nhận diện thường xuyên vóc dáng hiện tình Văn-học

— Chủ nhiệm : L. M. THANH-LĂNG

— Với sự cộng tác của Vũ-Hạnh, Nguyễn-Sa, Nguyễn-văn-Trung, Nguyễn-thị-Hoàng...

SỐ 1 : VĂN NGHỆ ĐEN

SỐ 1 : Phát hành 15-3-1971

## Nỗi băn khoăn của Kim-Dung

Gạt bỏ tất cả mọi thành kiến tự-tôn, ta thấy phải công nhận tiểu thuyết Kim Dung ảnh hưởng lớn lao đến nếp sống tinh thần người Việt hiện nay. Tạo được đam mê cho đám đông đâu phải dễ dàng. Với máu trước mắt và lửa sau lưng, con người có thể dẫn mình vào những hành động bất cần, không suy tính. Nhưng khi khói súng và hào khí hạ xuống, tàn lụi như lửa rơm, người ta chỉ còn lại nỗi chán chường thụ động.

Chỉ có Kim Dung là nhà văn ngoại quốc giữ được sự đam mê thường xuyên đó. Tất cả những người biết đọc đều say mê từ Cô gái đờ long, cho đến Anh hùng xạ điêu, Thần điêu đại hiệp, Lục mạch thần kiếm, Tiểu ngạo giang hồ. Độc giả nhật báo tăng hay giảm tùy báo đó đăng Lộc đỉnh ký nhanh hay chậm. Dòng chữ cáo lỗi: *Vì máy bay Hồng Kông không qua kịp...* nhiều khi làm độc giả buồn hơn là tin vật giá leo thang, phân suất kiểm ước, thăm sát khủng bố. Mấy năm trước, tờ báo độc nhất cố gắng không chịu độc giả thân-mến-của-bồn-báo là Chính Luận. Nhật báo có uy tín này nhất định không chịu đăng Tiểu ngạo giang hồ. Rồi sau một cuộc đình bản ngắn, cuối cùng Chính Luận cũng phải mở rộng cửa đón tiếp đôi tình nhân Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung. Bây giờ, hầu hết các báo đều có đăng Lộc đỉnh ký.

Trong tâm trạng chán chường mệt mỏi của đám đông, cái đám đông đã một thời mê tiếng hát trác táng của Bích Chiêu, cái đám đông đang lắng nghe một cách trân trọng tiếng hát mệt mỏi bất cần của Khánh Ly, bất cứ sự đam mê nào cũng có ý nghĩa tâm lý và xã hội khác thường.

Có người đã gọi đó là hiện tượng, một biến chứng của cuộc chiến. Trong không-khí căng thẳng của những tranh chấp nội bộ và áp lực chính trị ngoại lai, nếu đôi lúc người Việt thoát ly ra ngoài được cái tê dại lười lỉnh, cái chai đá ù lì của tâm hồn, chắc hẳn họ phải thấy lạc lõng băn khoăn. Nếu những bước đường hành hiệp của các kiếm sĩ trong tiểu thuyết Kim Dung có tác dụng nhất thời là làm họ quên được những phiền nhiễu của cuộc sống thực, thì ít ra tận cùng thâm sâu của tâm thức, có cái gì gần gũi, thật gần gũi, giữa Kim Dung và chúng ta. Nỗi băn khoăn của Kim Dung chắc hẳn giống nỗi băn khoăn của chúng ta, và sự lạc lõng bơ vơ của ông cũng phải giống với hoàn cảnh tâm trạng chúng ta. Chắc hẳn phải vậy.

Nhưng nỗi băn khoăn đó là nỗi băn khoăn gì?

Thật ra ban đầu, Kim Dung chưa từng có sự xao xuyến do dự nào. Băn khoăn là một cách hoài nghi. Mà ban đầu, như một nhà văn Trung-hoa theo truyền thống văn dĩ tải đạo, Kim

Dung phân biệt thật rõ ràng thiện và ác, chính và tà. Trong Võ Lâm ngũ bá, người đọc có cảm tưởng đang nghe lời thuyết giáo của một đồ đệ Không Khuru. Thiện giả thiện báo, ác giả ác báo. Nhân vật đúng là một biểu tượng, thuần túy là một biểu tượng vì họ có một cá tính duy nhất. Nhân vật đều hoàn toàn, hoàn toàn tốt hay hoàn toàn xấu. Dĩ nhiên kẻ xấu phải trả giá đắt cho ác tính, và kẻ tốt qua bao nhiêu gian nan nhất thời, đương nhiên hưởng thụ vinh hoa phú quý với một giá hời. Nhân vật vì vậy hoàn toàn biệt lập, chưa từng bị hoàn cảnh chi phối.

Cho đến khi viết Cô gái đồ long, vẫn đề phân biệt thiện ác chính tà mới được trình bày theo một nhãn quan khác. Có những nhân vật qua vài hành động bạo tàn cuồng sát ban đầu, ta tưởng có thể xếp vào loại ác. Chẳng hạn như trường hợp Kim Mao Sư Vương Tạ Tổn.

Khi nghe Trương Thúy Sơn bênh vực cho thứ luân lý truyền thống :

« Hành hiệp trượng nghĩa đề thân trường chính nghĩa, thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo ».

Tạ Tổn cười ha hả hỏi lại :

« Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo ư? Thật là nói bậy. Phái Võ Đang của các người chỉ thích đọc sách Trang tử, chắc người nào cũng học thuộc lòng sách ấy, phải không? Nếu vậy, tôi hãy hỏi Ngũ hiệp câu này: Người có địa vị cao nhất trên thế gian này là Hoàng đế. Mà Hoàng đế vẫn chưa phải là người toàn đức, vì trận đại chiến ở cánh đồng Tráo

Lộc, Hoàng đế đã khiến máu chảy trăm dặm. Ngoài Hoàng đế ra, còn sáu người nữa được thiên hạ cho là người cao cả nhất thời là: Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Võ Vương, Văn Vương. Nhưng sáu người ấy đều có những hành vi khả ố cả, vẫn không thể gọi là những kẻ toàn đức. Mấy lời ấy là nghĩa lý gì? Ngũ hiệp có biết không? Hoàng đế là đại thánh nhân, đại hiền quân như vậy mà còn giết người đồ máu hàng trăm dặm. Tôi giết có mấy người, máu chảy có một bước thôi, như vậy vẫn chưa thể nói là tàn bạo được. (Cô gái đồ long trang 311).

Con người có quan niệm đó, dám nghi ngờ huyền thoại cao tốt của đạo đức, tất nhiên không cần nương tay giết người. Đề báo thù nhà, Kim Mao sư vương chém giết bừa bãi tạo cảnh máu sông xương núi trong giới võ lâm. Mà chém giết nào có lý do chính đáng hợp lý cho cam. Tiếng rú của Tạ Tổn, cũng như bom đạn và trái phá vốn không có tim và mắt, đâu có phân biệt được người thiện kẻ ác. Tất cả quần hào có mặt ở Vương bản sơn, ngược hẳn với nhân quả, đều phải chết để giữ bí mật cho con dao đồ long.

Với hành động cuồng sát như vậy, tất nhiên Kim Mao sư vương phải là kẻ đi ngược đạo lý, chà đạp nhân phẩm. Nhưng càng về sau, thành kiến ban đầu của độc giả đã thay đổi. Nếu xét hành động cuồng sát của Tạ Tổn trong dây chuyền biến cố của đời ông (sự phản trắc của sư phụ, cái chết bi thảm của gia đình, cuộc sống trợ trợ trong hận thù chất chồng)

nghĩa là xem Tạ Tốn là một con người sống trọn vẹn với ràng buộc của hoàn cảnh, và chỉ là con thú cùng quần trước sự nghiệt ngã của đời, thì ông không còn là ác tinh nữa. Ác tinh là Lão Tặc Thiên, nếu thật sự có một Lão Tặc Thiên. Trong khi chờ đợi xác nhận một nghi vấn siêu hình, Tạ Tốn cảnh cáo chú bé Vô Kỵ: Lòng người đời rất nham hiểm, trừ cha mẹ ra, con đừng tin ai hết. Ai cũng định tâm hại con đó (trang 404 Cô gái đồ long).

Một nhân vật nữa cũng đứng trong tranh tối tranh sáng như vậy là Hân Tố Tố. Ra tay tàn sát tất cả già trẻ trai gái súc vật trong Long môn tiêu cục, chỉ vì Tống tiêu đầu phạm một lỗi lầm mà chính nàng cũng công nhận là không tránh khỏi, Hân Tố Tố chắc chắn không thể đứng ngang hàng kề cận với Võ Đang thất hiệp. Cách hành sự quý quyết và độc ác, bất chấp trật tự tôn ti đạo lý, Hân cô nương chính là nhân vật tượng trưng cho cái tà. Sắc đẹp của nàng không cứu vãn được nhân cách, mà còn làm tăng thêm nguy hiểm cho phạm bầy.

Nhưng Lão Tặc Thiên lại đẩy đưa cho Trương Thúy Sơn, Hân Tố Tố cùng Tạ Tốn sống chung với nhau trên băng hỏa đảo, và trong những lúc nguy khốn, cái ác của Tố Tố lại hữu hiệu hơn cái thiện của Thúy Sơn. Thúy Sơn trở nên cố chấp, ngượng nghịu khôi hài trước nghịch cảnh trong khi Tố Tố lại quyền biến. Cuộc sống tách xa khỏi cơ cấu xã hội, vượt ra ngoài thành kiến đó được Hân Tố Tố xem là cuộc sống lý tưởng thần tiên. Nhưng Tạ Tốn còn một mối thù phải

trả, và Vô Kỵ cản trở về xã hội loài người để mai sau lập gia đình. Phải về trung nguyên. Bấy giờ Tố Tố mới thực sự tranh chấp đối đầu với chính phái

Ác giả ác báo, tất cả cao thủ võ lâm chính phái cũng dựa vào thứ công lý trường cửu đó mới ngăm nhau tụ hội ở núi Võ Đang. Dù họ lấy danh nghĩa chúc thọ Trương Chân Nhân, nhưng như nhận xét chua xót của Võ Đang ngũ hiệp, đi chúc thọ một Võ lâm bắc đầu mà lễ vật đều là thổ sản tầm thường dưới chân núi và người nào cũng dấu trong người đao kiếm, quả thật phe chính cũng biết nói dối, và hơn thế nữa không cần che đậy sự dối trá lộ liễu. Đằng sau cái chiêu bài chúc thọ, tất cả chính phái lên núi Võ Đang vì nghe tin vợ chồng Thúy Sơn trở về. Phái Thiếu Lâm đến để vấn tội Thúy Sơn, kẻ bị quàng cho trách nhiệm cái chết thê thảm gia đình Tống tiêu đầu, nguyên là đệ tử xuất gia của Thiếu Lâm. Các môn phái khác cũng tụ họp ở Võ Đang để hỏi tông tích Tạ Tốn, đòi nợ máu kẻ đã giết sư phụ, ái thê hoặc huynh đệ của họ. Cao đẹp thay, những kẻ thế thiên hành đạo. Vậy mà, những lý do cao đẹp vừa kể, vẫn còn là một chiêu bài Động cơ chính của tất cả mọi anh hùng hào kiệt chính phái không phải là thù nhà, không phải là hành hiệp trượng nghĩa, không phải là thi hành công lý nhân danh xã hội con người. Đằng sau lớp sơn loè loẹt, là tham vọng chiếm cho được con dao đồ long, để nắm hương vị đệ nhất cao thủ võ lâm.

Hóa ra cái chết của vợ chồng

Trương Thúy sơn là cái chết vô nghĩa. Thúy sơn tự vận vì, chính khí hấp thụ ở Chân Nhân, mà cũng vì tin rằng tất cả danh môn chính phái đến đây đều vấn tội kẻ bạo sát. Còn Hàn Tố Tố, sáng suốt hơn, thấy rõ mục tiêu đê hèn của mọi người, nhưng cũng tự vận vì thương chồng và chán chường ghê tởm sự giả dối của bọn ngụy đạo đức. Cái chết của vợ chồng Thúy Sơn xóa mờ luôn ranh giới giữa thiện và ác, chính và tà.

Từ đó về sau, độc giả đôi lúc phải dừng lại để tự vấn lương tâm. Nếu sự phân cách giữa đạo đức và giả ngụy rõ ràng phân minh và nếu nhân vật chỉ là một biểu tượng như truyền thống văn học cổ điển, người đọc nào thương xót cho Tố Tố, cảm phục hào khí, của Tạ Tốn, Dương Tiêu, nhất định họ đã bán linh hồn cho quỷ. Kết luận như vậy là hồ đồ, và giả thiết như vậy là quá lạm quan.

Thật vậy, chúng ta phải nhìn sự việc bằng cái nhìn của Vô Kỵ, cái nhìn trong sáng chưa từng bị thành kiến chi phối, chưa bị ảnh hưởng lệch lạc của xã hội. Bằng trực giác và lương tâm, Vô Kỵ phân biệt chính tà theo lối riêng của mình.

Khi bọn Nhuệ Minh Kỳ thuộc ma giáo bị đại bại trước các chính phái Nga My, Côn Luân, Không Động, Võ Đang, chương môn Nga My là Diệt Tuyệt sư thái quát bảo bọn ma giáo rằng :

— Các người của ma giáo hãy nghe ta nói đây, ai muốn sống sót cứ việc lên tiếng van lơn thì ta tha chết cho ngay. Ngờ đâu, bà vừa nói xong, lại nghe rất nhiều tiếng cười nổi dậy.

Thì ra bọn ma giáo đều lớn tiếng cả cười. Diệt Tuyệt sư thái nổi giận :

— Các người cười cái gì ?

Ngô Kinh Thảo, chương kỳ phó sứ của Nhuệ Minh Kỳ lớn tiếng đáp :

— Chúng ta với Trang Đại ca đã thề cùng sống chết, mi mau dùng kiếm giết hết chúng ta đi, chứ chúng ta không sống đâu. Diệt Tuyệt sư thái dùng giọng mũi hừ một tiếng, rồi nói tiếp :

— Giỏi thật, lúc này mà các người còn tự nhận là anh hùng hảo hán nữa, các người muốn chết một cách nhanh chóng phải không ? Làm gì có chuyện dễ thế ?

Nói xong, chỉ thấy bà rút trường kiếm ra khẽ rung động một cái, cò tay của Kinh Thảo bị chém đứt lìa. Không ngờ sắc mặt của Kinh Thảo vẫn như thường. Y ha hả cười và nói :

— Minh giáo thay trời hành đạo, tế thể cứu dân, coi sự sống chết như thường, lão tặc ni muốn chúng ta khuất phục đầu hàng thì thực là chuyện mơ tưởng.

Diệt Tuyệt sư thái càng tức giận thêm, liền múa kiếm chém thêm ba nhát, lại chém gãy lìa ba cánh tay của ba tên ma giáo cạnh đó, rồi bà hỏi người thứ tư có van lơn không ? Người đó cười trả lời :

— Đừng có mở mồm chó ra hỏi nữa.

Tĩnh Hư vội tiến lên, giơ kiếm chém vào cánh tay phải người đó, và nói với Diệt Tuyệt sư thái :

— Xin sư phụ cho đệ tử chém

chết những tên yêu tà này. Nói xong, ni cô liền hỏi mấy người giáo chúng, người nào cũng không chịu khuất phục hết. Tinh Hư chém luôn mấy người đó, chém đến tay đã nhũn, liền quay đầu lại hỏi :

— Thưa sư phụ, những yêu nhân ngoan cố lắm. Ý của ni cô muốn xin sư phụ nói tay, nhưng Diệt Tuyệt sư thái vẫn khẳng khẳng đáp :

— Hãy chém hết tay phải chúng, nếu tên nào còn bướng thì chém nốt tay trái.

Tinh Hư bất đắc dĩ phải chém thêm vài người nữa.

Vô Kỵ không chịu thêm được, liền tung mình nhảy tới trước mặt Tinh Hư ngăn cản, mồm la lớn :

— Hãy khoan.

Mọi người đều không ngờ mà cả Tinh Hư cũng giật mình nhảy lui về phía sau một bước. Vô Kỵ lớn tiếng nói tiếp :

— Các người tàn nhẫn vô nhân đạo thế này thực không biết xấu hổ chút nào.

Tinh Hư cả cười hỏi lại :

— Tà ma ngoại đạo, ai cũng có quyền tru diệt, cần gì phân biệt tàn nhẫn hay không tàn nhẫn ?

Vô Kỵ lại tiếp :

— Các vị đại ca tiền bối này, người nào cũng nghĩa khí can vãn, khẳng khái cầu chết, như vậy mới thực là anh hùng hảo hớn, tại sao các người lại bảo họ là tà ma ngoại đạo ?

Tinh Hư lại đáp :

— Chúng là đồ-chúng của ma giáo, không phải là tà ma chớ là gì ?

Cứ như tên Thanh Dục Bức vương hút máu giết người, hại sư muội sư đệ của tôi như thế nào, chắc cậu đã trông thấy rõ rồi, như vậy chẳng phải là yêu tà sao ?

Vô Kỵ đáp lại :

— Thanh Dục Bức vương chỉ giết có hai người, mà bây giờ các người giết gấp mấy lần như vậy rồi. Bức vương dùng răng giết người, còn Tôn sư thì dùng ý-thiên-kiếm giết người, nói tóm lại, dùng gì để giết người cũng là giết mà thôi, sao lại phân biệt thiện ác được. (Cô gái đồ long trang 253, 254 quyển 3).

Vô tình lý luận của Vô Kỵ giống lý luận của Kim Mao Sư vương, và điểm nòng cốt là : trước khi rút gươm đao ra khỏi vỏ để chém giết nhân danh cái này nhân danh cái nọ, mọi người nên nhớ rằng **MÌNH SẮP GIẾT MỘT NGƯỜI**. Tội ác của kẻ giết hai người lớn hơn tội ác của kẻ giết một người. Tội ác của kẻ giết ba người lớn hơn tội ác của kẻ giết hai người. Sự sống cao cả này, có thể nhân danh cái viễn vông hư huyền nào để hủy diệt nó ? Vì vậy mà Tạ Tổn cho mình nhẹ tội hơn Hoàng đế, và Vô Kỵ nghi ngờ chính khí của chưởng môn phái Nga My.

Biến cố thứ nhì làm cho Vô Kỵ nghi ngờ thêm về lẽ chính tà là cuộc tấn công Quang Minh Đỉnh của chính phái. Nhân danh công lý và đạo đức, chính phái hợp lực tiêu diệt ma giáo. Khẩu hiệu là **TRỪ GIAN DIỆT BẠO**. Nhưng một vấn nạn đặt ra : Tạm công nhận mục tiêu cao đẹp

của hành động, (mục tiêu mà trước kia Kim Dung đã vạch trần sự giả trá trơ trẽn) nhưng có thể dùng những phương pháp gian manh để trừ gian, và có thể bạo hành để diệt bạo không? Và nếu vì tư tưởng là bảo vệ giá trị làm người, chính phái sử dụng gian và bạo, thì sử dụng đến mức nào chính phái còn xứng đáng là chính phái, và quá mức nào họ chỉ là kẻ gian ác đội lốt đạo đức?

Vô Kỵ cho rằng Diệt Tuyệt sư thái đã đi quá mức đó, ngụy tín chấp thuận cho mình một thứ bùa phép: cùng đích biện minh cho phương tiện.

Viễn Kiêu và Liên Châu của phái Võ Đang biết dừng lại ở mức đó, khi từ chối lợi dụng cơ hội ngàn năm một thừa giết chết Hân Thiên Chính và toàn thể giáo chúng Minh giáo.

Biết tri chi, than ôi, đâu có dễ. Cho nên như Khổng Khuru nói, vì không biết tri chi, con người không thể định được đâu là tà, đâu là chính. Sử dụng xảo ngôn, khuếch đại bằng dụng cụ âm thanh, bơm phồng từ ngữ, đâu phải là độc quyền của riêng ai? Có hiểu như vậy ta mới thông cảm được nỗi bàng hoàng của Vô Kỵ khi nghe lời kinh tử biệt của ma giáo?

« Đốt tàn xác ta, ngọn lửa thánh bốc cháy hồng hồng. Sống đã chi làm sướng, chết không lấy chi làm khổ. Vì thiện trừ ác, chỉ vì quang minh mà nên Hi lạp bi sầu đều trở về cát bụi. Tội nghiệp thay người đời hoạn nạn quá nhiều.

Tuy có trực giác sáng suốt, và chút ít kinh nghiệm, Vô Kỵ vẫn không thể phân biệt được hai nẻo chính tà. Cả hai vẫn cùng một nhân danh. Vì Thiện Trừ Ác, Thế Thiên Hành Đạo Và cả hai đều độc quyền Vì Thiện Trừ Ác, đều đã Thế Thiên Hành Bạo (bạo). Tạ Tốn tuy mù, nhưng quả sáng suốt hết sức khi gọi Trời là Lão Tặc Thiên.

Sau Cô gái đồ long, Kim Dung vẫn chưa tìm thấy được tia sáng nào để soi rõ khoảng ranh giới mờ hồ giữa chính và tà. Vì chiêu bài và nhân danh ngày càng nhiều. Từ ngữ ngày càng bị lạm dụng, cuối cùng rỗng tuếch vô nghĩa. Cho nên chúng ta thấy càng về sau, nhân vật Kim Dung càng tách rời khỏi đám đông.

Trong Anh hùng xạ điêu, Hồng thất công là nhân vật chính phái đích thực, thứ chính phái đích thực phi nhờ (Hồng thất công ăn ở rất bản) và chế diểu mĩa mai (Hồng thất công ưa khôì hài) chính phái giả ngụy ảo vọng.

Trong Thần điêu đại hiệp, Kim Dung lại cho Hồng thất công, kẻ xứng đáng xưng tụng là nhà đạo đức, và Âu dương Phong Tây độc, kẻ xứng đáng phi nhờ là tên vô đạo, ôm nhau chết trên đỉnh núi tuyết. Chính phái, ngay cả chính phái đích thực, không còn thẳng nời tà nữa ư? Sao không xếp đặt câu chuyện, cho Tây độc vì luyện làm võ công mà nời điên khùng, tự cào cấu rách mặt mày mà chết? Viết như vậy các nhà đạo đức sẽ xoa tay yên chí, vì như vậy cái tà đã chứa mầm tự diệt ngay trong



bản chất của nó. Sao không cho kẻ ác rơi xuống vực sâu từ đỉnh tuyết cao. trong khi Hồng thất công oai nghi đường bệ, rú lên cho vang động trời mây non nước, đề báo hiệu bước về khai hoàn ?

Đã tàn rồi, thời đại của những niềm tin ngây thơ ! Trong nỗi băn khoăn, Kim Dung như muốn nói ở bên trên ở ngoài xa cái thực tế nheo nhóc kèn cựa ganh ghét là đám đông này ở trên đỉnh tuyết hay ở băng hỏa đảo, chính tà không cần phân biệt nữa ?

Hay nếu cơ chế xã hội vẫn còn giữ nguyên trạng, nghĩa là chuyên nhân danh đề cương chế, chuyên lấy mục đích biện minh phương tiện, không thể phân biệt chính tà ?

Ngược lại, nếu có nhập thế cuộc, thái độ hợp lý nhất là vô chấp, cương quyết gạt bỏ thành kiến như thái độ của Đoàn Dự và Lệnh Hồ Xung.

Tìm một đỉnh tuyết cao nào đó, con người vút bỏ thành kiến, ngụy tín, cố chấp, dưới chân núi đề trở về nguyên vẹn hình người, xử sự nguyên vẹn tình người là điều viễn mơ.

Tìm một kẻ can đảm phi thường như Lệnh hồ Xung (dám ngạo nghề cười cợt cả Nhậm Ngã Hành, không thêm làm đồ đệ của Thiếu Lâm, dám làm chương môn nhân một đám ni cô, dám kết bạn với bàng môn tả đạo) đề tuyên dương như

một thần tượng mới cho đạo đức đích thực trong khung cảnh xã hội cường chế của thế giới hiện đại, cũng là điều viễn mơ.

Kim Dung biết vậy, và tất cả người Việt chúng ta, đã từng nhọc nhằn vì bao cuộc thắng trăm chiến chinh, chạm mặt với bao sự giả trá sồ sàng, chúng ta cũng biết vậy. Cho nên chung cuộc, nỗi băn khoăn hoài nghi vẫn còn đó. Làm sao được. Nói cho cùng, nhà văn chỉ là kẻ :

Nói láo mà chơi nghe láo chơi,

Chỉ là thức giấc cô đơn nghìn năm vì đành cam chịu bất lực trước những trạng huống nghịch lý. Chúng ta chỉ là kẻ chịu đựng lịch sử mà thôi. Đừng tự cao. Hãy nhận thực sự : Victor Hugo viết *Les misérables* với tất cả nhiệt tình, Sartre đòi dấn thân, nhưng lịch sử vẫn trôi theo một chiều kỳ quặc, khác hẳn dự tưởng nhà văn.

Kẻ trực tiếp ảnh hưởng đến phận người vẫn là kẻ cầm quyền dự tiếp tân, cắt băng khánh thành, ban huấn từ và ký giấy tuyên chiến. Nhà văn là người gợi ý, hay quá lắm, chỉ là người khuyến cáo.

Phải nhận nỗi băn khoăn của chúng ta, hãy rành rành còn mãi đó.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tháng 3-1971

# BASTOS *Luxe*

巴

士

多

金

牌

煙



名貴大  
真地超  
多金牌  
等煙

Siêu đẳng thượng hảo hạng

## GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
		oOo		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-dình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

## Giữ hay bỏ 2 kỳ hạch-tấn-ích ?

Trong tổ-chức giáo-dục hiện-tại của ta, ở cấp bậc Tiểu-học và Trung-học, mỗi niên-khóa có hai kỳ hạch tấn-ích: kỳ hạch Thượng lục-cá-nguyệt và kỳ Hạ lục-cá-nguyệt. Trên nguyên-tắc, đó là một chế-độ hợp lý. Học-sinh được cộng điểm trung-bình hàng tháng. Sau bốn tháng, học-sinh lại ôn lại những bài của bốn tháng đó rồi làm bài tập kiểm soát từng môn và gọi là Hạch tấn-ích Thượng lục cá nguyệt. Đến tháng thứ Tám, học sinh ôn lại những bài của tám tháng (theo nguyên-tắc thì 9 tháng), làm bài tập kiểm-soát từng môn và gọi là Hạch tấn-ích Hạ lục-cá-nguyệt; Bởi vì Hạch tấn-ích Hạ lục-cá-nguyệt số bài học nhiều gấp đôi nên điểm-số được nhân lên hệ-số 2, trong khi điểm ở kỳ Hạch tấn-ích Thượng lục-cá-nguyệt chỉ tính với hệ-số 1. Lỗi tính hệ-số như vậy, lại một lần nữa, rất hợp-lý.

Tuy-nhiên trong chừng mười năm trở lại đây có nhiều vì giáo-sư vì chiều ý học-sinh mà đã bỏ qua cái nguyên-tắc hợp-lý đó. Ví dụ dạy môn Sử-ký hay Địa-lý hay Công-dân giáo-dục, mỗi tuần một giờ, bỏ đồng mỗi giờ một bài thì sau 4 tháng học-sinh có từ 12 đến 16 bài để học ôn. Nhưng đến ngày nhà trường tuyên-bố « lịch-trình ngày Hạch tấn-ích » thì y như học-sinh nhao nhao « Xin thầy cho bài học thi ». Tiếp đó thầy trò « kò kè bớt một thêm hai », rốt cuộc có thầy vì quá nể học-sinh chỉ cho học ôn có 4 bài hay 6 bài. Trong kỳ Hạch tấn-ích Hạ lục-cá-nguyệt lại tiếp diễn cuộc mặc cả.

Thay vì 24 bài hoặc 28, 30 bài, giáo-sư lại phải chiều lòng mà chỉ cho học ôn 6 bài hoặc 8 bài. Rõ ràng là sai hẳn ý-nghĩa của cuộc Hạch tấn-ích vốn đặt ra để học-sinh phải học ôn lại tất cả những gì đã học. Những giáo-sư có thiện-chí liệu có dám bắt học-sinh học ôn đủ số bài của mình không, trong khi có những đồng-nghiệp chỉ cho học ôn một số bài rất tượng-trung ? Có hai loại mũi dùi được chia vào họ. Mũi dùi của học-sinh và mũi dùi của đồng-nghiệp. Học-sinh thì oán ông thầy gắt. Đồng-nghiệp thì rửa là thằng cha phách lối, làm bộ, làm tàng. Rốt cuộc, số lượng thiện-chí cứ qua mỗi kỳ Hạch tấn-ích là mỗi bị gặm mẻ lần, cuối cùng đa số đành phải « người ta sao mình vậy ».

Thuở ban sơ, khi hạch tấn-ích, giáo-sư nào dạy môn gì thì phải tự mình phụ-trách việc coi thi môn của mình, do đó giáo-sư phải kiểm soát thật chặt chẽ. Phải coi chừng học sinh quay phim, học-sinh lén mở vở, học-sinh quăng nháp cho nhau. Giáo-sư thường không thể ngồi yên trên bàn mà phải len lỏi đi từ bàn này sang bàn khác, có ông phải nhón gót nhìn thấu cuối lớp hay cúi mình nhìn tận học bàn. Trong những lớp quá đông học-sinh, giáo-sư còn phải chia học-sinh ra làm số chẵn số lẻ, phải ra hai đề để hai học-sinh ngồi cạnh nhau không thể nhìn bài

của nhau được.

Cách đây ba, bốn năm. Bộ Giáo-dục có sáng-kiến tổ chức cuộc Hạch tấn-ích ở mỗi trường như một cuộc thi, giáo-sư không còn phụ trách việc coi thi riêng môn dạy của mình nữa. Học-sinh toàn trường thi cùng một môn trong một giờ nhất định và các giáo-sư được phân chia làm giám-thị ở mỗi phòng thi. Ý định của Bộ Giáo-dục là muốn cuộc Hạch tấn-ích được kiểm-soát thật vô-tư, giám-thị không hề biết học-sinh đó tên gì, học giỏi hay dở, được giáo-sư có cảm-tình hay không. Sáng kiến đó được áp-dụng không quá 2 niên-khóa thì có nhiều trường tự ý bãi bỏ để trở về áp-dụng qui-chế cũ. Là bởi vì nguyên tắc thì hay nhưng khi áp-dụng lại gặp nhiều khuyết-điểm. Tưởng là mang lại được sự công-bằng nhưng thực tế thì bất-công đầy dẫy, gian-dối ê hề. Nguyên-do là giáo-sư không tích-cực trong việc giám thi, *không thể và không dám* tích-cực trong việc giám thi. Bộ Giáo-dục ít sát với tâm-lý của học-sinh đời nay. Đâu còn những thể-hệ học-sinh ngoan ngoãn, chăm chỉ, chịu tuân kỷ-uật, biết trọng lễ phải, và biết kính nể thầy giáo? Bao nhiêu gương giám thi các kỳ thi Trung-học, kỳ thi Tú-tài bị thí-sinh hành hung, bị thí-sinh uy-hiếp, bao vây, đánh đập... trong mấy năm gần đây, chắc Bộ chưa quên. Học-sinh Hạch tấn-ích, thì cố nhiên không hung hăng bằng thí-sinh Tú-tài, nhưng hường họ chỉ ngoan ngoãn, trong mức tương-đối, đối với giáo-sư của họ. Đối với các giáo-sư lạ, nhất là các giáo-sư dạy lớp nhỏ hơn lớp của họ thì họ coi thường, thậm chí coi khinh.

Giám thi có dám đề-nghị phạt, có dám tịch thu bài, có dám đuổi ra khỏi phòng thi một học-sinh gian lận không? Tôi cam đoan là hiếm lắm, họa hoàn lắm. Tội chi rước vạ vào thân? Người học-sinh lười biếng, hạnh-kiếm xấu, thường là người học-sinh ăn chơi, giao du rộng với cao-bồi du-đăng. Họ chỉ cần làm một phát cảnh-cáo nhẹ là ông thầy giáo đã vêu môi, gãy cánh tay. Trong cái hoàn cảnh tâm-lý đó, việc gì đã xảy ra? Dễ đoán lắm: học-sinh cứ việc gian-lận và giáo-sư ngồi tụng niệm một trăm chữ NHÃN.

Kết-quả của những cuộc Hạch tấn-ích kiểu đó làm lớp học nhao nhao phẫn-nộ khi giáo-sư chấm bài, trả bài, đọc điểm. Người học-sinh giỏi, hiền lành ngay thẳng, thì chỉ đủ điểm trung-bình. Người học-sinh lười, dốt, hay cúp cua thì được điểm-số cao. Sự bất-bình của học-sinh không biết đổ lên đầu ai, không có ai chịu trách-nhiệm trực-tiếp nên nó tàn lụi đi mau chóng. Cuối cùng, mọi người quen đi, không ai bị xúc-động nữa. Giáo-sư thì chấm bài và tuyên-bố kết-quả như một kẻ bàng-quan. Có ông biết điểm nụ cười chế-diệu khi đọc to lên những kết quả trái ngược. Các học-sinh giỏi dần dần nản lòng hết muốn cố-gắng. Các học-sinh kém thì an lòng trong các mục ăn chơi. Chưa bao giờ chúng ta phải chứng-kiến một sự băng-hoại tinh-thần khủng-khiếp như vậy ở nơi học-đường.

Nhưng chưa hết. Bởi vì dầu có gian lận bất công, nhưng đứng trên hình-thức thì những cuộc Hạch tấn-ích được tổ-chức thật qui-mô. Các giáo-sư chấm bài một cách nghiêm-trang. Trong khi đo hi ở vài trường tư học-sinh không

cần Hạch tấn ích mà điểm số vẫn được ghi đầy đủ ở thông-tin-bạ. Có đầy đủ lời phê khen của giáo-sư từng môn nữa.

Đứng trước những tệ trạng dồn-dập như vậy, tôi biết là Bộ Giáo-dục sẽ ra những thông-tư, nhiều thông-tư kêu gọi tinh-thần của giáo-chức, của chủ-trường. Những thông-tư đó sẽ được lập lại năm sau, những năm sau miên-viễn, trường-kỳ trong khi đó thì những học-sinh tốt trở nên xấu mỗi ngày, những học-sinh trở nên tệ mỗi ngày. Cái nạn gian-lận vốn được phổ-biến và hiện-tại được giữ độc-quyền nơi giới người lớn, — lớn tuổi và lớn chức-vị, — hôm nay đã bắt đầu tràn ngập vào học-đường một cách công-khai nhờ những cuộc Hạch tấn-ích. Đối đầu với những tệ-trạng mà chúng ta biết trước là các thông-tư sẽ đều bất-lực, tôi xin đề nghị với Bộ Giáo-dục: *Hãy bỏ hẳn những kỳ Hạch tấn-ích*, Bởi vì chúng chỉ còn là hình-thức nếu giáo-sư phải chiều theo học-sinh chỉ cho học ôn 4, 5 bài ở kỳ Hạch đệ nhất lục-cá-nguyệt, 6, 8 bài ở kỳ Hạch đệ nhị lục-cá-nguyệt. Thay vì Hạch tấn-

ích lục cá nguyệt (thực tế thì chỉ có tứ cá-nguyệt) chúng ta cho học-sinh làm bài kiểm-soát hàng tháng. Mỗi tháng học 4 bài Sử-ký chẳng hạn thì ôn lại 4 bài đó rồi làm câu hỏi kiểm-soát. Mỗi tháng học 8 bài Anh-văn chẳng hạn thì ôn lại 8 bài đó rồi làm bài kiểm-soát. Điểm trung-bình của các môn sẽ thành điểm trung-bình hàng tháng (vẫn tôn trọng giá-trị các hệ-số) Điểm trung-bình của 9 tháng học sẽ thành điểm trung-bình của niên-khóa.

Đôn-đọc và kiểm-soát luôn sự học, hàng tháng, hàng lục-cá-nguyệt, cả đến hàng tuần, hàng ngày nữa là một điều hay, không ai phủ-nhận. Nhưng nếu chỉ dồn mọi chú-ý vào hai kỳ Hạch lục-cá-nguyệt, — với những thiếu sót như đã trình-bày trên — thì kết-quả vừa mong manh vừa tạo thêm nguy-hại. Vì lẽ đó mà thà chúng ta dồn nỗ lực vào việc đôn-đọc và kiểm-soát hàng tháng, kết-quả sẽ hữu-hiệu hơn. Trong tình-trạng giáo-dục hiện-tại, ở nhiều trường sự kiểm-soát hàng tháng rất dỗi lỏng lẻo. Trong cuốn sổ ghi điểm, có nhiều môn hàng tháng học-sinh không có điểm. Lý do đầu tiên là học-sinh hay

Những chuyện đặc sắc nhất, những tinh hoa của nền tiểu lâm VN và tiểu lâm quốc tế đều tập trung trong cuốn:

## CHUYỆN VỢ CHỒNG

của ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

Là cuốn sách nối tiếp Chuyện Cấm Đàn Bà, nhưng lôi cuốn hấp dẫn gấp mười lần Chuyện Cấm Đàn Bà.

Dầy trên 200 trang. Bìa 4 màu của Đình Cường. Tranh Hiếu Đệ. Sáng tạo xuất bản.

vắng mặt, bỏ lớp cúp cua mà nhà trường thì thường không đủ phương-tiện thông-báo cho phụ-huynh học-sinh hoặc không có biện-pháp hữu-hiệu để ngăn chặn. Lý do thứ hai là có một số giáo-sư chảnh-mãng trong việc kiểm-soát bài học và cho điểm thường xuyên. Những học-sinh đi học theo kiểu tài-tử đó đều có mặt đầy đủ trong những ngày Hạch tấn-ích. Cổ nhiên là bao nhiêu bùa phép gian lận đều được họ sử-dụng tích-cực và triệt-để, nhất là khi những giờ Hạch tấn-ích được tổ chức theo chế-độ giám-thị. Hàng ngày không học bài, hàng tháng không được kiểm-soát thúc đẩy, đến ngày Hạch tấn-ích họ có hàng « núi » bài để học thì học làm sao cho kịp, cho nổi? Họ bị dồn đến chân tường, và ở thế bí đó

họ đành buông xuôi hai tay trông nhờ viện-trợ hay tự tạo ra phép lạ.

Bỏ hẳn hai kỳ Hạch tấn-ích và dồn nỗ-lực vào việc kiểm-soát hàng tháng, phương-thức đó tránh được cái nạn giám-thị qui-mô về hình-thức nhưng kết-quả rất đáng nghi ngờ, tránh cái hậu-quả nuôi dưỡng bắt công và khuyến-khích gian-lận nơi học-đường. Phương-thức đó không diệt được cái tệ-trạng cấp thông-tin-bạ « ma » mà nó chỉ làm cho chủ trường mất công hơn khi phải tạo đến 9 cái bảng kết-quả hàng tháng thay vì chỉ cần làm có 2 cái. Nhưng mà ở trên đời này đã có mấy tay thiện-xạ chỉ bắn có một mũi tên mà giết được đến ba con thỏ?

VÕ · HỒNG

Tăng cường sinh lực bằng

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

433-YTDP.Đ.

## Chiếc nón Gò Găng

Lần chuyển quân vội vàng vào cuối mùa thu năm ấy, chúng tôi được lệnh tiến về thị trấn vừa bị địch tạm chiếm trong đêm. Cuộc chuyển quân vội vàng đến nỗi, chúng tôi chưa kịp phơi khô bộ quần áo, chưa được lót bụng bằng một nắm cơm nhỏ, hay có thì giờ chùi nòng súng đã bị nước lụt làm hoen rỉ. Đơn vị địch dường như đã biết trước cuộc đột kích đêm của chúng tôi nên đã rút quân về thị trấn bỏ hỏ. Có lẽ địch đã di chuyển trước khi chúng tôi đến không lâu, vì những người lính tiền sát đã tìm thấy những nồi cơm nấu lờ dờ, những bếp tro còn âm ỉ khói, những dấu chân người còn chi chít trên bờ ruộng trơn ướt. Chúng tôi chỉ còn tìm thấy những chiếc hầm sâu, vài chiếc áo ngự hàn, những đôi dép Bình Trị Thiên, hay vài tập tài liệu học lập. Chúng tôi đã đóng quân quanh mật khu, đào hầm cá nhân lúc trời rạng sáng và cuối cùng khi màn sương đã bốc lên từ con kênh rậm lá, từ cánh đồng toàn lau đại cao quá cổ, chúng tôi được lệnh dùng cơm ngay tại chỗ. Giữa lúc mọi người đang chú ý đầu vào những bếp lửa, hoặc đang mò mẫm hái rau mồng tơi, rau dền hay rau cải nấu canh, thì lệnh lại được ban ra: *bằng mọi cách phải rút trở lại. Lệnh sẽ cho biết sau...* Cái lệnh ban từ bộ chỉ huy đại đội đến các

trung đội như một bản tin thật bí quan. Cái lệnh đến giữa lúc chúng tôi bắt đầu cởi giày, cởi áo, nghỉ ngơi sau một đêm run rẩy trong bề đồng nước lụt. Điều ấy gây cho nhiều người sự bất mãn. Bọn tôi phải bỏ dở nồi cơm sống, và chửi thề rầm trời. Hẳn đá nhào nồi cơm lẫn lóc. Tên khác đang mặc lại chiếc quần ướt. Vài người lính Thượng tham lam vỗ chụp những trái ớt đại đỏ thắm, những bụi tỏi sau một vườn hoang. Riêng tôi, tôi rất tiếc không lấy được chồng sách quý còn sót lại trong vùng binh lửa. Sổ sách ấy đã cháy một nửa. Tôi chỉ còn giữ lại một quyển nhật ký cũ của một người dân quân. *Em bên này Vạn An, anh bên này Vạn Phú. Hai ta cách một đò ngang.* Tôi sẽ về mang nó làm quà hành quân cho người yêu của tôi.

Chúng tôi bắt đầu qua một chiếc cầu khi. Chiếc cầu dựng nên bởi những thân tre to lớn, bắc qua một giòng kênh chảy xiết. Chúng tôi phải khò sở đề bước. Cầu tre cong vòng nhưn nhây. Ông trung đội trưởng đã đánh rớt chiếc mũ rừng của ông xuống kênh. Bây giờ ông đi đầu trần, với cả mái tóc bạc của ông. Có lẽ tại ông suy nghĩ nhiều quá nên màu tóc mới biến đổi như thế. Tôi biết ông là nhà thơ. Tôi đã đọc trên báo thành phố vài bài thơ do

ông sáng tác. Thơ của ông đều mang mang buồn. Có lẽ đời ông buồn quá. Trong đại đội ông sống như một chiếc bóng. Không hành quân hay công tác, ông làm bạn cùng sách vở, và viết lách. Nhiều khi tôi tự hỏi: Có một điều gì u uẩn trong lòng ông chẳng hay ông muốn sống cách biệt với người khác. Tôi hẹn một ngày sẽ cố hỏi ông ta. Trời vẫn còn âm ỉ nước. Để chừng chiều nay có thêm một cơn mưa lớn như hồi đêm vì tôi thấy cả bầu trời xám xịt. Chúng tôi trèo qua bờ mương, nơi hồi đêm mỗi đũa chúng tôi nằm đợi sáng. Đoàn người trải dài như một con rắn trườn mình trên nước. Tuy trời chớm thu, nhưng thời tiết thật lạ kỳ. Mưa và lạnh kéo về cả không gian. Mưa và lạnh như một tai ương hành hạ chúng tôi không ít. Thật thế, có trùm poncho, có nghe những cơn gió hú bên tai, có run rẩy nắm tay chuyển nhau trên con đường dề trong đêm, mới biết cảnh khổ. Nhưng có lẽ không khổ khi hành phải lo như thế này. Tôi đã biết, đã hiểu rõ điều ấy.

Chúng tôi đã phải mất gần hai tiếng mới đến con đường liên quận. Một đoàn xe đã chờ ở đó. Chiếc xe jeep của lão đại đội trưởng đã túc trực với những cần ăng-ten cao vút sau xe. Toán lính đang đứng trên đường chỉ chỗ về hướng bắc. Tim tôi tự dưng đau nhói. Tôi đã chứng kiến những cột khói cao ngất trời và những đóm lửa còn nom thấy rõ. Đúng là thị trấn của tôi. Đúng là nơi mà mẹ tôi và người yêu tôi đang

chờ đợi tôi về. Trời ơi không bao giờ tôi thấy tôi lại sợ hãi, lo lắng như thế. Mẹ tôi, sống lủi thủi, với đôi mắt mù từ dạo anh Hai tôi tử trận, chẳng biết có thoát được vùng lửa đạn kia không. Khói đen mang hơi nóng theo chiều gió làm rất mặt mày chúng tôi. Cả bầu trời trên thị trấn đã đen tối bởi khói lửa. Tự nhiên tôi linh tính một điều gì thảm khốc.

Anh ạ, anh có tin chuyện này không? Chuyện số mạng hay chuyện luân hồi. Tôi xin phép anh được dứt nửa chừng.

Người lính dụi tắt mẩu thuốc còn lại, rồi đứng lên. Hoàng hôn đã về bên kia sông tuy nhiên ở trên ngọn đồi còn sót lại chút nắng yếu ớt. Người lính đưa mắt nhìn về phương Bắc. Nơi đó, thị trấn đã mấp mờ dưới đường chân trời.

— Anh ạ, trước khi kể tiếp tôi muốn nói về quê hương của tôi cho anh nghe. Gò Găng anh biết chứ? Nơi đó là nơi sản xuất một loại nón nổi tiếng, dành riêng cho các cuộc cưới hỏi, hay lễ bái. Ngày xưa, các bà hoàng bà chúa đều đội loại nón này. Nó vừa có tính cách đài các, vừa sang trọng. Nó lại đòi hỏi ở người thợ nón một tài nghệ tuyệt hảo và có óc mỹ thuật, lại nhiều công phu. Chiếc nón Gò Găng như mang thêm sự quý phái cùng sự nề nếp của gia đình. Bởi thế, những người làm nón, phần nhiều có tâm hồn, biết thương thức vẻ đẹp, biết học hành, lễ nghi. Thời kháng chiến, đa số những người con gái Gò Găng đều lãng mạn. Họ đều



biết chơi đàn mandoline và thổi sáo. Tâm hồn của họ thật trữ tình. Trong những đêm trăng, họ tụ trước sân nhà cùng đàn cùng hát cùng chải tóc trong khi những người con trai đang xông xáo ở giờ phút lên đường khởi nghĩa.

Anh biết không ? chính ở nơi này, mà các văn nghệ sĩ bộ đội đã lưu luyến không ít, khi họ mang bụi chiến khu ghé qua. Trong số đám văn nghệ sĩ ấy, có một nhà thơ xứ Huế. Một đêm chàng dừng tạm ở khu làng nón ấy, chàng bắt gặp một người con gái đẹp nào nùng bên kia hàng xóm. Nàng ngồi giữa mấy chị em bạn, bên những khung nón lá. Trắng vàng rực cả sân nhà, trăng lênh láng trên giòng suối tóc, trăng như tăng thêm phần liêu trai huyền-thoại của những người con gái xóm Gò Găng. Chàng thi sĩ xứ Huế đã bị hình ảnh trên hóp hồn điên đảo. Chàng đã đứng lặng bên hiên nhà. Mắt chàng như ngợp đi trong giòng suối trắng, trên những ngón tay thon mềm kết từng cánh lá. Thơ bắt đầu nhập vào hồn chàng với màu trắng với màu tóc với nụ cười với dáng mềm như bờ liễu. Tâm hồn chàng cảm thấy chơi vơi trong một cõi nào khác. Đó là nỗi hạnh phúc kỳ diệu mà chàng lần đầu tiên bắt gặp trong một xóm nón này.

Bỗng tiếng cười rú ở những người con gái bên hàng xóm nổi lên.

— Lan, nhà thơ đang nhìn mày kia kia.

Và những người con gái quay mặt về phía nhà thơ rồi lại cười rũ rượi. Trừ người con gái tên Lan ấy, cúi đầu xuống, để chừng nàng xấu hổ và thẹn thùng lắm.

Anh cũng đoán trước những gì sẽ xảy ra. Tôi nói cũng bằng thừa. Nhưng cuộc tình của họ thật đẹp, đẹp như một bài thơ. Nàng là một người con gái yêu thơ, và chàng là một người thơ nổi tiếng. Vì thế, họ dễ hiểu nhau. Họ có không khí trữ tình của một xóm nón, họ lại được un đúc bởi những bậc cha anh giàu nghệ sĩ tính, lãng mạn và biết yêu chuộng vẻ đẹp. Từ chỗ hiểu nhau, họ bắt đầu yêu nhau. Họ đã có những buổi hẹn hò, những buổi thề non hẹn biển. Áo chàng đã rách trên đường công tác đã được nàng kết vá lại trong đêm và chàng đã làm bao nhiêu bài thơ tình xuất thần và lãng mạn nhất trong đời thơ của chàng về người con gái Gò Găng ấy. Cuộc tình của họ quả là một cuộc tình lớn. Làm sao họ ngờ được một ngày...

Phải một ngày, khi chàng nhận một công tác xa thuộc Liên khu.. Nàng bị cha mẹ ép gả cho một người đàn ông khác trong vùng. Đêm tân hôn, nàng đi trốn, rồi biệt tăm luôn. Chàng thi sĩ bộ đội trở lại. Khi về xóm nón, chàng không gặp người yêu cũ nữa. Người dân trong vùng đã kể câu chuyện của nàng và ai ai cũng tiếc thương cho một đóa hoa tội nghiệp. Chàng lại ra đi, lòng thì đau thương chất ngất. Trở về Qui-nhon, chàng tìm đến bờ biển và như một kẻ đau khổ vô bờ chàng lấy những bài thơ tình đem ra đốt. Chàng bật khóc khi nhìn những bài thơ cháy thành tro bụi. Đó là những giọt lệ của một kẻ trở về. Đó là tình yêu và sự ngăn cách. Đó là những đêm trăng, người lính bộ đội từ chiến

trường xa, mang áo rách vai, để người yêu vá dùm kim chỉ. Đó là những đêm trăng, người con trai đi người con gái ra ngoài ụ rơm, mà nói về những con đường trăng sáng láng. Bây giờ đã hết. Một cuộc tình đã tan vỡ. Và hòa cùng nỗi buồn của chàng, gió biển đã thổi nhẹ, sóng biển đã vang nhẹ, trời đất đã thẫm thì nhẹ. Hoàng hôn đã rơi nhẹ. Tất cả nhẹ nhàng, đi qua như thể tiễn đưa những bài thơ tình bất diệt về bên kia thế giới.

Nhưng khi chàng ngẩng đầu dậy, chòng bồng bắt gặp nàng đang đứng một mình trên bờ biển. Chàng vut, chạy đến. Chàng hét hải gọi nàng. Nàng vẫn đưa đôi mắt đắm lệ nhìn chàng. Rồi lắc đầu và bật khóc nức nở. Tà áo cưới của nàng phơ phất trong gió. Tóc nàng bay rũ rượi. Bãi biển chỉ còn hai người. Và khi chàng đến trước mặt nàng, đưa tay ôm nàng thì một động lực vô hình nào đó khiến chàng đứng sững lại. Nàng cũng vậy. Họ cách nhau non một thước, nhưng họ không thể ôm nhau. Người này bước tới một bước thì người kia lùi về sau một bước...

Người dân trong vùng đã thấy họ cùng vào một hang đá. Thấy sự lạ lùng, họ mới chạy vào. Nhưng họ không còn thấy hai người nữa, mà chỉ nghe trong hang đá tiếng kêu riu rít của hai con chim.

Anh ạ, đó là câu chuyện tôi nghe mẹ tôi kể lại. Tôi nói cho anh nghe, để anh hiểu rõ giá trị tinh thần của chiếc nón Gò Găng. Có thể đó là một huyền thoại. Nhưng là một huyền

thoại để ta tự hào. Dân tộc ta là một dân tộc nhiều thi cảm, và giàu lãng mạn, trọng cuộc sống nội tâm hơn vật chất. Khi người con gái đội lên đầu chiếc nón Gò Găng mà bạn trai của nàng dùng làm quà cưới, nàng làm sao biết ở trong nón, có một cõi hồn linh thiêng đang che chở và phù hộ. Làm sao nàng biết có một người con gái Gò Găng đã chết mà hồn nàng còn nhập vào từng phiến lá, từng chiếc nan, từng sợi tơ, từng đầu kim mũi chỉ. Nước mắt đau khổ của một bậc tài hoa mệnh bạc đã ràn rụa trên vành nón, như màu nhựa dầu tô điểm sự xinh đẹp của chiếc nón lá. Khi người đàn ông nhìn thấy bạn mình nghiêng nghiêng vành nón, thẹn thùng, làm sao họ biết có một nhà thơ đang nhỏ vào con tim những giòng thơ tình bất hủ, để đôi má nàng phải thẹn thùng...

Và những giòng thơ đã chảy vào hồn mẹ tôi, người con gái Gò Găng năm nào. Ba tôi cũng là một thi sĩ. Ngày cưới, ba tôi chỉ về được vài hôm rồi trở ra mặt trận ở chiến khu. Quà của ba tôi là chiếc nón Gò Găng, mà mẹ tôi bấy giờ vẫn còn mong mỏi. Rồi ba tôi chết trong khi dẫn một đơn vị công đồn giặc Pháp, để lại cho mẹ tôi hai thằng con bé dại. Đó là anh Hai tôi và tôi.

Người lính ngừng nói. Một vài vì sao đã xuất hiện trên bầu trời. Những người lính đã xuống đồi làm chuyển ăn đêm. Người bạn đưa bao thuốc ra mời :

— Hút một điếu cho ấm. Chuyện anh buồn quá,

— Đòi tôi ắp toàn những chuyện đau thương.

Người lính kể tiếp.

— Ở địa phương tôi, nghề nón lá như một nghề cò truyền, anh ạ. Nó chỉ được truyền lại cho họ hàng và thân tộc. Những bí quyết về cách phơi lá, làm sao khỏi khô và nứt, về độ nắng, về cách thức pha dầu nhựa, về cách lựa lá quý và bền bỉ. Mẹ tôi được kể là người thợ khéo nhất vùng. Chính nhờ nghề nón này, mẹ tôi đã nuôi nấng hai anh em chúng tôi nên người. Rồi anh Hai tôi đi lính trong Nam. Anh phục vụ ở một đơn vị trinh sát xâm nhập ngoại địa. Nhưng ảnh lại dấu mẹ tôi, nói phục vụ ở một đơn vị không tác chiến. Mẹ tôi tin thật, nên bớt lo lắng, Tội nghiệp, bà làm sao biết được những ngày giờ anh Hai tôi lặn lội ở miền biên giới, lao đầu trong từng nổi sóng chết. Nhiều khi thấy mẹ tôi ngồi thừ trước khung nón, dáng buồn bã thì tôi đau lòng hết sức. Tôi phải đành ngụy tạo một lá thư của ảnh. Bà già rồi, làm sao bà biết được. Bà trách anh tôi, theo con nào mà bỏ xứ. Bà chửi: Nuôi toàn một lũ ăn hại. Đến chừng này tuổi, không được nhờ, lại còn khiến mẹ nó phải khổ sở. Nó ở xa có biết mẹ nó cặm cụi khổ nhọc kết từng tấm lá. Bà lại dục tôi viết thư, bắt anh tôi cưới vợ, để bà còn nhìn được mặt cháu trước khi nhắm mắt. Tôi cố gắng lắm mới khỏi bật khóc. Thì ra bà lúc nào cũng lo lắng cho đàn con của bà, như đã từng lo cho chồng, cho con thuở trước. Tôi kể cho anh Hai nghe, và khuyên

anh nên cưới vợ để người vui lòng. Cuối cùng anh tôi nghe lời. Trong lá thư cuối, anh dục mẹ tôi làm chiếc nón Gò Găng để anh dùng làm quà cưới. Bà mừng quá sức. Ngày hôm đó, bà cố ra ngoài sân, lựa những chiếc lá tốt nhất đem vào nhà xếp riêng. Lưng bà còm xuống. Mái tóc bạc phơ phát hiu hiu. Bà vừa làm vừa nói:

— Vợ nó, nó cứng như bà chúa. Nó có biết mẹ nó đang còm lưng như thế này!

— Ngày xưa, mấy ông hoàng bà chúa tìm mua nón tao, tao cũng không làm kỹ như bây giờ.

— Nón Gò Găng phải đi đôi với tóc bội. Vợ nó người miền Nam đầu như tổ quạ đội làm sao cho đẹp được.

Mẹ tôi lại dục tiếp:

— Mà phải nhắc anh Hai mà, lựa chọn người đàn hoàng. Đừng có chạy theo ba thứ đầu đường xó chợ. Gia đình của mình cũng là danh giá.

Tôi phải an ủi bà:

— Mẹ đừng lo. Anh Hai cũng hiểu biết lắm. Chính vì thế mà anh mới lấy vợ trẻ.

Bà cười lộ hàm răng đã rụng gần hết. Tuy vậy, một vẻ đẹp dường như từ thời còn con gái còn phảng phất trên gương mặt bà, ở dáng dấp khoan thai của bà, hay ở màu da trắng của bà.

— Tao cũng mong thế. Khi lo cho anh mà xong, thì đến lượt mà.

— Con còn lâu!

— Làm trai thì phải nghĩ đến chuyện vợ con, đề nghị đến giòng giống. Ai cũng như mày thì người ở đâu trên quả đất này.

Rồi mẹ tôi tiếp tục lựa những cánh lá. Bà làm việc thật tần mẫn, một bóng một hình trong hoàng hôn sẫm tối. Bà lấy khung nón, xếp những phiến lá còn vương mùi nhựa ở xung quanh thật thành thạo. Tôi nhìn theo những ngón tay răn reo cảm thấy thật xúc động. Chẳng biết anh Hai tôi ở phương trời xa có hiểu được nỗi lo lắng, nỗi chịu đựng của người.

Nhưng một buổi sáng vào cuối mùa thu, khi mẹ tôi đang ngồi trong nhà cố gắng sửa soạn chiếc nón Gò Găng một lần cuối cùng thì chợt có người bưu-tín quận lý đến đưa cái điện-tín mang một hung tin: Anh Hai tôi tử trận. Mẹ tôi ngã lăn bất tỉnh bên cạnh chiếc nón. Còn tôi thì đứng lặng mà chết sững. Tôi thấy căn nhà trở nên quay cuồng và tối tăm lại. Nước mắt tôi ràn rụa.

Sau ngày anh Hai tôi tử trận mẹ tôi càng lúc càng bệnh nặng. Tuy nhiên bà cũng cố gắng lập một bàn thờ nghi ngút trầm hương và trên bàn thờ để thêm một chiếc nón Gò Găng. Mẹ tôi nghĩ rằng hương hồn của người con trai đầu của người chắc sẽ an ổn vì lời xin cuối đã được thực hiện. Mỗi ngày bà đều đứng trước bàn thờ khấn vái. Mỗi lần rằm, mồng một, bà đều đến ngôi chùa quận đề cầu siêu linh hồn anh Hai tôi được giải thoát. Đêm đêm bên tiếng mõ, với những bài kinh thật thắm. Từ đó mắt bà trở nên tối hẳn. Bà đã mù.

Thời gian sau tôi bị gọi nhập ngũ, và phục vụ ở một đơn vị tác chiến bộ binh. Căn nhà xếp ở làng xóm Gò Găng chỉ còn thui thui một hình một bóng mẹ tôi. Khi từ giã người, tôi cúi đầu dẫu nước mắt. Tôi đã nghẹn ngào nhìn lên bài vị của anh Hai và nhắm mắt cầu nguyện hương hồn anh phò hộ.

Dù ở một đơn vị tác chiến nhưng tôi thật may mắn. Tôi đã thoát được vài trận sống chết. Tôi đã trải qua những chiến trường ác liệt nhưng đã trở về với một sự may mắn lạ kỳ. Có lẽ tại phúc đức ông bà, cha mẹ tôi. Có lẽ tôi được linh hồn anh Hai tôi phò trợ. Và mỗi lần về phép, mẹ tôi đã mò mẫm bàn tay nhăn nheo run rẩy của người. Mẹ lên mặt mày tôi, đầu tóc tôi như thể thăm hỏi, tìm xem hình bóng thân yêu thẳng con trai của người. Mẹ tôi đã dúi vào người tôi cái bùa:

— Con ra trận nhớ đeo bùa vào, và nhớ niệm Quan-thế-âm phò trợ con.

Tôi không cầm được bùi ngùi:

— Con nghe lời mẹ.

— Khi mãn tang anh Hai mày, tao lo cho mày thành gia thất, vợ con như người ta.

Ngừng một lát bà nói:

— Còn chuyện con Lài của mày đến đâu rồi?

Tôi chỉ biết cười. Lài là người yêu của tôi. Chúng tôi định vào mùa thu khi mãn tang anh Hai, là làm lễ cưới. Mẹ tôi cũng ưa Lài lắm. Nàng thật đảm đang và hiền thực. Và chúng tôi đã trải qua những ngày tháng thật tuyệt vời hạnh phúc của những ngày yêu nhau.

Trận đánh quả thật ác liệt 'ơn bất kỳ các trận đánh nào mà chúng tôi tham dự. Chúng tôi tiến chậm chạp sau các xe bọc sắt và dưới những chiếc trực thăng yểm trợ. Địch đã đào những công sự ở các khu vườn rậm để chống trả. Tiếng súng địch hòa lẫn tiếng súng của ta như mỗi lúc mỗi gia tăng sự sôi động của chiến trường. Còn tôi, tôi như một tên điên. Tôi chỉ muốn bay vào trong đám lửa đạn để biết số phận người mẹ mù của tôi. Khi trung đội tiến đến chiếc cầu đá, trước ngôi

nhà tôi, tôi quên hết tất cả nguy hiểm. Mắt tôi mờ. Người tôi bừng nóng. Tôi rút chốt hai trái lựu đạn, lao vào phòng tuyến của địch. Tôi ném ào. Tôi lăn xả vào họng đại liên. Tôi đã trở nên anh hùng. Anh hùng trở về, băng qua vùng lửa đạn, để thấy người mẹ mù của tôi chết bên một chiếc nón Gò Găng cho ngày cưới của tôi sắp đến. Người đã lăn mò làm nó trong bóng tối.

TRẦN HOÀI THU

(B.M.T. 15-2-71)

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ  
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

SỐ KN : 78 MBYT/QCPD



M.L.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM  
VIRGINIA NỔI TIẾNG  
NHỜ...  
**ĐẤU LỘC**

## THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233 235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (équette)  
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

## NÀY ĐÊM

Trên nửa năm, nay là lần đầu gặp phải một vụ tàn thương ban đêm. Nhấp nha nhấp nhem, khô và chán hết sức.

Cái xác đề giữa ruộng. Toán chờ đưa xác lên máy bay ngồi chòm nhom vào nhau, như đang đánh bạc. Có anh đùa: «Khò quá, sớm không chết, đề tới tám thế này anh em mò mẫm, chụp cóc chụp nhái».

Trái mìn nổ lúc gần 5 giờ. Từ sáng, và cả hôm qua, đại đội đi không hề gì... Trung đội tôi đi đầu. Tới con kinh, chúng tôi dừng lại, chờ nghe tiểu đoàn bắn cho vài phát đề biết hướng. Con kinh rộng độ chừng bảy thước, bờ bên kia dày dừa nước. Hai phát súng hiệu nghe gần, chỉ xịch về phía trái lối ba trăm thước. Chúng tôi bẻ hướng đi bên trái. Men kinh đi vào tới cái nhà trong kia xem có xuống không, đề tính việc vượt qua rạch. Đoạn đường dẫn tới nhà có lẽ nhiều ngày rồi không có người đi. Được một quãng gặp một cái cổng khép, cánh cửa tre sơ sài dựng nghiêng chắn ba phần tư đường. Hai bên cửa cỏ tốt, cao khỏi đầu. Tấm bảng nhỏ móc trên cửa ghi: «Nguy hiểm, cấm qua». Vùng này có nhiều thứ bảng tương tự như thế. Ban sáng chúng tôi gặp nhiều bảng đề văn về «Cửa mở thì vào, cửa rào đừng qua». Người khinh binh đi trước dừng lại. Tôi hỏi ý kiến đại đội. Đại đội trưởng nói coi tìm cách qua,

đi nhanh lên chút đề chạm mặt tiểu đoàn. Tới sớm đóng quân sớm, cơm nước, nghỉ cho khoẻ.

Anh lính mở đường dòm quanh, nhưng cỏ cây chằng chịt nên không thể biết được sau cánh cửa có gì lạ không. Anh ta bỏ xách mang lưng xuống, lấy một thanh dừa khô tới xâm quanh cửa. Một đôi, thỉnh thoảng anh xô mạnh cánh cửa. Cửa nhích được vừa một người lách qua. Chúng tôi đi chậm, hơi hồi hộp. Không ai dậm lên mấy cái vỏ dừa, mấy miếng lá chuối rách trên đường, hai bàn chân nhát nghe lạnh lạnh. Tôi đi sau sáu người. Người đi đầu gần tới nhà, quay lại ra dấu nhà trước có người. Bỗng, ầm! Một tiếng nổ thật lớn. Tai tôi kêu re re. Tôi nằm xuống ngay tại chỗ, phản ứng tự nhiên, những người phía trước cũng nằm. «Đâu đó? Nổ ai đó?» Sau đại đội hỏi om sòm, tôi nhóm lên nhìn, thấy nổ sau lưng. Bụi với khói đen. Khói lên khá cao. Cỡ này thì không phải lôi đập hay lựu đạn xoàng. Tiểu đội trước ngồi dậy cả, hỏi «Sao không? Ai vậy?» Sau tôi còn bốn người nữa. Không nói nhưng tôi thắng thốt, nghĩ nhanh là chắc người của trung đội mình đã lãnh đủ, vì nổ lớn, chát tai, cận quá. Hình như chân tôi run lắm. Thường thì vẫn bị nổ đằng đầu. Chỉ sơ ý, xui một chút, bàn chân đi lệch một tác hai tác, là có một sự thay đổi, là làm khác một cuộc đời. Những anh đi đầu là những người phải làm trò, vùa cợt,

bắt tay bắt chân những con sư tử mới bắt trên rừng về, chưa được thầy xiếc huấn luyện ngày nào. Chơi với trò này dĩ nhiên không phải là chuyện đùa. Biết vậy nhưng bọn tôi cũng phải chơi đều đặn. Các nhân viên trong ban xiếc của tôi làm việc tận tâm, tôi thương họ quá. Thù lao kém, sống thấp thỏm nhưng họ nhiều khi tỏ ra rất vô tư, vô tâm, và vui.

Người chết thuộc một trung đội bạn. Lỗ mũi rộng như một cái miệng giêng. Cái xác nằm gọn trong lòng lỗ, thật lạ. May không ai bị thương nữa. Một bàn chân bay xa rớt đập vào ống quyển ông đại úy. Y tá lên, ẵm xác, dòm mãi vẫn không nhận ra người nào, đồ đạc rách, hai chân tiêu hết, cận háng. "Mức mũi nước lên rửa mặt nó coi, thằng nào đây không biết, thật khờ."

\* \* \*

Qua máy chúng tôi nghe nói trực thăng sắp tới rồi đó, chuẩn bị. Trời đen in, nhiều chòm sao hiện rõ, và cũng nhiều mây. Tôi nói với người đứng cạnh: "Đêm nay mình có nhà chui vào tán dóc đó, anh cá với tôi không." Anh này nhai cơm khô, chèm chẹp như bà già nhai trầu: "Nhà cửa thừa quá, chưa chắc đâu." Tối rồi, nếu lỡ gặp chỗ không nhà thì làm sao nấu nướng đây, thịt cá sinh mất. Đồ ăn mang còng lưng mà bụng đói xẹp thì lãng quá.

Máy bay đến, ba chiếc. Hai chiếc yểm trợ không bật đèn bay trên cao. Chiếc chở thương sà sát ngọn dừa. Toán giữ an ninh gần cầm đèn pin

đứng hình tam giác, quay mặt đèn lên trời làm hiệu. Chiếc trực thăng chúi xuống, pha đèn sáng rõ. Đám khiêng xác cúi đầu tránh gió. Hai chiếc hộ tống quay lại, chúc xuống, lượn sạt sạt chung quanh. Chỉ một thoáng nhanh đã xong xuôi, ba chiếc cùng cất lên bay, vút.

"Rồi, cũng là khờ. Thế là mày chẳng còn phải lo nghĩ gì nữa: lạnh, nắng, no đói, khổ cực, vui mừng. Hết luôn các đêm chong mắt, các ngày làm lụi trong mương rạch bụi bờ." — "Mày", là người vừa bị anh em thấy lên máy bay, như một khúc gỗ, một bọc đồ.

Đến chỗ đóng quân. Trung đội tôi nằm theo mé kinh, chiếm được một căn nhà nhỏ. Kinh rộng năm sáu thước, nước chảy vừa. Bờ bên kia trống, trước có lẽ có nhiều nhà, giờ còn mấy cây dừa cao khổng và hàng chuối đại. Các tiểu đội đào hầm, nấu cơm. Tôi treo võng giữa hai gốc dừa ngay sau chỗ đặt khẩu đại liên. Chỗ ngủ này tốt, lý tưởng: tàn dừa che sương, đất cứng không bụi bặm, lại thêm giữa tôi và ổ đại liên có một mô đất thấp, hình như cái mả hay cái gò mối. Mô này tránh đạn được lắm. Bà chủ nhà lẳng xăng ôm củi xách nước giúp "các cậu" nấu ăn. Suốt miền rộng này, hai ba tỉnh, dân chúng quen gọi chúng tôi là cậu. Một ông già nói: "Nhà tôi đơn chiếc, thằng nhỏ đi lính như các cậu bên Ba-xuyên, vườn tược đó mà mình đâu dám vô. Chỉ có tôi làm được chút ít thì làm sao no đủ được cậu ơi." Chị đàn bà có ba đứa con



thì thưa : « Anh nhà tôi bị bắt lên tỉnh từ Tết Chi giữ mấy đũa này thôi cũng khờ. Tôi ráng rúc bốn tháng nuôi được cặp gà đó cậu ơi... » khi người lính cười kháy : « Tụi tui cho chị tiền mà, đừng lo... » thì thằng con lớn chị ta, chừng 10 tuổi, vọt miệng thưa : « Cậu cho con xin, tháng sau tới giỗ ba con ... nhà có ba con gà bửa hôm đương không ngã chết mất một con, cậu... » Người lính trừng mắt : « Ông già mày mới ở tù trên tỉnh cách đây ba phút, sao bây giờ đã chết ngay vậy mày. Tao muốn biểu diễn cho mày coi một thể đá hai chân quá, con ních... con ních ». Nghe lâu chúng tôi đâm ghét những người xài tiếng « cậu ».

Cơm dọn lên bàn bà chủ tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy chúng tôi có ít người quá Ba tô thịt vịt xào bầu, với nồi cơm lớn, tám người chưa chắc đã ăn hết, mà tốp này chỉ bốn đũa. Bà già nói : « các cậu ăn uống sướng dữ. Như vậy mới đủ sức đánh há. » « Ngoại chưa thấy bọn con ăn chay mà. Có lúc kẹt con đã ăn muối trắng bốn năm bữa, rỗng là cơm khô với muối trắng, thêm một giọt mắm hết sức. » Tôi được biết dân ở đây mỗi tháng đi chợ một hai lần, mua đồ về cất kỹ dùng tiện tặn. Đường xa đi tốn xăng và tốn thì giờ. Còn thêm, nhiều khúc sông không được an ninh, gặp buổi xui có thể bị du kích, hay máy bay, bắn.

Chúng tôi được đồ xuống cù lao này xế hôm qua. Cù lao dài hơn 10 cây số, chỗ rộng nhất gần 5 cây, nằm giữa hai con sông lớn. Trên máy bay nhìn xuống, tôi để ý những cái nhiều của cù lao, là rất nhiều màu xanh, nhiều dừa, và nhiều những

mương rãnh dài độ ba mươi thước. Chắc đây là các rãnh đào, thả rau, nuôi cá, chứa nước. Trên bản đồ đảo có ba xóm, nhà cửa khá dày. Nhưng nay đâu đã chắc còn được một xóm...

\* \* \*

Tôi khép cửa, ở nán trong nhà chơi vợ vằn. Ông già lại lật tô rót nước mời. Những lúc thế này tôi cũng thích uống chút trà, nhưng tôi góm mấy cái tô, tô nào cũng dày bợn vàng, cũng cũ và quá xấu. Tôi kéo học bàn, toàn các ve thuốc rỗng, cước nhợ vá lưới, chẳng có báo, sách giấy gì coi đỡ buồn. Ông già nói hồi Tết Trung nguyên có bộ đội tới nghỉ đây hai hôm, « bộ đội » ăn mặc như chúng tôi, mà đông hơn. Gặp ngày « xe bay » tiếp thức ăn nên họ cho nhà ông mấy hộp thịt, gạo mới, vợ chồng mừng muốn chết. Tôi tiếc không còn tiền cho ông già một ít, một trăm, hai trăm. Thật ra số người đáng thương tôi đã gặp quá nhiều, nếu cho tiền họ thì phải có vài chục triệu mới vừa. Nhiều người đáng thương, nhiều hoàn cảnh quá bi đát. Chúng tôi quen sống khổ cực nhưng nhiều nơi chỉ đến ở vài ngày thấy đã ngán — đồng khô như sân bay, nước uống không đủ, bom đạn của hai bên nằm ngay sau hè, và sẵn sàng rót xuống ngay mái nhà — vậy mà họ bám cứng lấy, sống được đã nhiều năm qua. Nếu có phép thần trong tay tôi sẽ đưa họ về ở sát thành phố, biểu cho mỗi gia đình một cái nhà, gạo thóc đàng hoàng, để họ biết thế nào là sống một đời bình thường yên vui.

Hôm kia vào giờ này mình còn ăn cơm quán, tôi trực nghỉ lại. Cô sáu chủ quán nói: «kỳ này chú chạy chọt hay sao mà được nghỉ lâu quá vậy?» Tôi giả đồ buồn: «rầu quá bà sáu, tôi đâu muốn nghỉ dữ thế này. Nếu nghỉ thêm 3 bữa nữa tôi chắc phải tới xin ở nhờ đằng trại tạm cư, và ghi tên ăn chực bên quán cơm xã hội.» Cô sáu cười bảo đừng lo, sao mà ám đạm quá vậy, nếu không lười thì tôi chịu khó đi xa một chút, tới đây, cứ ăn lún, bồ cả mà, tiền nong tính sau. Quán này là quán tài tử, khách phần đông đều là người quen mặt. Tấm bảng nhỏ kẻ chữ xanh «bán cơm» mắc trước rào không biển ngôi nhà đẹp thành cái quán hỗn tạp. Nhưng ông công chức, tự chức, lính sang, ăn mặc chải chuốt, bước vô phòng ăn như vô nhà thờ. Họ từ từ cất mũ, nhẹ nhàng nhắc ghế ngồi xuống, thông thả rót nước uống, ăn nhẹ tay ít khua chén, nói chuyện thì nói nhỏ đủ nghe. Bữa ăn giá hơn tô phở nhỏ có chục đồng mà phòng ăn, chén bát đẹp và sang, làm toán khách đâm ra dụi dàng... Mới đó... Giờ mình ngồi đây, hai nơi chẳng xa nhau mấy nhưng hai cảnh đời thì như đen với trắng.

Ông già nói: «nếu thầy thích ăn ngọt ấy khoai lang luộc ăn. Ở đây khoai củ nhiều chớ bánh trái thì lâu lâu mới có.» Các hàng dứa cao khỏi đầu một chút trái xây oằn... Các luống đất, rãnh, ao đào nửa chừng thật dài, sâu trên ba thước, cho chúng tôi biết còn nhiều trai trẻ lần trốn quanh đây. Đống khoai dưới bếp cao bằng đồng lúa bảy mươi thùng, củ mập, da đỏ sậm. Tôi

nghĩ khoai này không phải tất cả là của ông già.

— Có thuốc gì em cho qua một ít, qua bị ngứa, lâu rồi, gãi sần da, uống rễ lá nhiều mà không bớt!

Ông vén áo tôi coi. Cái lưng bị lở nhiều mảng, có chỗ gãi nhiều thành trầy trụa, như có mủ. Tôi muốn nhờ nước miếng. Hôm trước ghé thăm nhà ba mẹ con đều bị ghẻ ngứa, tôi ghê bỏ cơm cả ngày. Chị đàn bà, người mẹ, còn quá trẻ, không ngần ngại cởi áo, xắn quần tới đùi cho chúng tôi ngắm. Không chỗ nào con ghẻ tha, sum suê nhất là các kẽ tay, chân. Chúng đóng từng chùm, đỏ, trắng, mọng nước như những gié lúa tốt. Mặt chị, chỉ chừa hai gò má. Tay chị, chỉ chừa hai khoanh nhỏ giữa lưng bàn tay. Như không ai thấy là da chị ta cũng khá trắng. Hai đừa nhỏ quá sức ốm, không mặc quần, đứng trước mặt đám người lạ hùm hồ, cũng chẳng quên gãi soàn soạt. Tôi không hiểu vì sao người ta lại có được một thân hình dữ như thế. Làm sao ba cây ghẻ kia có thể ngủ được, và sống đến hôm nay. Tôi vội dạy chị ta điều tôi biết từ lúc nhỏ: thường tắm, giặt quần áo. Quần áo chị nên giặt bằng nước sôi... Kiềm bệnh này chỉ có nhà thương nào rộng, mát mẻ, may ra mới chữa mau khỏi! Thấy chị chắc chắn các ông bác sĩ sẽ gạt những người gãy xương, gãy tay chân qua một bên để trị cho chị. Anh y tá bảo tắm liền hai đừa nhỏ, tiêm người mẹ hai mũi. Chị ta vui, cảm ơn liền miệng. Anh y tá nói: «Chồng chị thấy thế này chắc bỏ chạy thẳng vô rừng, sống với cọp còn ít sợ hơn.» Chị đàn bà gạt: «Ờ, thiệt đó chớ!» Chị nói

trong túi không có một mảnh giấy tờ gì ráo nên chị ít khi dám ra chợ. “Đâu dám ra ngoài đó đi nhà thương. Nghe nói nhà thương công mấy ông Mỹ hay lắm bá anh?” Mới trên 20, áo vá víu, tóc không chải không kẹp, chân đi đất, nói năng ngờ nghệch, con cái lớn — tôi đứng nhìn cái hiện tượng lạ này mãi, chị ta có vẻ một người ở một nơi nào vắng vẻ xa xôi ghê lắm, mới đến đây...

Tôi hứa mai sáng sẽ xin thuốc cho ông già, trị đỡ thôi. Chớ bệnh ông thì phải trị đầy đủ, vài tháng mới mong lành. Ông già buồn: “Chắc qua chết bệnh qua còn lây sang cỏ cây.”

— Bác bệnh làm sao bác làm lưng trồng tía được nhiều quá vậy. Khoai kia có người làm giúp bác, phải không.

— Đâu nà, qua làm cả đó.

Ông vội chối. Nhưng một đời sau ông nói thật, trước có nhờ một anh trẻ giúp sức. Anh này trốn lính, về đây nằm nhà với vợ. Nay anh ta đã cầm súng trở lại, cho bên kia. Sợ súng đạn, xa nhà, cực khổ, rồi cũng cứ vướng vào cực khổ, lửa bom. Ban sáng tiểu đoàn cũng bắn được một người trốn lính. Anh ta khóc như thềm khóc lâu đời. Cù lao này ít bị ruồng xét. Bên kia cho phép anh được rảnh tay, không mang súng, để làm ăn nuôi bầy đứa con. Họ giao anh công tác nhẹ: Đi gài mìn, lựu đạn, trên các đường cấm, vườn cấm trong xóm anh, và viết khẩu hiệu. “Quý thầy ơi, bầy con của tôi...” Anh ta kêu mỗi lần cúi nhìn cái chân vừa bị đạn, gãy nát như một cán chồi đập. Thấy chán, hạ anh ta chỉ hốt được rồ lựu đạn nội hóa.

Máy truyền tin sau bộ chỉ huy kêu lên te tích. Ai đó nói chuyện cười hơi lớn. Bỗng nghe có tiếng

máy nổ. Một chiếc xuồng máy chạy vào. Tiếng máy nghe to hơn ban ngày. Người gác chạy vô ghé miệng ở cửa:

— Xuồng máy, chắc nhiều người thiếu úy.

— Chận lại Cần thận nghe.

— Láng cháng thì bắn?

Tôi ừ. Nhưng anh ta quay ra mới mấy bước đã nghe hô: “dừng lại!” tiếng hô chát, như tiếng người la lúc mới ngủ. Vọng gác gác phải đã làm trước. Xuồng vẫn chạy. “Dừng lại... vô đây!” tiếp theo là bốn phát súng, bắn xuống nước. Máy tắt đột ngột, rồi im.

— Bắn xuống, bắn nó... lẹ lên. Đại liên đầu!

La vang rần, chân chạy rập rập, náo lên, chắc bọn nó đã nhảy lặn mất tiêu rồi.

— Chơi xuống nước quanh cái xuồng, đại liên... mau lên, lặn mất... trời đất ơi.

Súng lớn bắn lia ùm ùm. Súng nhỏ, phóng lựu, rồi đèn sáng. Tôi thối đèn. Vợ chồng ông già quần quít không biết nép vào đâu. Tôi ra ngồi trên miệng hầm. Người gác đứng nép bên gốc dừa ngó ra rạch. Hai chiếc xuồng nhỏ hăm hở nhào ra giữa rạch, móc dây kéo xuồng lạ vào. “Bao gì đây, gạo... a, dừa! Súng, một cây súng, ha!” Trong bờ hỏi nhặng: “súng hả. gì đó... gì?...” Một trái sáng vọt lên, ánh sáng bùng ra vàng ệch. Những người ngoài xuồng múa máy. Nước rạch chảy chậm. Nếu có máy ảnh chụp, người ta sẽ được một ảnh phong cảnh, đẹp, kỳ dị.

# Buồn loãng trên đồi

Thơ NGUYỄN-ĐỨC-NHÂN

tặng những người bạn tôi  
ở Điện Bàn

Lang thang trên đồi vắng  
Bước chân dẫm chiều tà  
Tóc râu nhiều cay đắng  
Hồn rộng mây bay qua

Trên sông nước lấp lánh  
Nhìn cỏ cây thấm lòng  
Ở mùa này cau trổ  
Đầu ngô ai còn trông !

\*\*\*

Ngày xưa ra khỏi làng  
Gió thổi hai bờ cao  
Vịn vai cầu mẹ dặn :  
Đời còn nhiều lao đao

Ra đi nhớ giữ gìn  
Lòng mẹ gửi theo con  
Vườn rau đủ nuôi sống  
Đừng buồn chi héo hon

Vào Sài Gòn — Phan Thiết  
Bảo Lộc rồi Long An  
Mỗi tuần thư một cái  
Tin mẹ như mây tan

Trải qua sáu năm lẻ  
Năm ngoái còn về thăm  
Ngó lên hàng tre úa  
Đường vào nay cỏ đan

Hỏi người ta mới biết  
Mẹ đi vô đất trời  
Mệnh mông chuông chùa đổ  
Sỏi đá buồn, mẹ ơi !

Đất rộng chân đi hoai  
Tay trắng đầy heo may  
Đói cơm chùa, cơm bạn  
Láy lắt như người say  
Lang thang bên đồi vắng  
Núi xanh xanh đổi màu  
Thời gian bạc thân áo  
Bao la biết về đâu !

Báo 15-12-1970

## Lời cảm ơn bạn bè

Thơ LÊ-VĂN-TRUNG

Thay Nhân cảm ơn bạn bè

Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới  
Uống chút rượu mừng trong ngày cưới ta  
Dù lũ mây về từ rừng cao núi thẳm  
Dù đưa quà chân, dù đưa mù lòa  
Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới  
Dù một giây một phút lại ra đi  
Dù áo hành quân còn đầy vết bụi  
Dù nắng mưa còn rát mặt rát mây  
Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới  
Tới từ Khe Sanh A Lưới Dakto  
Đề cho ta vui trong ngày đám cưới  
Rồi lũ mây đi không lời hẹn hò  
Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới  
Đã chúc mừng hoan hỉ, đã say sưa  
Đã bắt tay ta, đã cười đã nói  
Rồi lũ mây đi cũng rất tình cờ  
Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới  
Đã uống cùng ta một chén rượu mừng  
Dù xa xôi, dù đò sông cách trở  
Lũ mây đã về, đã nhớ về đông  
Xin cảm ơn bạn bè ta lần nữa  
Đưa trên đồi cao, đưa dưới chân đèo  
Có đưa nào ngày mai làm đám cưới  
Không biết bạn bè còn được bao nhiêu ?

(Bên trời cổ xé)

# NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Giám đốc sáng lập : NHẤT-HẠNH

Lô O số 121 Chung cư Minh-Mạng

Saigon 10



## LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG

của LÊ-TÔN-NGHIÊM

*Lịch-sử triết-học Tây phương là một cố gắng suy tư lâu dài. Ngày nay, dưới mắt chúng ta, lịch sử ấy đã trở thành một vở kịch diễn xuất trên dưới 2.000 năm. Căn cứ vào khoảng thời gian dài ấy người Tây-Phương đã có quyền kiêu hãnh, nhưng đáng kiêu hãnh hơn nữa là trong lịch-sử ấy đã thấy xuất hiện những sáng tác tuyệt vời của những thiên tài xuất chúng như Héraclite, Parménide, Socrate, Platon, Aristote, Kant, Hegel, Schopenhauer, Nietzsche, Husserl, Heidegger v.v.*

*Nhờ họ, một căn bản tư tưởng mạch lạc và sáng sủa đã được hoạch định để giúp con người suy tư về vũ trụ, về chính mình và về những gì siêu việt. Tuy nhiên, trong dòng lịch sử ấy chúng ta cũng sẽ chứng kiến những sức mạnh xung đột nhau, những cuộc tranh luận triền miên và những vấn đề xem ra không giải quyết được...*

*Bộ Lịch-Sử Triết-Học Tây Phương của LÊ-TÔN-NGHIÊM đã và sẽ nói lên được tất cả những khía cạnh phức tạp ấy.*

---

Nhà sách «bỏ túi» (tại nhà xuất bản Lá-Bối) mở cửa vào đầu tháng 3-1971, bán sách của các nhà xuất-bản: An-Tiêm, Ca Dao, Cảo Thơm, Hồng-Hà, Nguyễn Hiến-Lê, Thanh-Tân, Thái Độ, Trình Bầy, Tu-Thư Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh, Lá Bối, Lửa Thiêng, Phong Phú v.v...

# TẠI ƯƠNG

Chuyện xảy ra tại thị xã X. . một thị trấn thuộc miền duyên hải Trung phần. Theo với đà phát triển của cuộc chiến tranh, từ một nếp sinh hoạt bình thường nó đã trở nên sầm uất trong một thời gian kỷ lục, từ khi quân đội Đồng minh tràn đến. Có thể nói bộ mặt thành phố đã được thay đổi toàn diện và người ta thấy những dịch vụ do chiến tranh đẻ ra đã tham dự vào trong tất cả nếp sinh hoạt thường nhật của dân chúng. Tuy nhiên, sự tiến bộ nào cũng cần phải có thời gian chuẩn bị, khởi đầu từ một nền tảng vững chắc thì mới có được sự điều hòa bền vững. Ở đây sự tiến bộ đã như được thổi lên một cách hối hả, vì thế mọi sự đã trở nên mất quân bình một cách tai hại. Chẳng khác những chiếc bong bóng sặc sỡ căng tròn mỏng manh, sẵn sàng nổ tung ra. Nhưng khi nói tiến bộ, từ ngữ đó bao hàm một ý nghĩa tốt. Đúng hơn, phải gọi nếp sinh hoạt sầm uất đột khởi đó là sự tiến triển, và người ta nghĩ, có thể là sự tiến triển của một bệnh tật, một ung nhọt trên thân thể phù thũng.

Tôi đến thị trấn đó vào buổi trưa hạ, bằng chuyến máy bay đi nhờ của quân đội Mỹ. Máy bay đáp xuống một phi trường quân sự. Lần đầu tiên, dưới ánh nắng lửa hừng hực làm bốc hơi nhựa đen ngọt ngào quyện đặc trong không khí, tôi được mục kích thế nào

là sự rộng lớn của guồng máy chiến tranh mà phi trường quân sự mệnh mông này đủ cho tôi hình ảnh một phần nhỏ, của guồng máy đó. Có lẽ theo nhu cầu cuộc chiến gia tăng, phi trường này đã được nói rộng. Tôi thấy các chiến đấu cơ đủ loại nằm từng hàng dài trong những ụ cát lớn — để tránh pháo kích — đã gắn bom dưới thân, túc trực sẵn sàng cất cánh. Các loại trực thăng lớn, nhỏ, đậu san sát như một bày chuồn chuồn không lồ kinh dị. Tiếng động cơ phản lực lên xuống nổ đình tai nhức óc. Hoạt động chung quanh tôi thật là rộn rịp. Tôi bị ngợp, một cảm giác khó ở dâng lên trong thân thể làm tôi quáng mắt và buồn nôn. Tôi cảm thấy bị lạc lõng trong một khung cảnh đối với tôi, hầu như xa lạ, đầy áp thứ không khí nặng nề của những máy móc và tiếng động. Những người ngoại quốc trong đồng phục quân sự đang bận rộn với công việc, đến nỗi tôi thấy hình như họ chỉ biết có công việc trước mắt mà thôi, chẳng ai chú ý đến tình trạng lạc lõng của tôi cả. Tôi tưởng như tôi đang ở một nơi không phải trên đất nước của mình.

Trong khi tôi đang lo lắng không biết phải hỏi thăm ai để biết đường ra khỏi phi trường thì một chiếc xe jeep, do một đại-úy người Việt lái, chạy đến. Tôi định giơ tay ra hiệu dừng xe lại nhưng ông ta không nhìn về phía tôi và chiếc xe chạy qua khỏi chỗ tôi đứng, biến mất sau những căn nhà hầm tiền-chế. Tôi

đợi một lúc, xe trở ra, trên xe có thêm người đàn bà. Tôi chặn lại xin quá giang và được ông ta vui vẻ nhận lời.

Ông đại úy có vẻ là một người trí thức, dáng cao dong dỏng, gầy, gương mặt hơi khác khổ. Tuy vậy ông tỏ ra cởi mở. Ông hỏi chuyện tôi và bày tỏ những ý kiến một cách tự nhiên.

Người đàn bà hơi đầy đà, trắng trẻo dễ nhìn, với mái tóc uốn ngắn, cao, để lộ khoảng gáy no tròn, chiếc áo dài cổ hở rộng, in hoa màu sắc sỡ. Bà ta dùng một loại nước hoa, hương tỏa rất nồng. Lối trang điểm của bà giống các cô đào đóng phim, nhưng chưa được thành thạo. Nét vẽ lông mày, mắt và son môi còn vụng về. Tuy nhiên cách trang điểm và y phục theo lối mới của bà không che dấu hết được cái vẻ chất phác, hơi cục mịch, thường thấy ở những người đàn bà bình dân Việt-nam. Gương mặt trát phấn và đôi mắt kẻ viền đen làm ra vẻ ranh mãnh, nhưng trông có vẻ ngây ngô. Hai bàn tay thô, các móng để dài, chuốt, nhọn bôi sơn đỏ. Vẻ chất phác chắc chắn là một nét duyên dáng ngây thơ đặc biệt, rất đáng quý của những người đàn bà Việt nam, quanh năm không ra khỏi lũy tre làng, thắt lưng buộc bụng, săn sóc chồng con. Nhưng cái vẻ mộc mạc đó phải đi đôi với cánh áo bà ba nâu, hay chiếc áo dài đen bạc màu. Ở người đàn bà này, vẻ quê mùa lại được phủ lên những sắc màu lộng lẫy. Sự tương phản đó khiến cho tôi có một cảm giác ngượng ngập khó chịu và một chút lòng thương hại. Nhưng bà ta vui tính và tỏ ra rất tử tế,

lịch sự với tôi. Bà đang có mang khoảng bảy hay tám tháng.

Sau khi biết tôi làm nghề dạy học, vừa tốt nghiệp trường Sư phạm, thì hai người còn tỏ ra ân cần niềm nở hơn. Ông đã không e dè tâm sự với tôi như một người quen biết đã lâu.

Trong khi ông nói chuyện, người đàn bà lắng tai theo dõi và trong gương chiếu hậu, tôi thấy bà luôn luôn mỉm cười, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn ông đại úy rồi liếc qua tôi trong gương.

Theo lời ông kể, tôi được biết ông làm ở Bộ Tham mưu một Quân đoàn. Trước kia ông cũng là nhà giáo và bị động viên.

— Lâu quá rồi, ông nói, lắm khi tôi quên hẳn mình trước kia cũng là một nhà giáo. Ông nhìn xuống bộ đồ kaki đang mặc. Mà chính tôi cũng muốn như vậy nữa. Giọng ông có vẻ hơi luyến tiếc. Ông cho biết, trước kia khi chọn nghề dạy học, ông mang bao nhiêu hoài bão cao quý của nghề đó. Lòng tự hứa là sẽ tận tâm đem cái đạo lý thánh hiền truyền giảng cho lớp trẻ hậu sinh. Nhưng rồi hoàn cảnh đã đưa đẩy cuộc đời ông hướng về một ngõ khác.

— Anh có thấy điều khôi hài giữa hai lãnh vực xa cách nhau như hai thái cực đó không? Ông quay sang hỏi tôi và không để tôi kịp đưa ý kiến, ông đã nói tiếp:

— Sự khác biệt đó lớn lao như giữa sự cố công khổ hạnh và sự lười biếng lêu lổng. Giữa đời sống đạo đức và vô hạnh. Quân đội là một trường học rộng lớn, anh có nghe nói thế bao giờ,



chưa ? Tôi trở lại làm cậu học trò ngọc  
nghech trong tập — thể mới đó và có  
điều là những gì mà người ta dạy cho  
anh sẽ khiến anh cảm thấy những điều  
gọi là luân lý hay đạo đức trở thành một  
mớ lý thuyết ngây thơ. Những bậc  
thầy dày kinh nghiệm sẽ khiến anh mau  
chóng từ bỏ nó, từ bỏ những gì của  
con người để trở thành quái vật. Một  
con quái vật — ông nhắc một cánh tay lên  
khỏi tay lái làm một cử chỉ bâng quơ, có  
lẽ nó còn đáng yêu do ở cái bản năng  
hồn nhiên. — Đằng này, anh sẽ nguy hiểm  
hơn nhiều vì anh ta là một thứ quái  
vật có trí óc. Ông ta nhìn tôi dò xét,  
tiếp tục nói :

— Loài ác thú, nếu chúng không  
đói và trường hợp phải tự vệ, chắc  
chắn chúng không làm hại anh đâu. Sự  
tàn nhẫn độc ác của những con quái vật  
được đào tạo thì không có mục đích.  
Chúng giết chết những con mồi mà  
không rõ nguyên do. Một đôi khi chỉ  
là để giải trí, để được thấy máu chảy,  
thường thức sự quằn quại của một thân  
xác trong cơn đau đớn hấp hối.

— May mắn là tôi còn có thứ ngôn  
ngữ này để nói chuyện với anh. Ông  
cười, nụ cười không biểu lộ một tình  
cảm nào, mắt vẫn đăm đăm nhìn về  
khoảng đường trước mặt.

Chúng tôi dừng lại bên lề để tránh  
một đoàn công-voa của quân đội Mỹ  
chở đạn đi về hướng phi trường. Có  
đến hơn hai chục chiếc, xe dài hàng hai  
mươi thước chở đầy đạn đại bác 155  
ly, đóng chắc chắn trong những két gỗ  
thông.

Tôi nhìn những trái đạn sơn màu ô-

liu, mình thon thon rất dễ thương, có  
in hàng chữ vàng ghi rõ nơi sản xuất, mơ  
mộng có được một quyển sách ước. Ư  
nhi, nếu tôi có được quyển sách ước  
tôi sẽ ước tất cả những quả đạn kia  
biến thành những ổ bánh mì. Trị giá  
một quả đạn bằng hàng hai ngàn ổ bánh  
mì. Như vậy với cả mấy vạn trái đạn  
kia sẽ thành ra một núi bánh mì vĩ đại.  
Tôi đem phân phát cho những đứa trẻ  
đang chúi mũi vào những đồng rác bãi  
thời, cao ngất, tìm kiếm chút thức ăn  
dư thừa, những đồng bào tôi đang chết  
đói trong những trại lánh cư, tạm cư,  
vì chiến tranh đã tàn phá ruộng vườn  
nhà cửa họ.

Đoàn công-voa đã qua hết, bụi mù  
vàng còn un lên như sương đục.

— Tưởng là chỉ đi vài năm quân dịch  
rồi về — ông lại tiếp tục câu chuyện, —  
nào ngờ thăm thoát đã hơn mười năm  
rồi. Mười năm đáng giá nhất của một  
đời người. Năm nay anh bao nhiêu  
tuổi ? Ông hỏi, nhìn vào mắt tôi. Tôi  
trả lời. Ông nói tiếp :

— Đạo ấy tôi cũng như anh bây giờ,  
mộng tuổi trẻ còn xanh ngát, nuôi mộng  
lấp biển vá trời, bây giờ... Ông bỏ  
lửng câu nói. Hai tiếng cuối cùng ông  
thốt ra với giọng cảm khái như một  
lời than. Ông đưa ra hình ảnh một  
con đường lót đầy gai nhọn, dĩ nhiên  
ông không chọn, nhưng đã bị xô bắt  
phải đi qua, và với những bước chân  
đẫm máu ngập ngừng ông đã bước đi  
quá nửa rồi, ông không còn can đảm  
quay trở lại nữa dù ông biết là có con  
đường khác lót thảm nhung đi chẳng  
nữa.

— Con đường nào rồi cũng dẫn đến

một cái hồ, ông nhả nạt nói tiếp, thôi thì ráng đi cho hết, chẳng còn bao lâu nữa.

Tôi im lặng nghe ông nói, ngạc nhiên không hiểu cuộc sống trong quân ngũ thế nào, đến đời một người đàn ông chưa ngoài bốn mươi tuổi đó có những tư tưởng bi quan như vậy.

— Tôi quên chưa giới thiệu với anh, đây là bà nhà tôi. Ông nhìn qua người đàn bà, ánh mắt thoáng có vẻ ái ngại. Người vợ nhìn tôi, cười nhẹ, dáng điệu lúng túng.

— Bà ấy đi làm thêm trong PX ở phi trường, ông nói tiếp. Anh biết, những giai tầng trong xã hội chúng ta giờ đã thay vị đổi ngôi rồi. Chúng ta trở thành một giai cấp nô lệ mới cho những chủ nhân ông gặp thời... Bọn đó đang làm cho đời sống chúng ta trở nên sống dở, chết dở. Chờ một ngày gió lớn thì lâu quá, bụng đói thì đầu gối phải bò, phải lết cái đã.

Giọng ông vừa phân bua mà lại vừa mai mỉa. Tôi có cảm tưởng như ông đang tự chế diễu cái tình thế bất lực của chính mình. Im lặng một lúc, ông tiếp:

— Tôi phải để bà nhà tôi đi làm thêm mới đủ tiền nuôi lũ nhỏ. Cả đại dương đã bị quậy thành bùn rồi, một mình mình đâu có sức mà lặn cho trong lại được. Phải không anh?

Ông ngừng nói, hình như ông muốn được biết ý kiến của tôi về nhận xét ông mới đưa ra. Tôi giữ im lặng. Tôi biết phải trả lời ông thế nào đây?

Thật tình tôi không đồng ý, mặc dù tôi biết điều ông nói là hết sức thực tế. Tôi là một người không thực tế, rời sinh ra tôi như vậy biết làm sao.

Tôi là hạng người muốn biến những ước vọng tốt lành thành sự thực. Ví dụ địa cầu này có biến thành một đồng rác thì tôi cũng cố đào hố mà lấp dần đi.

— Từng cốc một, tôi sẽ lọc đại dương bùn ra thành nước trong. Tôi muốn trả lời ông như vậy, nhưng tôi thấy chưa phải lúc. Và tôi xấu hổ thở dài để bày tỏ một thái độ trung dung.

— Thời khóa biểu thường xuyên của tôi là sáng đưa vợ con đi làm, đi học. Trưa rước về, chiều lại đưa rước. Tôi ngán ngẩm cố gắng nghe ông nói. Anh đừng lấy làm lạ, nếu một tối nào đó anh bắt gặp tôi thay hình đổi dạng làm một anh tài xế xe Honda chở khách lẻ. Có khi người tôi chở lại là anh. Ông cười thành tiếng. Tôi và cả người đàn bà cũng cười, nhưng những giọng cười tôi nghe nhạt nhẽo, vô duyên làm sao.

Những ngày đầu chưa tìm được chỗ trọ, ông bà đã mời tôi ở lại nhà. Đó là căn nhà gạch, hai gian liền nhau, trong một cư xá sĩ quan. Gian trước làm phòng khách, gian kế phòng ngủ. Phía sau có che thêm một mái tôn làm nhà bếp. Tôi ngủ tạm trên chiếc ghế bở nhà binh ở phòng khách, đêm bày ra, ngày cất đi.

Phòng khách chưng bày những vật dụng tỏ ra là một gia đình khá giả — ít ra là giàu nổi — nhưng sự bày biện cũng giống như lối trang điểm của bà vợ. Có một cái gì lỗi điệu, ngượng ngượng khi nhìn ngắm.

Giống như trên một chiếc áo vải thô cũ đem vá lên đó những miếng gấm vụn, nạm những hạt trân châu với dụng ý làm tăng thêm giá trị cho nó.

Bốn vách tường nhem nhuộm dầu tay bẩn, trần nhà làm bằng giấy dùng mưa, dột thắm loang lổ, cong queo, rách nát. Góc tường nhện giăng. Tất cả những cái đó tỏ ra đã lâu chủ nhân ít có thì giờ để tâm săn sóc đến. Nhưng trong phòng lại chứa nhiều đồ vật đắt tiền. Một chiếc tủ lạnh to, hai cái máy vô tuyến truyền hình, một cái lớn, một cái nhỏ hơn. Một chiếc máy nghe băng nhạc với hai loa phóng thanh lớn tưng tưng. Và nào là máy chụp ảnh, máy quay phim, những chai rượu uýt-ki đủ hiệu bày trong tủ kính đóng một lớp bụi mỏng. Với ngần ấy thứ trong một căn phòng rộng bốn thước sáu thước, đã bị choán bởi một bộ sa lông, tôi thấy giống một gian hàng hơn là một phòng khách. Tôi có một cảm giác bàng hoàng, thoáng chút nghi ngờ, khó mô tả, khi nhớ lại những lời lẽ yếm thế mà ông đại-úy đã tâm sự với tôi với giọng khá chân thành.

Những đứa con của hai ông bà rất dễ thương và thông minh. Hai đứa con gái, đứa lớn chín tuổi, đứa nhỏ bảy tuổi, đã đi học. Ba đứa con trai tiếp theo với số tuổi chênh lệch mỗi năm. Đứa con gái đầu học lớp nhì, mặt mũi sáng sủa, đẹp tỏ lộ, vui nhí nhảnh. Đứa kẻ học lớp ba vẻ đẹp ẩn kín, có duyên thắm như tâm tính dịu dàng thùy mị của nó. Hai ông bà hầu như đi vắng suốt ngày, đến hai bữa cơm cũng không có mặt đầy đủ. Buổi tối về muộn, mệt mỏi và chỉ còn đi nghỉ. Lũ trẻ thiếu hẳn sự chăm sóc, tình thương yêu của cha mẹ. Cả ngày, ngoài những giờ tới trường, chúng chơi thơ thẩn, không người hướng dẫn, dạy dỗ.

Tôi ở lại đó một tuần lễ. Lũ trẻ rất mến tôi, chúng coi tôi như một người bạn mới, quần quít trò chuyện, đùa nghịch thích thú. Khi tôi đi chúng bịn rịn, rơm rớm nước mắt khiến tôi cảm động. Đứa con gái lớn mặt phụng phiu, mắt đỏ hoe, nước mắt long lanh cứ giữ chặt lấy tay tôi không cho đi. Cách biểu lộ tình cảm của tuổi thơ thật hồn nhiên đáng yêu.

— Chú tới thăm tụi cháu hoài nghe — Nó nói — Cháu nhớ chú lắm à. Tôi hôn mỗi đứa và hứa sẽ trở lại thăm chúng thường xuyên, cô bé mới chịu buông tay.

Hai ông bà cũng tỏ ra quyến luyến :

— Khi nào rảnh, chú lại chơi với chúng tôi. Ông bắt tay và thân mật quàng vai tôi nói. Tôi cũng cảm thấy buồn, không phải như tình cảm của những đứa trẻ, đúng hơn là một nỗi thương cảm, âu lo mơ hồ tôi chưa xác quyết được rõ nguyên nhân.

Chỗ tôi mới đến ở là một căn gác nhỏ, trước kia bà cụ chủ nhà cất thêm cho hai vợ chồng người con trai ở. Bây giờ anh đã đi lính, người con dâu về ở với mẹ chồng nên bà chủ cho tôi thuê, để « có đồng vào », bà nói với tôi như vậy.

Căn gác cắt sát vách ngôi nhà chính, bằng những « vật liệu thời đại ». Vách đóng bằng ván thùng két của quân đội Mỹ thải ra, cột thì bằng vỏ ống đựng thuốc bồi súng đại bác hàn nối lại, hay vỏ đựng đạn rốc két, vàng óng, láng như nhưng thân tre mớ không đốt, ghép sát lại với nhau.

Xóm đó mới lập nên gần đây, do những người dân từ các vùng quê lánh

nan chiến tranh chạy lên chiếm cứ, nằm ngay bên cạnh một vịnh biển cạn.

Đêm đêm tôi ngủ trong tiếng sóng vỗ ì ầm và có thể nhìn thấy những chiếc tàu chiến neo ngoài khơi. Đèn đuốc sáng rực như những thành phố nổi nhỏ nhỏ. Đầu hôm đến nửa đêm, tiếng nhạc rậm rật, điên cuồng phát ra từ những quán giải khát quanh vùng vắng đến, ở đó, khách chơi đêm, hầu hết là những quân nhân ngoại quốc, Mỹ, Đại Hàn, dân áp phe, họ đến uống rượu và vui đùa giải khuây với những cô gái Việt Nam làm nghề chiêu đãi viên trá hình. Đêm khuya họ ra về, người ta nghe giọng ngoại quốc lè nhè những câu bông đùa tục tĩu, lời hứa hẹn đưa đẩy trần tráo của các cô gái lẫn trong những tràng cười to hô hố, tiếng rú xe hơi hã, đôi khi là một trận ẩu đả có súng nổ...

Phi trường phản lực ở bên kia vịnh, cách chỗ tôi ở không xa. Máy bay ngày đêm lên xuống không ngừng. Thời gian đầu hầu, như tôi không chớp mắt được. Vừa thiu thiu thì đã giật nảy mình choàng dậy vì tiếng nổ chát chúa kéo dài của động cơ phản lực. Trong sự yên lặng của đêm khuya, tiếng nổ phát ra nghe như tiếng găm thét của một con vật kinh khủng làm cho đêm thanh vỡ vụn. Tiếng nổ đâm vào màng tai, đập vào lồng ngực tức rần khiến cho tâm trí tôi rối loạn.

Ban đầu tôi thấy có vẻ thật kỳ khôi, buồn cười và khó chịu về sự gián đoạn trong những cuộc nói chuyện mỗi khi có tiếng động cơ máy bay lên xuống. Đang nói người ta phải im bật. Trong khoảng thời gian ngắn đợi chờ bắt đắc dĩ, vô duyên đó người ta làm một vài

cử chỉ gì để lấp đầy, chờ cho máy bay qua khỏi mới tiếp tục nói trở lại, hoặc châm một điếu thuốc, hoặc gãi một chỗ ngứa, vuốt lại mái tóc, hay là nhìn băng quơ... Tôi, nếu trường hợp đang nói thì tôi cứ tiếp tục nói, dẫu là biết rằng người đối diện cũng như tôi đều không nghe gì cả, nói với một tâm trạng tức bực như muốn la hét để làm át cái âm thanh quái gở kia. Trái lại, tôi cúi mặt xuống chịu đựng, nhất định không làm gì trong khoảng thời gian đó cả, như một thái độ thách thức, bỗng nhiên tôi cảm thấy mình thật lỗ bịch kỳ khôi và đáng thương.

Từ cửa sổ nhỏ của căn gác tôi cũng có thể trông thấy những căn cứ quân sự, đài ra đa to lớn thiết lập trên những ngọn núi tương đối cao bao quanh vịnh biển. Đêm đêm đèn thấp sáng, sau màn sương mỏng, trông như những đám sao xa. Những chấm sáng kết vòng cong cong quanh núi, lắt lay như ánh lấp lánh của những viên kim cương nằm trên một chiếc vương miện đen to lớn.

Bà cụ chủ nhà là người Bắc di cư, đã ngoài sáu mươi tuổi. Chồng bà là phu mộ đồn điền cao su vào thời Pháp thuộc, đã chết từ khi bà còn trẻ, để lại cho bà hai người con trai. Bà cụ tâm sự:

— Tôi chẳng còn lòng dạ nào để bước đi bước nữa. Thôi ở vậy nuôi con. Tính ra đã ngoài ba mươi năm rồi đó cậu. Tôi có hai thằng con trai. Bà cụ nói giọng buồn buồn. Bà ôm đứa cháu trai vào lòng âu yếm, nhìn tôi nói:

— Thằng cả, cha thằng này, bà nhìn đứa bé, chết trận năm kia ngoài Trung rồi. Mẹ nó lãnh tiền tử tuất tử tế gì

đó ôm đi luôn, xài mấy tháng hết sạch. Nghe nói đã ra Cam-Ranh bán «ba». Bà cụ thở dài, bán ba hay làm đi Mỹ thì cũng giống nhau phải không cậu?

Tôi ái ngại không biết phải trả lời bà cụ thế nào. Việc đó bây giờ trở nên thông thường, ai cũng biết. Thành bé khoảng tám tuổi kháu khỉnh, ngơ ngác nhìn tôi.

— Còn đứa con gái nhỏ em nó nữa, bà nói tiếp, đi chơi ngoài xóm. Nuôi con rồi bây giờ nuôi cháu, cực khổ thì tôi có ngại gì, chỉ sợ nay mai xuống lỗ rồi còn ai trông nom. Con cái đời nay không khéo dạy dỗ thì thành ra du côn cao bồi, bụi đời hết. Chết cũng nhắm mắt chưa yên nữa cậu ạ. Nằm dưới mồ mà còn muốn mở ra để trông chừng chúng nó.

Đứa nhỏ rời khỏi lòng cụ chạy ra ngõ.

— Du du ô kê sa lem. Tôi nghe tiếng nó vọng vào. Có mấy người Mỹ đi ngang qua.

— Đó cậu thấy chưa? Bà cụ nói. Chừng ấy tuổi... Thành nhỏ chạy vào, mình mấy lăm lem, đưa khoe thối kệo cao su nó mới giành giật được. Bà cụ dằng lấy, giận dữ ném ra cửa sổ khiến nó tiu nghỉu, đứng tựa vào vách khóc.

— Còn thằng con thứ hai, bà cụ nói tiếp, thằng Út của tôi thì đang ở miền Tây, lính Biệt động quân. Vợ nó sắp đến ngày ở cũ, đi bán hàng ngoài chợ.

Buổi chiều tôi được gặp chị vợ anh Út, một thiếu phụ trẻ tóc búi, chưa quá hai mươi tuổi. Dáng người chị nhỏ nhắn, tay chân trắng trẻo tự nhiên, gương mặt trái soan còn giữ nét ngày thơ. Chị bán hàng suốt ngày ngoài chợ.

Trưa bà cụ gọi cháu, đem cơm ra cho chị ăn, chiều sẫm chị mới về. Chị cúi đầu chào tôi, hơi bẽn lẽn, khi bà cụ giới thiệu. Chị mỉm cười, giữ một vẻ xa cách vừa phải. Đó là một thiếu phụ chưa chịu ảnh hưởng của đời sống văn minh vật chất nông nổi, trông có vẻ nết na, an phận.

Tiếp xúc với thành phố, lần lần tôi nhận ra trong sự sầm uất nhộn nhịp có một vẻ gì thê thảm và cuộc sống cũng thật khó khăn. Trong giòng sinh hoạt cuồn cuộn, hỗn tạp, con người như những chiếc lá khô quay cuồng trong một cơn lốc dữ dằn, buông mình vào và để mặc cho cơn gió xoáy cuốn đi không cưỡng lại được. Đời sống luôn luôn bị thôi thúc, tâm trí và thân xác luôn luôn bị ràng buộc trong những mưu tính không ngớt. Ngay cả sự giải trí cũng phải giới hạn trong một giờ khắc nhất định, không lúc nào tâm trí được nghỉ ngơi thoải mái. Thời gian không được nhìn qua bóng ngả của mặt trời mà là sự xê dịch từng khoảng nhỏ của chiếc kim giây trên mặt đồng hồ.

Trong một đời sống như vậy, cuộc sống của tôi hầu như khép kín và tôi cố giữ mình ngoài cơn lốc đó một cách khó khăn. Ngoài thì giờ đến trường dạy học, tôi ít khi đi ra ngoài hay giao thiệp bạn bè. Thỉnh thoảng tôi có lại thăm vợ chồng ông đại-úy và mấy đứa nhỏ. Cả hai vợ chồng — thường chỉ có mặt ở nhà vào khoảng quá chín giờ đêm — và lũ trẻ nhỏ rất mừng rỡ.

Trước ngày sinh của cô dâu bà cụ khoảng một tuần, bà có nhờ tôi đi đánh điện tín báo tin cho người con trai,

Bà cho biết phải báo tin sớm như vậy để anh ta còn lo xin phép mà về cho kịp, vì đường xá xa xôi.

Sau đó có dịp nghỉ lễ, tôi rời thành phố khoảng hai tuần, và tôi trở lại sau một ngày người con bà cụ trở về đơn vị. Tôi được biết, đầu điện-tín đánh sớm, nhưng anh không nhận được ngay vì đang bận hành quân xa hậu-cứ tiểu đoàn. Anh không về kịp trước ngày chị ấy sinh, khi anh về thì người vợ đã thành ra người thiên cổ. Anh cũng không được đư. chị đến nơi an nghỉ cuối cùng, chỉ nhìn thấy ngôi mộ đất mới và tấm hình căn cước bán thân rọi lớn trên bàn thờ với bát hương bày vội.

Câu chuyện nổ ra trong thành phố như một vụ pháo kích hỏa tiễn về đêm làm kinh động giấc ngủ mê man của bao thân thể mệt mỏi, khiến mọi người bàng hoàng. Trong một giây lát, câu chuyện làm thức tỉnh lương tâm con người từ lâu chỉ còn thoi thóp như một ánh lửa đom đóm trong đêm tối mù mịt. Và từ trong cơn xoáy cuồng của giòng sông đầy tranh chấp hỗn tạp, họ ngoi ra để lắng nghe tiếng kêu thê thảm của lương tri đang mệt nhọc cất lên. Nhưng người ta vốn đã quen với những câu chuyện tương tự như thế, nên nỗi bàng hoàng của họ chỉ là một phản ứng thuần tình cảm, nhất thời mà thôi. Rồi họ lại buông mình vào trong cơn lốc quái ác của giòng sinh hoạt do cuộc chiến tranh mang đến, để kiếm cái sống, mặc cho có những gì ghê gớm xảy ra chung quanh họ. Mạng người trong thời buổi chiến tranh có khác gì cây cỏ hay súc vật tế thần? Cái thời hề nghe có đám ma là cả làng kéo nhau

đi xem, ngậm ngùi thương tiếc đã xa xôi mờ mịt rồi. Bây giờ sự chết đã trở nên gần gũi thân thiết như chính hơi thở, dù là chết như thế nào cũng là... nhắm mắt, nghỉ thở vĩnh viễn mà thôi. không làm cho người ta xúc động, mấy nữa, Sự chết có mặt ở khắp nơi, người ta hít thở, ăn uống, ngủ nghê, vui đùa cùng với nó, nó trở thành một người bạn thân ái bắt buộc. Phương chi cái quan niệm một người chết thì bớt đi một miếng ăn và những kẻ còn sống sót sẽ được nhận thêm phần cơm của người đó hình như trở thành một quan niệm phổ thông, và sống có nghĩa là cố mà vượt lên, thoát ra khỏi những bàn tay mạnh mẽ tàn nhẫn đang xiết cổ, và là, đồng thời đè bẹp những đồng bào yếu đuối của họ, có chủ tâm hay vì bắt buộc. Mỗi người đều tự thấy mình đã vô cùng đáng thương rồi và họ thương mình, lo cho mình chưa đủ, còn lòng dạ đâu để xót thương ai!

Khi trở lại tôi được biết, sau khi tôi đi vài hôm thì con dâu bà cụ chuyển bụng. Chị được đưa vào một nhà hộ sinh từ thiện lớn trong thị xã. Bà cụ mẹ chồng ở lại với chị một ngày một đêm nhưng chị chưa sinh. Chị lo lắng cảnh nhà đơn chiếc, không ai lo cơm nước cho hai đứa cháu nhỏ, chị bảo bà cụ về trông nom chúng.

— Thôi mẹ về nhà trông coi cháu và nhà cửa—Chị nói với mẹ chồng—Con ở đây có các cô săn sóc rồi, ngày mai mẹ vào cũng được. Đem ở đây ngủ không mừng mản, muỗi nhiều lắm.

Chiều hôm đó, một chiếc xe jeep đưa vào một người đàn bà khoảng ba mươi ngoài tuổi, ăn mặc tỏ ra người

giàu có. Trong khi chị quần quai vì cơn đau đẻ đầu tiên thì người đàn bà hình như đã trải qua nên có kinh nghiệm, bình tĩnh hơn.

Đến đêm, con dâu bà cụ và người đàn bà cùng khai hoa nở nhụy, mở tròn con vuông.

Người thiếu phụ trẻ mới con đầu lòng, lại đau bụng liên tiếp hai ngày đêm nên bị mất sức, sinh xong chị mệt thiếp đi, mãi sáng hôm sau mới tỉnh dậy.

Một buổi sáng trời thật đẹp. Nắng sớm trong trẻo dội vào khung cửa sổ làm cho căn phòng chị nằm sáng sủa hẳn lên. Chị nghe tiếng trẻ con khóc trong một chiếc nôi nhỏ đặt gần đó, tiếng khóc của đứa con chị mang nặng đẻ đau. Chị cảm thấy một niềm thương yêu dào dạt đứa con chị chưa nhìn thấy mặt, một niềm vui rộn ràng tràn ngập trong lòng. Chị muốn ngồi lên để bồng nó, ôm nó vào lòng nhưng người chị hãy còn yếu chưa dậy được. Chị nhìn quanh để tìm cô y tá. Chị âu yếm nghĩ đến chồng. Nay mai anh Út sẽ về. Chị ao ước chồng chị có mặt ngay trong giờ phút sung sướng nhất này để cùng chị chia sẻ niềm vui. Chị nghe có tiếng chân người ngoài cửa phòng nhưng không phải cô y tá. Chị không trông thấy ai cả, nhưng tiếng nói vọng vào phòng chị:

— Cô ta thức rồi? Tiếng một người đàn bà nói gần như thì thầm:

— Đâu? Một người khác hỏi. Coi cái mặt ra sao mà dám lấy... Tiếng người lúc này suýt dài và câu nói bị ngăn lại.

Hai người đàn bà lộ mặt vào phòng, nhìn chị, ánh mắt tò mò.

Nghe tiếng trẻ khóc cô y tá trực vội chạy vào.

— Bà thức rồi. Cô ta ngưng ngưng nhìn chị nói.

— Dạ. Thiếu phụ cười nhẹ, rất tươi, đáp. Cô làm ơn cho cháu bé lại với tôi.

Thoáng vẻ lưỡng lự, nhưng rồi cô y tá quả quyết bồng đứa bé được quấn tã kín đem đến đặt nằm xuống bên chị. Thiếu phụ hơi khó khăn nghiêng người lại để ôm con. Hai bầu sữa chị căng đầy. Chị sẽ cho con bú. Chị nghĩ trong sự xúc động mới mẻ chạy rần rần trong mạch máu chị, chị từ từ mở các cúc áo. Đột ngột, về mặt chị sững sờ. Làn da mặt chị đã xanh vì mất máu trở nên xám ngắt. Chị cảm thấy máu chị như đọng lại và thân thể chị lạnh buốt như xác người chết. Mắt chị trắng dã mở thao láo nhìn đứa bé. Chị thở dốc lên, toàn thân run rẩy.

— Cô ơi... Giọng chị lạc đi. Sao... thế này hở... cô. Chị vừa ôm ngực thở nấc lên vừa lắp bắp hỏi cô y tá. Con tôi... Trời ơi... con... tôi...

Cô y tá cũng mất hẳn bình tĩnh, mặt xanh xao thất sắc. Cô hoảng hốt chạy lại bên chị. Cố lấy giọng tự nhiên, cô nói:

— Vâng. Đây là con bà... Nó... mạnh khỏe mà... Cô vội vã chạy đi lấy một liều thuốc hồi sinh. Khi cô trở lại thì thiếu phụ đã ngất đi, máu từ dưới móng người đàn bà tuôn tràn ra cả nệm. Và đó là cơn ngất đời đời, chị không còn bao giờ tỉnh dậy nữa để chờ người chồng về cùng chị, không phải là để chia sẻ niềm hạnh phúc do đứa con

dầu lòng mang lại nữa, mà là nỗi nhục nhã chị không tài nào chịu đựng được.

Bà cụ mẹ chồng nhận được tin dữ, vào đến nơi, trông thấy xác con dâu và nhìn mặt đứa cháu nội, ngã ra chết giả. Tỉnh dậy bà ôm mặt khóc nước mắt.

Cha mẹ ruột của thiếu phụ cũng đến nhìn mặt con gái và đứa cháu ngoại khác chủng tộc, đen sì như lọ nồi vôi, mái tóc xoắn tròn ốc, bám sát vào da đầu. Nó đang khóc ré lên đòi sữa giữa một quang cảnh rợn rợn, nao động của đám người tò mò kéo đến nghe chuyện.

Người cha cô gái, một cụ già tóc bạc trắng, hiền hậu, đứng chết lặng trước một sự thực quá phũ phàng. Sự xúc động cùng cực khiến cho gương mặt da mồi hóp lại vì rãng rụng của ông xanh mét như mặt một con gà đã bị cắt tiết. Ông như mất vía với đôi mắt mờ đăm lẹ, bối rối nhìn quanh quất người này người khác, như để tìm thấy một ánh mắt biết thông cảm hoàn cảnh khốn khổ và nỗi đau xót lớn lao của ông. Nhưng ông không tìm thấy ánh mắt đó. Người ta chỉ nhìn ông bằng những ánh mắt dè dặt lạnh lùng. Ông cô đơn đứng giữa đám đồng bào ông, ông muốn độn thổ xuống đất xanh đất đỏ và nằm đời đời dưới đó không bao giờ dậy nữa. Hai lỗ tai nghễnh ngãng của ông sao không điếc đặc lại để ông không nghe được những lời nói dễ khinh của mọi người, tiếng khóc lóc, trách móc nặng nề của bà cụ xui gia. Nột nỗi uất nghẹn dâng lên chẹn lấy cổ họng ông, nhưng ở tuổi của ông, ông không thể có một cử chỉ, một hành động tích cực nào khác hơn là ông cố vượt mặt nuốt trôi qua cổ họng

nỗi đớn đau nhục nhã. Và ở tuổi ông cũng không phải là tuổi có thể chịu đựng cho nỗi những xúc động sâu xa dữ dội như thế. Ông đã lên cơn đau, cơn đau tràn đến do lòng tuyệt vọng như một cơn sóng dữ đánh đắm ông vào bể giải thoát.

Đêm đó, người đàn bà cùng sinh một lần với thiếu phụ nằm cạnh đứa con thơ trần trọc không ngủ được. Bà ta đã khóc, nhưng không để nước mắt chảy ra quá một phút. Rồi bà thiếp đi chìm vào trong những cơn mộng dữ đầy tiếng động, đầy nước mắt và máu. Đó là hàm oan của thiếu phụ trẻ nọ. Nhưng nỗi oan Thị Kính chưa được giải tỏa chị đã vội vã vĩnh biệt cõi đời.

Đứa trẻ ngoại quốc kia chính thực là con của người đàn bà, và bà ta là vợ của ông đại-úy tôi quen.

Thư tuyệt mệnh của cô y tá để lại đã kể rõ mọi việc. Cô ta bị vợ ông đại-úy mua chuộc với một số tiền lớn để đem đứa con Mỹ đen của bà đánh tráo đổi lấy con thiếu phụ. Thư nói rằng cô quá ân hận việc làm tội lỗi của mình, cô không thể sống trong sự vô xé của lương tâm nên cô phải tự kết liễu đời cô.

Ông đại-úy, ngay khi nhận được thư của cô và nội vụ bay khắp cả thành phố, trong một cơn say, đã đến nhà hộ sinh bán xối xả vào phòng người vợ. Sau đó ông trở về đóng kín cửa, nỗi lửa đốt nhà. Xác ông bị thiêu rụi cùng năm đứa con thơ.

Người chồng của thiếu phụ không kịp hay biết đến hàm oan của vợ. Trước khi tin đó về đến đơn vị, anh đã vùi thân trong cuộc chiến, ôm theo mối hận



ngàn thu rằng người vợ trẻ yêu quý của anh, trong những ngày anh xa vắng, đã lấy Mỹ và sinh ra một đứa con đen.

Đến đây, câu chuyện tưởng đã là bi thảm. Nhưng không, sự bi thảm còn gáng công cho được hoàn hảo hơn nữa.

Những viên đạn ông đại-úy bắn ra trong cơn say đã không giết chết người vợ, nhưng một viên đạn đã nhằm vào đứa bé con của thiếu phụ trả nó về cho mẹ nó!

Tôi thường có quan niệm cho rằng thể xác con người được vật chất cấu tạo thành, còn linh hồn là kết tụ của khí thiêng đất trời. Sống là sự kết hợp kỳ diệu giữa vật chất và hồn thiêng. Khi chết đi con người sẽ trả phần vật chất lại cho đất và linh hồn thì lại tan vào trong

vũ trụ bao la. Nhưng trong câu chuyện thương tâm mà tôi vừa kể, quan niệm đó khiến tôi lâm vào một ngõ cụt khôn khổ, và lòng tôi bứt rứt không yên. Tôi lại đâm ra có một ước mơ mãnh liệt, linh hồn con người là một thực thể vô hình trường tồn ở bên kia cõi sống, và khi thể xác gởi lại cho cát bụi, hồn tinh anh còn nối tiếp một đời sống khác trong cõi vô hình. Có như thế thì tôi mới tìm được chút niềm an ủi đối với số phận của đôi vợ chồng trẻ khốn nạn kia, của ông đại úy và những đứa con vô tội của ông. Nếu con người không cho họ đọa đày và tìm thấy một đời sống tốt đẹp trên cõi đời thì, linh hồn họ sẽ được sum họp, tìm ra một đời sống bình an hạnh phúc nơi thế giới bên kia.

Tháng 10-1970

KINH DƯƠNG-VƯƠNG

*DÃ PHÁT-HÀNH:*

## ZEN VÀ DƯƠNG-SINH

do ông Thái-khắc-Lễ biên-soạn

(ái-bản lần thứ III)

nói về lý-thuyết và phép thực-hành phép ăn chay bí-truyền của các võ sĩ NHU-ĐẠO và các THIÊN-SU Nhật-bản, có công-năng cải-tạo sinh lực làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng-cường trí-nhớ, chữa lành tất cả các bệnh nan-y như đau tim, bón, mất ngủ, di-tinh, bạch-đái, áp-huyết cao, ung-thư, ho lao, phong cùi, suyễn, tê-bại, điên-cuồng, bị phóng-xạ nguyên-tử v.v... Sách dày 300 trang

*Thư-từ xin gởi về:*

Ông PHẠM-CHÂU

Ông TÔN-THẮT-HANH

Thư-viện Đại-Học Huế hoặc Chủ-tịch Hội Dưỡng-sinh Việt-nam

HUẾ

6, Thọ-ngọc-Hầu GIA-ĐÌNH

# Thời sự thế giới

TỪ TRÍ

Trong khi quân đội Nam-Việt, sau một tháng can thiệp tại hạ Lào, đã rút về, các quan - sát - viên chính - trị thế - giới không ngớt đặt câu hỏi không hiểu triển vọng hòa-bình ở Đông-Dương có nhiều hơn trước không.

Tại các vùng khác người ta cũng không kém lo ngại. Vì ở Trung-Đông, Hắc-Phi cũng như ở Hồi-quốc nhiều cuộc khủng-hoảng chính-trị đã xảy ra. Trong tháng Ba vừa qua cuộc hưu chiến đã chấm dứt tại Trung-Đông mà Ai cập lại từ chối không chịu triển-hạn. Tuy nhiên Tổng-thống Ai-cập Anwar Sadat đã nhượng bộ nhiều. Bây giờ đến lượt Do-thái phải cố gắng để giải quyết tình-trạng chiến-tranh ở Trung-Đông. Nhưng nhà cầm quyền Tel Aviv không tỏ ra một dấu hiệu nào muốn hòa-bình cả. Tại Hắc-Phi người ta thấy cuộc đảo chính quân-sự ở Ouganda đã có một hậu quả bất ngờ là chia các quốc gia Hắc Phi thành hai phe : một phe ủng hộ các cuộc đảo chính quân-sự và một phe từ chối không chịu thừa nhận các cuộc đảo chính này.

Sau hết tại Hồi-quốc dân chúng Đông-Hồi càng ngày càng tỏ ý chí đòi ly khai khỏi Hồi-quốc. Tổng-thống Hồi Mohammed Yahya Khan đang đe dọa sẽ ban hành tình-trạng khẩn-trương, đưa quân đội ra nắm chính-quyền nếu phe Đông Hồi còn tiếp tục hoạt-động để tách rời khỏi cộng-đồng quốc-gia.

## Chiến dịch hạ Lào và vấn-đề hòa-bình tại Đông-Dương

Cuối tháng 2-1971 sau nhiều lần từ chối không bình-luận gì về việc mở rộng chiến-tranh sang Lào, chính-phủ V.N.C.H đã chính-thức công nhận đã ra lệnh cho quân-đội vượt qua biên-giới sang tấn công hạ Lào dọc theo đường mòn Hồ-chí-Minh. Với sự yểm-trợ của không lực Hoa-kỳ quân đội Nam-Việt đã làm gián đoạn được hệ-thống tiếp-vận của quân Bắc-Việt và chiếm được Tchépone sau nhiều trận giao tranh hết sức ác-liệt.

Cuối tháng 3-1971 quân - lực VNCH được lệnh rút lui. Cuộc hành quân hạ Lào như vậy được tạm coi là chấm dứt và nay đã đến lúc người ta đi tìm những nguyên nhân và hậu-quả chính-trị của nó tại Đông Dương.

oOo

Từ nhiều năm qua quân Bắc Việt đã lợi dụng sự trung lập của Lào và Kampuchea để chuyển quân vào Nam-Việt. Sau khi Thái-tử Sihanouk bị lật đổ, quân đội Nam Việt đã tiến vào lãnh thổ Kampuchea để phá các hậu-cứ của Bắc Việt. Chính phủ Phouma ở Lào, trước sự lộng hành của quân Bắc-Việt liên-kết với phe Lào - Cộng, đã dần dần thay đổi thái độ đối với Nam-Việt. Nhưng địa vị của ông Phouma dựa trên một thế quân binh bất ổn. Từ khi hiệp-định

Genève 1962 được ký kết tới giờ, chính-phủ Lào, trên nguyên-tắc, phải có sự tham dự của cả 3 phe. Nhưng phe Cộng-sản đã rút khỏi chính quyền và ra chiến khu tiếp tục hoạt động để cướp lại chính quyền. Trong nội các Phouma chỉ còn có 2 phe trung lập và hữu phái mà thôi. Nếu hoàng thân Phouma đề quân Bắc-Việt tiếp tục dùng lãnh thổ Lào và yểm trợ quân đội Lào - Cộng thì chính phủ Phouma sớm muộn sẽ bị sụp đổ hay bị quân đội lật đổ. Nhưng nếu ông đề Nam-Việt can thiệp thì phe Cộng-sản lại càng có lý do để tấn công quân đội Hoàng-gia Lào. Cuối tháng 2, âm-mưu đảo-chính quân-sự đã trầm trọng hơn và ông Phouma phải đề quân đội Nam-Việt tấn công ở hạ Lào.

Cuộc hành quân hạ Lào đã như một thử thách chính-sách Đông-Dương của Trung-Cộng. Tuy đe dọa là có phản ứng mạnh nếu quân Nam-Việt vào hạ Lào, nhưng khi mặt trận được mở rộng sang Lào người ta thấy Bắc-kinh chưa có một hành động gì có thể được coi là trả đũa. Tuy nhiên Bắc-kinh tỏ vẻ e ngại trước những tin đồn về cuộc Bắc tiến của chính phủ Saigon. Vì vậy mà Chu-ân-Lai đã cầm đầu một phái đoàn có nhiều chuyên viên quân sự sang Hà-nội để cùng chính phủ Bắc-Việt nghiên cứu việc đối phó với cuộc tấn công có thể xảy ra của đồng minh Việt-Mỹ.

Bắc-Việt, có lẽ trong việc chống trả cuộc hành quân hạ Lào của Nam-Việt, đã gặp nhiều khó khăn về vấn-đề tiếp vận cũng như về vấn-đề

quân số. Dưới hỏa lực quá mạnh của quân đội Việt-Mỹ những đạo quân tinh nhuệ của Bắc-Việt đã chịu nhiều tổn thất nặng nề. Chính phủ Hà-nội lại khó có thể gửi quân tiếp viện ở mặt trận Lào vì Hà-nội dường như chỉ còn có khoảng 3 hay 4 sư đoàn thiện chiến cần phải ở lại để bảo vệ lãnh-thổ Bắc-Việt trước các toan tính Bắc tiến của chính-phủ Saigon. Sự thiếu quân số còn rõ rệt hơn nữa khi người ta thấy rằng Bắc-Việt đã không lợi dụng những ngày mưa và sương mù mà không quân Mỹ không hoạt-động được để chiếm lại Tchépone. Sau hết, Bắc-Việt đã phải động viên đến các người công-giáo mà họ đã nghi kỵ trong nhiều năm qua.

Nhưng tại sao Nam-Việt không lợi dụng ưu thế của mình bằng cách đóng quân luôn ở hạ Lào hay tấn công mạnh hơn nữa? Theo bộ Quốc-phòng Hoa kỳ thì bắt đầu từ tháng 5 khi mùa mưa thì đường mòn Hồ chí Minh sẽ không thể sử dụng được nên đóng quân ở đó chỉ là một điều vô ích, trong khi các mặt trận khác đòi hỏi sự có mặt của quân đội Việt Nam. Nhưng người ta tự hỏi không hiểu chính phủ Mỹ có định thực sự khai-thác những ưu-thế hiện tại hay không. Sau khi khoa-trương lực lượng, có lẽ Mỹ không muốn một chiến-thắng quân-sự mà chỉ mong Bắc-Việt nhượng bộ tại Hội-nghị Paris hay đi tới một thỏa-hiệp ngầm nào đó. Nhưng Bắc-Việt có nhượng bộ hay không đó là một chuyện khác.

### Hưu chiến chấm dứt ở Trung-Đông

Đầu tháng 2, cuộc hưu-chiến 100 ngày tại Trung-Đông đã chấm dứt nhưng Tổng-Thống Ai cập Anwar Sadat đã đơn phương quyết định kéo dài cuộc hưu-chiến này thêm 1 tháng nữa. Đầu tháng 3 cuộc hưu-chiến 1 tháng cũng hết hạn nhưng lần này Ai-cập không có lý do gì để triển hạn thêm một lần nữa. Thật vậy khi triển hạn hưu-chiến cho tới tháng 3, ông Sadat đã đưa ra những đề-nghị mạnh bạo mà chưa một lãnh-tụ Ả-rập nào từ trước tới nay dám nghĩ tới. Đó là những đề nghị :

— Ai-cập mở lại kinh Suez cho mọi nước được thông thương trong khi Do-Thái rút khỏi một phần bán đảo Sinai đã chiếm được của Ai-cập tháng 6-1967 tới nay.

— Ai-cập sẽ ký một hòa-trước chính thức với Do-thái.

— Ai-cập có thể không đòi hỏi Do thái phải rút hết khỏi vùng Ả-rập mà họ chiếm đóng.

Như vậy có nghĩa là Ai cập bằng lòng thừa nhận Do thái là một quốc-gia có chủ quyền, không những không còn tính chuyện tiêu diệt Do-thái, mà còn cho phép Do-thái giữ một phần lãnh-thổ Ả-rập, đã chiếm được sau trận chiến 6 ngày năm 1967.

Đề-nghị của ông Sadat, nếu làm phe kháng-chiến Palestine và các người Ả-rập bất bình, thì ngược lại đã lấy được thiện-cảm của các cường quốc Nga, Mỹ. Nhưng bà Golda Meir, Thủ-tướng Do-thái, đã bác

các đề-nghị trên khiến các nhà ngoại-giao Mỹ và Liên-Hiệp-Quốc tức giận. Chính-phủ Hoa-kỳ do đó đã bắt đầu ngầm làm áp-lực để buộc Do-thái phải có một thái-độ hòa-hoãn hơn.

Ông Sadat dám đưa ra những đề-nghị táo bạo trên là vì hiện thời ông đang làm chủ được tình-thế tại Ai-cập cũng như trong nội bộ khối Ả-rập. Nhưng nếu Do-thái không nhượng bộ, ông Sadat sẽ bị phe hiếu chiến Ả-rập buộc tay và sẽ không thể tự-do hoạt-động trong tương-lai được, nhất là hiện thời cán cân lực lượng không còn ngã về phía Do-thái như trước nữa. Do-Thái có không-lực hùng-hậu có thể làm chủ được chiến-trường cho tới năm 1969. Ngày nay, hệ-thống phòng không của Ai-cập đã được trang bị với 180 hỏa-tiến địa-không SAM-2 và 240 hỏa-tiến SAM-3 tối tân hơn SAM-2. Ngoài ra Ai-cập còn có tới 450 phi-cơ phản lực chiến đấu. Vì vậy mà giới quân-sự ở Ai-cập luôn luôn đòi mở trận phục thù. Một trận phục thù như vậy chưa chắc Do-thái đã nắm được phần thắng và sáng-kiến hòa-bình của ông Sadat sẽ bị dập tắt trong một thời-gian vô-hạn-định.

### Đe dọa ly khai tại Hồi quốc

Từ năm 1947 khi những người Hồi-giáo ly khai với Ấn-độ đề lập ra một Hồi-quốc tới nay, một vấn-đề mà Hồi-quốc chưa giải-quyết nổi là vấn-đề kỳ-thị-địa-phương. Thật vậy sau khi lập-quốc, Hồi có một lãnh-thổ kỳ lạ là vùng Punjab ở phía

Tây và vùng Bengale ở phía Đông cách nhau trên 1.500 cây số và bị lãnh-thò Ấn-độ ngăn cách. Chính-phủ trung-ương Hồi đặt thủ-đô ở Penjab nên vùng này tương-đối được ưu-đãi hơn. Vùng Penjab hay Tây Hồi có 50 triệu dân mà chi tiêu hết 4/5 ngân-sách quốc-gia. Trong khi vùng Bengale có tới 70 triệu dân chỉ được hưởng có 1/5 ngân-sách liên-bang mà thôi. Ngoài ra 85% công-chức và 90% sĩ-quan Hồi đều là người gốc Tây-Hồi. Mức phát-triển của hai miền cũng có nhiều sự khác biệt. Trong những năm qua lợi tức tính theo đầu người tại Tây-Hồi đã gia-tăng 42% trong khi tại Đông-Hồi chỉ gia-tăng có 17%.

Tình-trạng này đã gây nên một sự bất mãn mỗi ngày thêm mạnh mẽ trong dân chúng Đông-Hồi. Sau 12 năm độc tài quân phiệt, Hồi-quốc tổ-chức một cuộc tuyển cử đầu tiên. Ông Sheik Mujibur Rahman đã lãnh-đạo đảng Awami tới thắng lợi, ông Rahman gốc ở Đông Hồi. Với sự thắng cử của đảng Awami ông nhất quyết đòi tự trị cho Đông-Hồi. Ông đưa ra một chương-trình cải tổ gồm có các điểm như giảm quyền của chính-phủ liên-bang, chỉ còn phụ trách 2 vấn-đề ngoại-giao và quốc-phòng mà thôi, cho mỗi vùng Đông và Tây Hồi được quyền tự-trị rộng rãi.

Nhưng nếu đảng Awami chiếm được 167 ghế tại Quốc-hội liên-bang thì đảng Nhân-dân Hồi cũng chiếm được 82 ghế. Lãnh-tụ đảng này là ông Zulfikar Ali Bhutto gốc ở Tây-Hồi và thuộc về tả phái. Ông

Bhutto không chịu tham-gia Quốc-hội liên-bang. Không biết làm gì hơn, Tổng-thống Hồi là Tướng Yahya Khan đã ra lệnh hoãn triệu tập Quốc-hội. Được tin này dân chúng Đông-Hồi đã nổi loạn và ra mặt đòi ly khai. Quân đội và cảnh sát được đem tới dẹp các vụ nổi loạn ở Dacca và kết quả là đã có tới 130 người chết và hàng ngàn người bị thương kể cả 2 cảnh sát viên người Bengale bị sĩ quan Punjab bắn vì tội từ chối không chịu bắn người Bengale cùng miền.

Vụ nổi loạn ở vùng Bengale bên Hồi-quốc trùng hợp với vụ nổi loạn ở vùng Tây Bengale của Ấn-độ. Cả hai vùng đều đòi ly khai. Sợ rằng vùng Bengale của Hồi có thể liên kết với vùng Tây Bengale của Ấn-độ hiện thời, do phe Cộng-sản nắm chính quyền, Tổng-thống Hồi Yahya Khan đã tuyên bố sẽ trở lại chính thể quân-sự để bảo đảm trật tự và bảo đảm toàn vẹn lãnh-thò.

### Đảo chánh Ouganda và đời sống chính trị Phi-châu

Từ nhiều năm qua tại lục địa Hắc-phi mỗi khi có một chính thể khuynh tả thì quân đội lại đứng lên cướp chính quyền. Đó là những trường-hợp của Congo Kinsaha, Nigeria, Ghana v.v... Cuộc đảo chính quân-sự mới nhất xảy ra tại Ouganda. Tướng Amin đã lật đổ Tổng-thống Obote khi ông này đi dự Hội-nghị của Thủ-tướng Liên-Hiệp-Anh ở Singapore. Obote từ Singapore trở về cư-ngụ tại Tanzanie vẫn chưa từ bỏ mộng cướp lại chính quyền.

Khi tổ-chức Thống-nhất Phi-châu được triệu tập tại Addis Abbéba. Tân Tổng-thống Amin gửi một phái đoàn 30 người tới phó-hội. Nhưng Tanzanie, Zambie và Somalie, trung thành với Obote, đặt vấn-đề thừa nhận tân chính-thê ở Ouganda. Theo họ, chính-thê của Amin bắt nguồn từ một cuộc đảo-chính không chính-thống nên họ không chịu cho đại-diện của Amin tham-dự hội-nghị.

Nhưng các nước như Nigeria và Ghana, đã từng làm đảo-chính quân sự, cực lực phản kháng thái-độ của Tanzanie, Gambie và Somalie. Hai nước Nigeria và Ghana cho rằng từ chối không thừa nhận một chính-thê quân-sự đã kiểm-soát cả lãnh thổ

Ouganda, sẽ lập một tiền-lệ nguy-hiêm.

Sau hai ngày họp mật, đại-diện của 41 nước Phi-châu trong tổ-chức Thống-nhất Phi-châu (O.U.A) vẫn không tìm ra lối thoát đành phải hoãn phiên-họp của tổ-chức lại và giao cho Hội-nghị thượng-đỉnh các quốc-trưởng Phi-châu giải-quyết. Nhưng Hội-nghị thượng-đỉnh này lại được trì liệu vào tháng 6 tại chính Thủ-đô của Ouganda, hiện do Tướng Amin làm chủ. Vì vậy, mà các quốc-trưởng Phi-châu đang phải đối phó với một vấn-đề nhức đầu nhất có thể đưa tới rạn nứt của tổ-chức thống-nhất Phi-châu.

(25-3-71)

TỪ TRÌ

## THỜI SỰ VĂN NGHỆ

### Phân tâm muộn màng

Ba mươi ba năm sau khi Freud qua đời mà hãy còn 1.000 trang sách của ông chưa hề được ấn hành lần nào: chuyện không thể tưởng tượng được.

Phân tâm học, Freud, bản năng, tiềm thức, dồn nén, cái giống v.v... những thứ đó vẫn được danh tiếng lừng lẫy ở các xã hội Âu Mỹ từ bao lâu nay. Nhất là từ ngày cái giống vùng lên làm cách mạng.

Lẽ ra, Freud phải được tìm tòi, nghiên cứu không còn sót tí gì. Không ngờ còn cả một khối tư tưởng nghìn trang nằm im lìm! Chuyện xảy ra hình như do đâu những rắc rối giữa

ba nhà xuất bản và các hiệp-hội phân-tâm-học lo tranh chấp nhau.

Các rắc rối đã được giải quyết, và Roger Lewinter đang tiến hành công việc ấn hành toàn bộ tác phẩm Freud.

### Văn lai rai

Nhà Larousse tốn cho tờ Les Nouvelles littéraires mỗi năm 600 000 quan. Tờ báo sống được 48 năm, đến năm nay thì nhà Larousse hết nuôi nôi nó, đang gọi bán.

Bán « Tin Văn » đi, Larousse cho ra tờ Văn (Littérature). Có lẽ cho rằng Văn hay Tin Văn thì cũng thế thôi, nghĩa là cũng không mấy ăn khách

trong thời buổi này, cũng tốn kém, vì vậy nhà Larousse quyết định: *Littérature* xuất bản ba tháng một kỳ. Lai rai như thế, gọi là cho có «văn» với đời.

### Em chã

Motislav Rostropovitch là tay đàn violoncelle số một của Nga xô, giải Lénine 1964. Bộ Văn hóa Nga quyết định cho Rostropovitch xách đàn đi đây đi đó để ca ngợi xã nghĩa. Rostropovitch thành công, được hoa, nghênh khắp nơi. Ông ta là bạn, thân của cặp vợ chồng Louis Aragon, của Thủ tướng Anh Edward Heath, của Thủ tướng Đức Willy Brand v.v... Nay ông ta ở Luân-đôn, mai ở Bonn v.v...

Việc đang diễn tiến tốt đẹp như thế, thỉnh linh xảy ra vụ Soljenitsyne được giải Nobel. Chính quyền trù Soljenitsyne, còn Rostropovitch lại bênh vực, lại mời Soljenitsyne về ở hẳn nhà mình. Tháng 10 năm ngoái, nhạc sĩ viết một lá thư ngỏ ý phản kháng chính quyền, gửi đến bốn tờ báo Nga: bốn tờ đều giấu tịt. Nhưng ở ngoại quốc, bức thư ngỏ lại được dịch và phổ biến.

Bộ trưởng Văn-hóa Nga xô, bà Ekaterina Furtseva, tìm cách khuyến dụ, dỗ dành: nếu Rostropovitch chịu ngoan một chút, ông sẽ được tiếp tục xuất ngoại đều đều. Nhưng nhạc sĩ lắc đầu nguầy nguậy. Câu trả lời: «Niet, Ekaterina, Niet», xin được diễn nôm: «Chị ơi, em hông chịu»

Chị bảo chịu, em rằng chẳng chịu! Nhì nhằng như thế ít lâu, rồi cuối tháng 1, đầu tháng 2-1971, bà bộ trưởng dứt khoát thái độ: bà đánh điện sang Pháp, Phần lan, cúp ngang xương các buổi diễn tấu của Rostropovitch đã thỏa thuận từ trước.

Giải Nobel 1970 lại nhốt thêm một nghệ sĩ nữa bên kia biên giới Nga xô.

### Bây đại cường

Trong vòng 13 năm, con người tiển gần gấp đôi về vấn đề đọc sách. Năm 1968, cả thế giới in 487 nghìn cuốn sách mới, hơn năm 1955 những 70%.

Cái hơn ấy, phần lớn dồn vào 7 nước: Mỹ, Nga, Nhật, Pháp, Tây-ban-nha, Đức, Anh. Riêng 7 nước này đã xuất bản nửa số sách trên thế giới.

### Thi ca và ngoại giao

Không biết tính toán ra sao, Chili đưa một nhà thơ sang làm đại-sứ tại Paris.

Chili là nơi phe mác-xít lên cầm quyền nhờ đường lối ôn hòa, hợp Pháp: ông Salvador Allende đắc thắng trong một cuộc bầu cử.

Ông gửi đến Paris nhà thi sĩ Pablo Neruda.

Nếu André Malraux còn làm bộ trưởng thì chủ và khách đàm đạo thật thích hợp. Nhưng Pompidou, đầu sao cũng là tác giả một bộ thi tuyển.

Sự tính toán của Allende không biết có mô phỏng sáng kiến của De Gaulle chẳng. Trước kia, để gây cảm tình với các quốc gia Nam Mỹ, De Gaulle đã phái André Malraux sang. Bây giờ để gây cảm tình với Tây Âu, Chili gửi Pablo Neruda đến...

### TRANG THIÊN

### Giải thưởng Bút Việt 71

Mỗi năm Trung tâm Văn bút VN. đều có treo một giải thưởng. Các năm trước đã có những giải về Truyện ngắn, Truyện dài, Phê bình, Biên khảo, Phóng sự, Thi ca, Nghiên cứu Lịch sử. Năm nay Hội Bút Việt quyết định treo một giải thưởng độc nhất: 100.000đ về bộ môn Sân khấu.

Tác phẩm dự thi phải là bản thảo chưa từng in về bộ môn sân khấu (Hát bội, chèo cổ, cải lương, kịch nói hay kịch thơ) đề tài tự do, gửi làm

5 bản đánh máy về. Ông Nguyễn Đức Hình, Trung tâm Văn bút V.N., 107 Đoàn thị Điểm Saigon, trước ngày 15-11-1971. Ngày tuyên bố kết quả sẽ là 15-12-1971

### Cánh chim tự do

Sau ba năm bị "hoãn xét", cuốn tiểu thuyết *Như Cánh Chim Bay* của Võ Hồng vừa được Bộ Thông Tin cấp giấy phép. Theo sự tiết lộ của nhà xuất bản Lá Bối thì đó là cuốn thứ hai của một bộ trường giang tiểu thuyết mô tả lại cuộc kháng chiến chống Pháp ở Miền Nam Trung Việt từ năm 1945. Cuốn thứ nhất lấy tên là *Hoa Bướm Bướm* được xuất bản năm 1966, lấy khung ảnh thời gian là giai đoạn 1945-1946, lúc Việt minh khởi nghĩa, cuộc kháng chiến bắt đầu và kết thúc ở Hiệp định sơ bộ 1946. Cuốn *Như Cánh Chim Bay* bao trùm khoảng thời gian từ 1946 đến 1949, giai đoạn kháng chiến gian khổ với những cảnh dân chúng tăng gia sản xuất, tham gia chiến đấu, canh phòng bờ biển chống càn quét vừa lo học Binh dân học vụ để thoát cảnh mù chữ. Cuốn thứ ba mang tên *Tiếng Ca Lặng Lẽ* sẽ lấy bối cảnh của giai đoạn 1949-1952.

Cho đến nay thì những tác phẩm ghi lại một cách trung thực khách quan cuộc Kháng-chiến của đồng bào Miền Nam quá hiếm hoi. Đó là một điều thiệt thòi cho Văn-học, cho Lịch sử Hiện nay nhà xuất bản Lá Bối đang xúc tiến việc ấn loát *Như Cánh Chim Bay*.

### Nghệ thuật nuôi Cút

Đây là quyển sách về chuyên môn đã được giới thiệu từ lâu nhưng đến hôm nay Vũ Hạnh mới cho phổ biến. Tác giả cho rằng phong trào nuôi Cút vừa qua đã bị nhiều bọn gian thương lợi dụng khiến nó trở thành quái đản, do đó cho tung sách Cút vào cái dịp đó chẳng khác nào

minh đồng lõa với bọn buôn gian bán lận.

Đợi cho những sự khuấy động nhất thời tan đi, cho sách Cút ra đời để giữ giá trị chuyên môn thuần túy của nó, mặc dầu tác giả chịu thiệt về phần tài chánh.

Vũ Hạnh đã tham khảo nhiều tài liệu Ý, Nhật, Mỹ, Pháp, Thái Lan và dựa vào kinh nghiệm thực tế để viết quyển này. Tác giả cho rằng nếu quan niệm đúng Cút là một loài gia súc thì đó là loại gia súc rất quý đáng cho mọi người chăn nuôi. Vì vậy tác giả sẵn sàng trao đổi kinh nghiệm với tất cả bạn bè gởi thư về địa chỉ Tòa soạn Bách Khoa (160 Phan đình Phùng Saigon) để nói chuyện Cút.

### Tiếng phèn la

Tập truyện này của Xuân Tùng do nhà Lá Bối ấn hành và Nguyễn Văn Xuân giới thiệu gồm những truyện ngắn chọn lọc nói về đời sống nông thôn Miền Trung. Tác giả có lối hành văn giản dị nhưng nhiều màu sắc, trình bày được nhiều khía cạnh độc đáo ở trong sinh hoạt ruộng đồng của miền thôn dã Trung phần. Từ trước đến giờ đồng ruộng xứ Bắc, đồng ruộng miền Nam được nói đến nhiều, nhưng đồng ruộng ở miền Trung ít được đề cập. Do đó «Tiếng phèn la» đã được rất nhiều bạn đọc chú ý.

### Tập san Sử Địa 5 năm

Tập san Sử Địa, xuất bản 3 tháng một kỳ, do một nhóm giáo sư, sinh viên Đại học Sư Phạm Saigon chủ trương và nhà sách Khai Trí bảo trợ, số 1 ra mắt ngày 27-2-1966, đã kỷ niệm đệ ngũ chu niên vào chủ nhật cuối tháng 2-71 trước đây.

Tập san Sử Địa hiện nay đã ra tới số 21 do những cây bút biên khảo có uy tín cộng tác như: Nguyễn thế Anh, Trương bá Cần, Bửu Kế, Hoàng



Xuân Hân Phạm văn Sơn, Nghiêm Thâm, Tạ Chí Đại Trùng v.v... Điều đặc biệt là Tập san Sử Địa đã ra được những số đặc khảo vì các danh nhân như: Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Phan Thanh Giản, Quang Trung hay về các chủ đề quan trọng như : Phong tục Tết VN và các lân bang, Việt kiều tại Thái Miên Lào, Nam tiến của dân tộc VN. và số mới nhất cũng mang chủ đề: 200 năm phong trào Tây Sơn.

Đúng như lá thư Tòa soạn đã trình bày : «Tập san Sử Địa đã nói lên được lòng yêu mến Sử học cũng như Địa lý nước nhà. Sử Địa cũng giống tiếng chuông thúc giục Đại học VN. sớm làm tròn nhiệm vụ phát triển văn hóa dân tộc».

### Nguyễn Tiến Lãng với Đại lễ và vũ khúc..

Tập kỷ yển của Trường Viễn Đông Bác Cổ (Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient) số 57 năm 1970 có đăng một bài của nhà văn Nguyễn Tiến Lãng, hiện lưu vong tại Pháp, nhận định về một cuốn sách của Ô.Ô. Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề mang tên «Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa V.N.» (1)

Sau khi tóm tắt và trình bày nội dung cuốn sách ông viết : «Phần nghiên cứu bác học thì chắc chắn, không lỗi lầm. Các tài liệu thu thập được chứng tỏ một cố gắng lớn lao và giúp cho những người đi sau trong lãnh vực này khỏi tốn nhiều công lao dò-dẫm, khảo tầm. Sau hết đọc tác phẩm chúng ta còn thấy rất thích thú. Tất cả các bản dịch những bài hát lễ — những bài hát lễ tất nhiên đoạn bằng Hán-văn vì các nghi lễ này đưa chúng ta trở lại những thời xa xưa — tất cả các bản dịch đều rời rạc thi-vị.»

Tuy nhiên ông cũng nhận thấy cuốn sách có phần thiếu sót và ông đưa

ra những đề nghị như sau :

«Về phương diện thời gian, các tác giả đã dừng lại ở lễ sách lập hoàng tử Vĩnh-Thụy làm Đông-Cung thái-tử ngày 28-4-1922 và lễ Tứ-tuần đại khánh vua Khải-Định ngày 1.9-1924.

Dựa trên nhan đề của tác phẩm, chúng tôi thấy đó là một sự thiếu sót. Đối với sử-gia, nền quân chủ Việt-Nam chỉ chấm dứt ngày 24-8-1945 khi hoàng-đế Bảo-Đại thoái vị. Chúng tôi nghĩ chúng ta không thiếu tài liệu để ghi lại các đại-lễ sau đây :

— Đám tang vua Khải-Định.

— Lễ đăng quang của vua Bảo-Đại.

— Lễ tấn tôn Đoan-Huy Hoàng-hậu làm Hoàng Thái-Hậu.

— Lễ cưới vua Bảo-Đại.

— Lễ tấn phong Nam-Phương Hoàng-hậu.

— Lễ sách lập Hoàng-tử Bảo Long làm Đông-Cung Thái-Tử.

— Lễ tấn phong Phò-quang Quận-công Tôn-Thất-Hân.

— Lễ phong Vương cho các viên Toàn-quyền Pháp Pierre Pasquier và Đô-đốc Decoux. Vì hoàng-đế Việt-Nam là hoàng-đế nên có thể phong vương cho người khác, nhưng chỉ không thể cấp cho họ đất đai để lập vương-quốc mà thôi.

Tài liệu về các lễ đó có thể sưu tầm trong các nhật-báo và tạp-chí xuất-bản trong thời-kỳ Pháp-thuộc hoặc có thể hỏi các nhân-chứng. Nhất là ở Huế, chúng tôi nghĩ rằng tìm kiếm những người đã được chứng kiến các lễ đó cũng không khó khăn lắm. Ngoài ra chúng tôi cũng mong mỗi có một bản dẫn các tên người và tên sách để bổ túc cho

(1) Sách dày 564 trang, do Hoa Lư Saigon xuất bản.

tác phẩm, và phần tài liệu tham khảo cần chính xác hơn».

Sau cùng ông tỏ ý tán thưởng hai tác giả và cho rằng đây có lẽ là tác phẩm đầu tiên về lễ nghi và vũ khúc cổ điển, chắc chắn sẽ mở đường cho những cuộc khảo cứu khác trong lãnh vực này của đời sống của nh tri, xã hội và tôn giáo của dân tộc ta.

### Văn hóa kêu cứu

Trong tuần qua những vụ nhà giáo bị hành hung đã làm các giáo chức công phần đến độ bất chấp cả lời kêu gọi của Bộ Giáo dục đồng loạt nghỉ dạy luôn mấy ngày để đòi chính quyền phải trừng trị thích đáng những kẻ cậy quyền thế đã dùng bạo lực với nhà giáo.

Ngày 15/3/71 vừa qua nhà văn Toan Ánh, Hội viên Hội đồng văn hóa giáo dục, Giảng sư tại Đại học Vạn hạnh và Đại học Văn khoa Huế lại gửi một lá thư lên Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Quốc hội v. v... để kêu cứu vì đang bị « đe dọa an ninh cá nhân ».

Nguyên tác giả « Nếp cũ » ở cư xá Dân sinh 107 Đại lộ Cách mạng. Trong cư xá này có ông Thiểu tá Châu Hữu Lâm và người anh là Châu Văn Nguyên, thầu khoán, cựu Đại úy không quân, tới ở trước mặt căn nhà của Toan Ánh. Hai anh em họ Châu một hôm « đem lính về xây bít lối vào giếng nước và chắn ngang phía trước mặt để biến miếng đất công trên thành của riêng và trong tương lai còn dự định cất lầu ». Tất nhiên các gia đình trong cư xá phản đối, nhạc sĩ Nguyễn hữu Ba, Chủ tịch Cư xá phản đối lên Tổng Nha doanh lý kiến thiết, quận Tân Bình cho cảnh sát tới can thiệp, Thừa p'át lại lập vi bằng, Thẩm phán Tối cao Pháp viện Nguyễn Mộng Bích mời cảnh sát, lập vi bằng, Quân cảnh Biệt Động Quân can thiệp. . Không đi đến đâu. Anh em

ông Thiểu tá vẫn tiếp tục xây cất. Xui cho nhà văn Toan Ánh là ông cư ngụ ngay trước nhà ông Thiểu tá nên mọi sự giận hờn của anh em ông Thiểu tá đối với dân ngụ trong cư-xá thường hay hướng về ông « Nếp cũ » cả. Bởi vậy sáng ngày 13-3-71 — sau khi bị dân cư trong cư xá làm dữ đêm trước — ông Châu-văn-Nguyên lái xe sát vào Toan Ánh và ngừng lại xuống xe chỉ mặt nói : « Ông coi chừng. Ông sẽ biết tay tôi, tôi sẽ cho lính Biệt-động-quân và du côn đối phó với ông ».

Kết thúc lá thư nói trên, nhà văn Toan Ánh đã viết :

« Chúng tôi cũng nghĩ rằng, trong một cư xá mà phần lớn cư xá viên đều là những người có địa vị trong xã-hội : Sĩ quan cao cấp, Thẩm phán tối cao pháp viện, Biện-lý, Luật-sư, Kỹ-sư, Giáo-sư đại-học... mà vẫn còn có những người ngang nhiên lộng hành dẫm chân lên pháp luật, dựa vào thế lực đem quân lính súng ống về đe dọa xóm giềng, thì thử hỏi những nơi Tỉnh nhỏ, ở những Quận, xã, ấp hẻo lánh luật pháp còn có nghĩa lý gì, và thân phận của những người dân đen thấp cổ bé họng có gì là bảo đảm, nếu những con người như vậy không bị trừng trị xứng đáng thì việc thi hành chính sách chống tham nhũng sẽ trở thành vô nghĩa. Đây là những kẻ đã gây ra sự phẫn nộ trong quần chúng và làm hại chế-độ nhiều nhất ».

THU THỦY

### ☆ NHẮN TIN ☆

— Cô Minh Nguyệt. (Luân Đôn) Lâu lắm chưa được tin tức. Hãy viết và gửi về tòa soạn Bách-khoa như trước.

— Các bạn muốn viết thư cho Trần Hoài Thư : Xin gửi về : T/u Trần quý Sách KBC 4074/TQT.